



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

HỘI THẢO

**Nội dung chỉ tiêu, chỉ số tổng hợp
phục vụ chỉ đạo điều hành của các lĩnh vực
chuyên ngành Tài nguyên và môi trường**

Ngày 27 tháng 02 năm 2024



NỘI DUNG

1

Mô hình tổng thể
Hệ thống quản lý
điều hành thông
minh

2

Nội dung chỉ tiêu,
chỉ số tổng hợp
phục vụ chỉ đạo
điều hành của các
lĩnh vực
chuyên

3

Trao đổi,
thảo luận

01

Mô hình tổng thể Hệ thống quản lý điều hành thông minh



1. MÔ HÌNH TỔNG THỂ HỆ THỐNG QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH THÔNG MINH



2. KHUNG THÔNG TIN DỮ LIỆU PHỤC VỤ CHO CẤP **LÃNH ĐẠO BỘ**



HỆ THỐNG THÔNG TIN CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



KHỐI THÔNG TIN TỔNG HỢP



Theo dõi đề án, nhiệm vụ



Kế hoạch, tài chính



Tổ chức cán bộ



Thanh tra, kiểm tra



Chuyển đổi số và PAKN



Nhóm thông tin
tổng hợp khác



Đất đai, Quy
hoạch và PT tài
nguyên đất



Môi trường



Địa chất và
Khoáng sản



Khí tượng
thủy văn



Tài nguyên
nước



Biến đổi
khí hậu



Biển và
Hải đảo



Đo đạc,
bản đồ



Bảo tồn thiên nhiên
và Đa dạng sinh học



Viên thám

KHỐI THÔNG TIN CHUYÊN NGÀNH

Bản quyền thuộc về Bộ Tài Nguyên và Môi Trường

3. KHUNG THÔNG TIN DỮ LIỆU PHỤC VỤ CHO CẤP LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ



HỆ THỐNG THÔNG TIN CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



KHỐI THÔNG TIN CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

This dashboard contains six circular icons representing different functional tasks:

- Thực hiện nhiệm vụ giúp việc Lãnh đạo Bộ (Assisting the Department Leadership in performing tasks)
- Công tác hành chính, văn thư, lưu trữ (Administrative work, correspondence, and archiving)
- Kiểm soát TTHC; thực hiện cơ chế MCDT liên thông (Monitoring and controlling the TTHC; implementing the MCDT interconnection mechanism)
- Công tác truyền thông, báo chí, xuất bản (Communication work, press, and publishing)
- Nhóm thông tin tổng hợp khác (Other information groups)

KHỐI THEO DÕI CÁC ĐƠN VỊ THUỘC BỘ

This dashboard contains five circular icons representing monitoring units:

- Tổng cục Khí tượng Thủy văn (General Department of Meteorology and Hydrology)
- Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai (Land Registration and Information Data Center)
- Cục Địa chất Việt Nam (Vietnam Geological Center)
- Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường (Environmental Pollution Control Center)
- Các Cục chuyên ngành và các Đơn vị khác... (Specialized Centers and other units)



VĂN PHÒNG BỘ

- Dashboard phục vụ Lãnh đạo
- Dashboard tương tác với bản đồ
- Dashboard phân tích đa chiều

CÁC NHÓM DASHBOARD

4. KHUNG THÔNG TIN DỮ LIỆU PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH (1)

- *Tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP Bộ chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành được giải thích “là những chỉ số được thiết kế nhằm đo lường, đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện công việc của cơ quan, tổ chức, cá nhân”.*
- Là một dạng bằng chứng **định lượng**, được thu thập một cách hệ thống, nhằm **theo dõi, giám sát** quá trình **thực thi chính sách**, nâng cao **trách nhiệm giải trình**, tăng tính **công khai, minh bạch**; kịp thời đưa ra các **quyết định chỉ đạo điều hành** để xử lý các vấn đề cấp bách xảy ra.
- Các dạng chỉ số CĐĐH:
 - ✓ **Chỉ số đầu vào**
 - ✓ **Chỉ số quá trình thực hiện**
 - ✓ **Chỉ số đầu ra**
 - ✓ **Chỉ số kết quả thực hiện**
 - ✓ **Chỉ số tác động**
 - ✓ **Chỉ số theo dõi nhiệm vụ**
 - ✓ ...

4. KHUNG THÔNG TIN DỮ LIỆU PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH (2)



5. THÔNG TIN DỮ LIỆU PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH (1)

TT	Tên chỉ số	Đơn vị tính	Giá trị	Kỳ dữ liệu	Phân tổ	Phạm vi	Cơ quan thực hiện	Phương thức cung cấp	Ghi chú
E	Chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành trong phòng chống thiên tai								
1	Nhóm chỉ số về khí tượng thủy văn								
1.1	Quan trắc mưa	mm	Giá trị	Hàng giờ		Quốc gia, tỉnh	Bộ TN&MT		
1.2	Quan trắc mực nước	m	Giá trị	Hàng giờ		Quốc gia, tỉnh	Bộ TN&MT		
1.3	Quan trắc lưu lượng	m ³ /s	Giá trị	Hàng giờ		Quốc gia, tỉnh	Bộ TN&MT		
1.4	Quan trắc gió	km/h, m/s; hướng gió	Giá trị	Hàng giờ		Quốc gia, tỉnh	Bộ TN&MT		
1.5	Quan trắc nhiệt độ	độ C	Giá trị	Hàng giờ		Quốc gia, tỉnh	Bộ TN&MT		
1.6	Quan trắc mặn	%	Giá trị, so sánh	Hàng giờ		Quốc gia, tỉnh	Bộ TN&MT		
1.7	Quan trắc thủy triều	m	Giá trị	Hàng giờ		Quốc gia, tỉnh	Bộ TN&MT		
1.9	Thông tin bão/ áp thấp nhiệt đới: Toạ độ, thời gian, vùng ảnh hưởng, cấp độ RRTT (Hiện tại và dự báo)	Thông tin	Giá trị	Theo quy định phát tin		Quốc gia, tỉnh, huyện, xã	Bộ TN&MT		
1.10	Bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng: Mưa lớn, lũ, lũ quét, sạt lở đất và các loại hình thiên tai khác	Bản tin	Giá trị	Theo quy định phát tin		Quốc gia, tỉnh, huyện, xã	Bộ TN&MT		
1.11	Radar thời tiết	Ảnh	Giá trị	Hàng giờ		Quốc gia, tỉnh	Bộ TN&MT		
1.12	Bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai	Bản đồ	Giá trị	Hàng năm	Theo vùng, loại hình thiên tai	Quốc gia, tỉnh, huyện, xã	Bộ TN&MT		
1.13	Bản đồ ảnh hưởng thiên tai (Bão, ATNĐ, hạn hán, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt)	Bản đồ	Giá trị	Hàng năm	Theo tỉnh và loại hình thiên tai	Quốc gia, tỉnh, huyện, xã	Bộ TN&MT		
4	Nhóm dữ liệu về Bản đồ và ảnh viễn thám								
4.1	Bản đồ rủi ro thiên tai	Bản đồ	Giá trị	Hàng năm		Quốc gia; tỉnh	Bộ TN&MT		
4.3	Bản đồ sạt lở	Bản đồ	Giá trị	Hàng năm		Quốc gia; tỉnh, huyện, xã	Bộ TN&MT		

DỰ THẢO KHUNG BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ GIAI ĐOẠN 2023-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

5. THÔNG TIN DỮ LIỆU PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH (2)

TT	Nhóm chỉ số	Phạm vi	Thời gian	Phân tổ
A	Bộ chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành hàng ngày, tuần, tháng			
1	Đất đai (<i>thống kê; đăng ký; cấp Giấy chứng nhận...</i>)	Cả nước / Tỉnh, thành phố	Tháng	Loại đất
2	Địa chất và khoáng sản	Cả nước / Tỉnh, thành phố	Tháng	
3	Khí tượng thủy văn (<i>thời tiết; cảnh báo thời tiết cực đoan...</i>)	Cả nước / Tỉnh, thành phố	Ngày / Tuần / Tháng	
4	Tài nguyên nước (<i>quản lý vận hành hồ đập, hồ chứa...</i>)	Cả nước / Tỉnh, thành phố	Ngày / Tuần / Tháng	
5	Môi trường (<i>bảo vệ môi trường; cơ sở ô nhiễm, xử lý môi trường...</i>)	Cả nước / Tỉnh, thành phố	Ngày / Tuần / Tháng	
6	Thống kê ngành Tài nguyên và Môi trường	Cả nước / Tỉnh, thành phố	Tháng	Phân ngành kinh tế
B	Bộ chỉ số theo dõi nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP hàng năm			
C	Bộ chỉ số theo dõi nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025			
D	Bộ chỉ số theo dõi nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 288/QĐ-TTg ngày 28/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Khung đánh giá tình hình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội			
E	Bộ chỉ số theo dõi việc thực hiện các chỉ số quốc tế về phát triển bền vững (Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ), môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh, đổi mới sáng tạo			

DỰ THẢO KHUNG BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ GIAI ĐOẠN 2023-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

6. HƯỚNG DẪN VỀ THÔNG TIN DỮ LIỆU PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH (1)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 22 /2023/TT-BTNMT
Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2023

THÔNG TƯ

Quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê và chế độ báo cáo thống kê ngành tài nguyên và môi trường

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê và chế độ báo cáo thống kê ngành tài nguyên và môi trường.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê và chế độ báo cáo thống kê ngành tài nguyên và môi trường.

2. Thông tư này áp dụng đối với các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác thu thập, tổng hợp báo cáo thống kê ngành tài nguyên và môi trường.

TOÀN NGÀNH

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 34 /2018/TT-BTNMT
Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2018

THÔNG TƯ

Quy định nội dung, biểu mẫu báo cáo tài nguyên nước

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định nội dung, biểu mẫu báo cáo tài nguyên nước.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định nội dung, biểu mẫu báo cáo tài nguyên nước, bao gồm: báo cáo tài nguyên nước quốc gia, báo cáo chuyên đề về tài nguyên nước, báo cáo sử dụng tài nguyên nước và báo cáo hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Các cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập báo cáo tài nguyên nước quốc gia, báo cáo chuyên đề về tài nguyên nước, báo cáo sử dụng tài nguyên nước của các Bộ, cơ quan ngang Bộ và của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

2. Tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành các công trình khai thác, sử dụng nước mặt, nước dưới đất, xả nước thải vào nguồn nước đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tài nguyên nước.

TÀI NGUYÊN NƯỚC

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 02/2022/TT-BTNMT
Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2022

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường, Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là Nghị định số 08/2022/NĐ-CP), bao gồm:

1. Quy định chi tiết thi hành điểm a khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 8; khoản 7 Điều 10; điểm a khoản 1 Điều 19; khoản 2 Điều 24; khoản 3 Điều 27; khoản 2 Điều 32; khoản 11 Điều 34; khoản 5 Điều 40; khoản 9 Điều 49; khoản 4 Điều 62; khoản 8 Điều 67; khoản 6 Điều 72; khoản 2 Điều 76; khoản 5 Điều 78; khoản 5 Điều 79; khoản 4 Điều 80; khoản 4 Điều 81; khoản 5 Điều 83; khoản 4 Điều 84; khoản 6 Điều 86; điểm b khoản 1 Điều 115; điểm b khoản 2 Điều 115; khoản 5 Điều 118; khoản 5 Điều 119; khoản 5 Điều 120; khoản 7 Điều 126 và khoản 6 Điều 148 của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Quy định chi tiết thi hành điểm d khoản 2 Điều 15; điểm d khoản 2 Điều 16; khoản 5 Điều 17; khoản 3 Điều 18; khoản 7 Điều 19; khoản 2 Điều 21; điểm a khoản 6 và điểm a khoản 8 Điều 21; điểm b khoản 3 Điều 26; điểm e khoản 3 Điều 28; điểm d khoản 5 Điều 28; khoản 11 Điều 29; khoản 10 Điều

MÔI TRƯỜNG

6. HƯỚNG DẪN VỀ THÔNG TIN DỮ LIỆU PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH (2)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 27/2018/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2018

THÔNG TƯ

Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai, Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về thời gian thực hiện, chỉ tiêu, biểu mẫu, nội dung, phương pháp, trình tự thực hiện, kiểm tra, giao nộp, lưu trữ kết quả thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của cả nước; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; xã, phường, thị trấn.

ĐẤT ĐAI

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/2016/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2016

THÔNG TƯ

Quy định các bộ dữ liệu, chuẩn dữ liệu và xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia

Căn cứ Luật khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định các bộ dữ liệu, chuẩn dữ liệu và xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết khoản 2 Điều 31 Luật khí tượng thủy văn về các bộ dữ liệu, chuẩn dữ liệu và xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia.

Chương II

QUY ĐỊNH CHI TIẾT

Mục 1

CÁC BỘ DỮ LIỆU, CHUẨN DỮ LIỆU KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

Điều 3. Các bộ dữ liệu khí tượng thủy văn

Bộ dữ liệu khí tượng thủy văn bao gồm tất cả các thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn quy định tại Điều 29 và thông tin, dữ liệu về giám sát biến đổi khí hậu quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật khí tượng thủy văn, được sắp xếp thành các bộ sau:

1. Bộ dữ liệu về quan trắc, điều tra, khảo sát khí tượng, thủy văn, hải văn, môi trường không khí và nước gồm các thông tin, dữ liệu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 34 của Luật khí tượng thủy văn;

KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

CÁC LĨNH VỰC KHÁC

7. KINH NGHIỆM TRIỂN KHAI CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ (1)

Tổng hợp, phân tích thông tin tình hình kinh tế - xã hội toàn quốc theo tháng



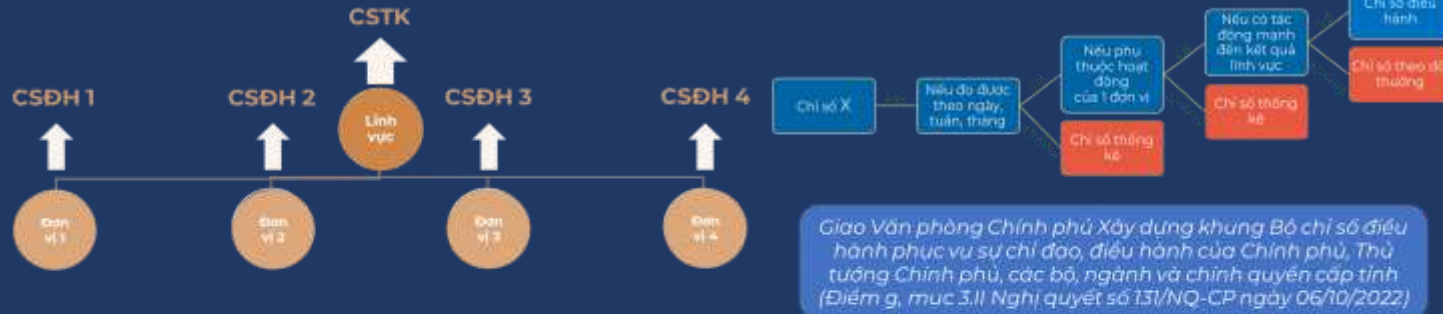
Tổng hợp, phân tích thông tin tình hình KTXH các địa phương theo tháng



Theo dõi tình hình xuất nhập khẩu theo ngày

Phân tích chuyên sâu các nhóm chỉ tiêu trọng tâm để nắm bắt kịp thời nhịp đập của nền kinh tế

7. KINH NGHIỆM TRIỂN KHAI CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ (2)



Chỉ số thống kê (CSTK)

- Là CS chỉ ra một trong những kết quả chính của lĩnh vực
- Đo được theo năm, quý
- Thường là kết quả phối hợp của nhiều đơn vị & các yếu tố bên ngoài
- Một mình CS này không đủ để chỉ ra giải pháp
- Tương đối ổn định và được thu thập, tính toán theo quy định tại Luật hoặc các văn bản QPPL

Chỉ số điều hành (CSĐH)

- Là CS có tác động lớn tới kết quả chung, có tính dự báo
- Đo được liên tục (ngày, tuần, tháng)
- Thường là kết quả của 1 đơn vị
- Chỉ ra giải pháp, cần can thiệp ở đâu, lúc nào
- Tương đối linh hoạt về tên cũng như phương thức thu thập, tính toán căn cứ vào mục tiêu và nhu cầu của nhà quản lý

Giao Văn phòng Chính phủ Xây dựng khung Bộ chỉ số điều hành phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành và chính quyền cấp tỉnh (Điểm g, mục 3.1) Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022)



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1498/QĐ-TTg Hà Nội, ngày 11 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành danh mục thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;
Căn cứ Nghị định 150/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Chính phủ;
Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;
Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;
Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;
Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh mục thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

8. KINH NGHIỆM TRIỂN KHAI TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG (BÌNH DƯƠNG)

Tích hợp
27 lĩnh vực
phục vụ điều
hành bằng dữ
liệu



1. Hiện trạng và nhu cầu trong quá khứ

- Hiện trạng: thông tin dữ liệu rời rạc, thời gian tổng hợp lâu và không có kịp thời; các báo cáo chủ yếu vẫn là báo cáo giấy, số liệu là chỉ tiêu kết quả và không trực quan nên chưa hỗ trợ tốt trong chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo các cấp

- Nhu cầu:

- + Bình Dương định hướng phát triển đô thị thông minh nên cần giải pháp nền tảng để phục vụ chỉ đạo điều hành thông minh
- + Hệ thống có khả năng phân tích, dự báo, cảnh báo hỗ trợ lãnh đạo ra QĐ chỉ đạo điều hành
- + Có khả năng tích hợp từ nhiều nguồn dữ liệu, tùy biến cao

2. Các dashboard điển hình mà lãnh đạo thường dùng chỉ đạo điều hành

- Giám sát hoạt động sản xuất công nghiệp của tỉnh
- Giám sát được tình hình thu, chi, giải ngân đến CẤP XÃ theo ngày
- Giám sát thu ngân sách chia sẻ từ VPCP
- Giám sát thông tin đất đai

3. Hướng triển khai thời gian tới tại Bình Dương

- Tập trung khai thác, phân tích dữ liệu chuyên sâu
- Xây dựng chiến lược dữ liệu, chuẩn hóa tích hợp dữ liệu về IOC
- Triển khai điều hành chỉ đạo trên app mobile
- Tăng cường triển khai mở rộng IOC cấp huyện/TP/TX trực thuộc tỉnh

Xây dựng được dòng chảy dữ liệu và từng bước hỗ trợ lãnh đạo các cấp ra quyết định bằng dữ liệu



2.1

VĂN PHÒNG BỘ

1. GIAO DIỆN TRANG CHỦ PHỤC VỤ VĂN PHÒNG BỘ



HỆ THỐNG THÔNG TIN CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Thực hiện nhiệm vụ
giúp việc Lãnh đạo Bộ



Công tác hành chính,
văn thư, lưu trữ



Kiểm soát TTHC; thực
hiện cơ chế MCDT liên
thông



Công tác truyền thông,
báo chí, xuất bản



Nhóm thông tin
tổng hợp khác



VĂN PHÒNG BỘ



Tổng cục Khí tượng
Thủy văn



Cục Đăng ký và Dữ liệu
thông tin đất đai



Cục Địa chất Việt Nam



Cục Kiểm soát ô nhiễm
môi trường



Các Cục chuyên ngành và
các Đơn vị khác...

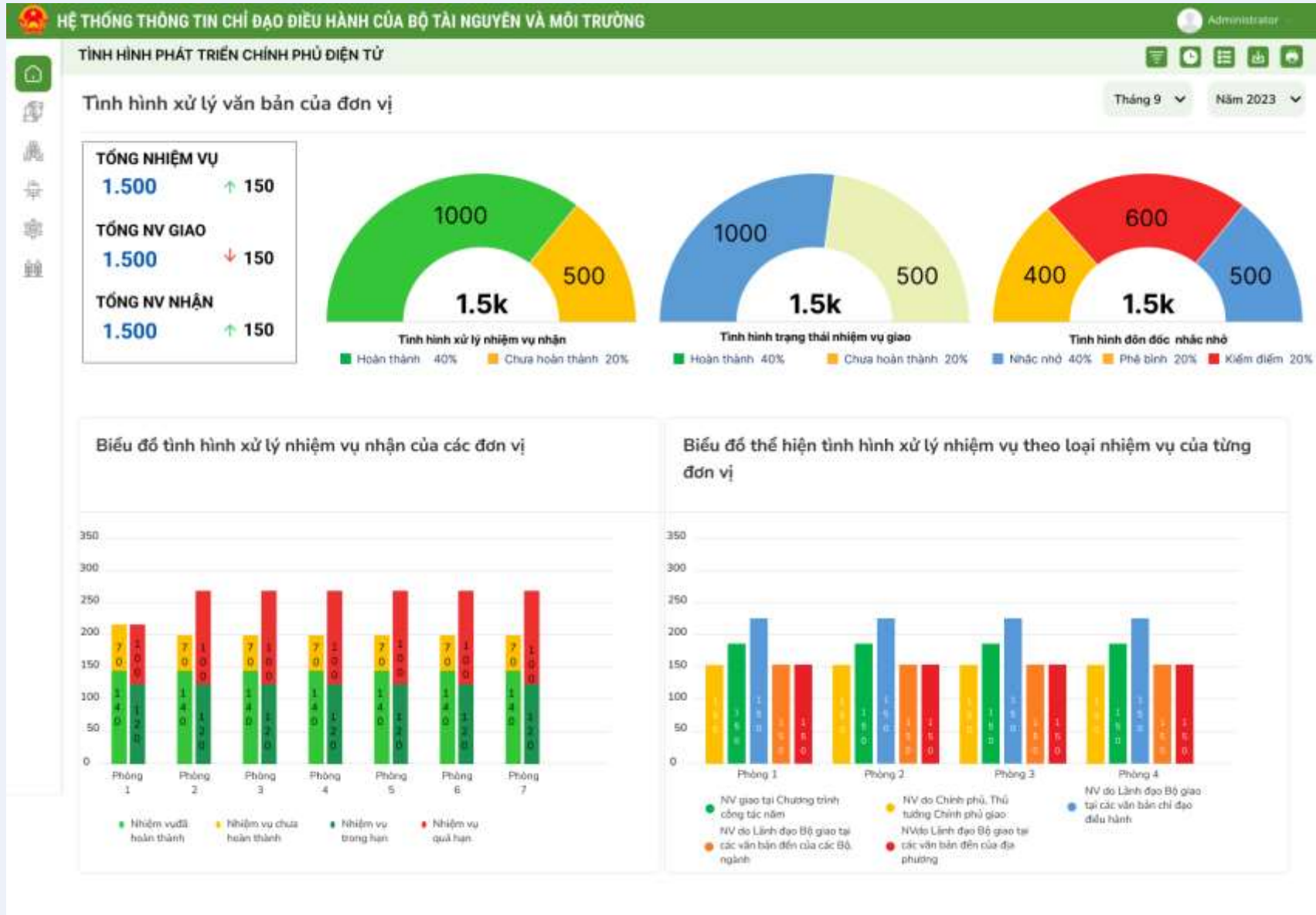
2. GIAO DIỆN DASHBOARD TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

NHÓM THÔNG TIN TỔNG HỢP



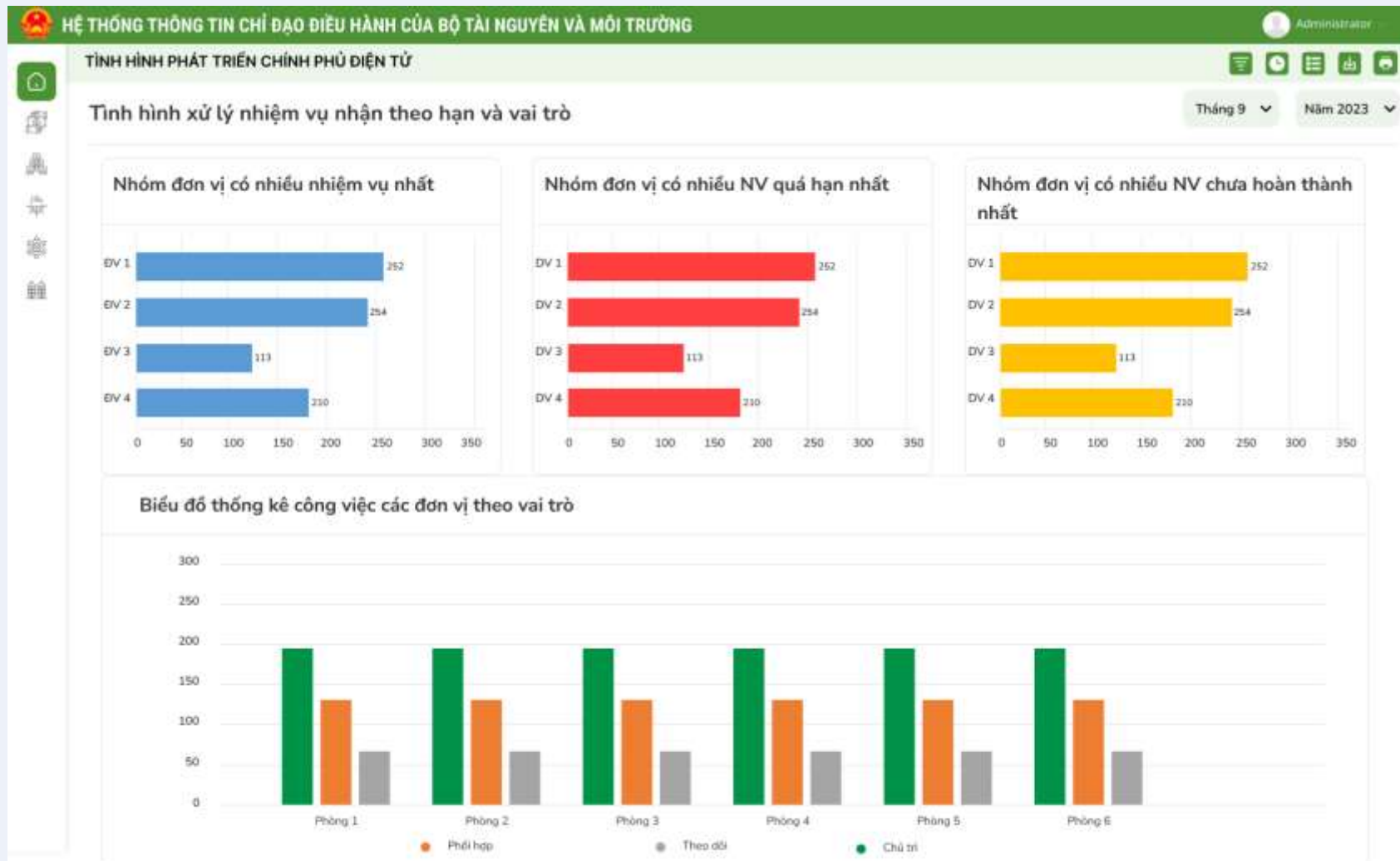
2.1. THỐNG KÊ TÌNH HÌNH XỬ LÝ NHIỆM VỤ

NHÓM THÔNG TIN CHI TIẾT



2.2. THỐNG KÊ NHIỆM VỤ THEO HẠN XỬ LÝ

NHÓM THÔNG TIN
CHI TIẾT



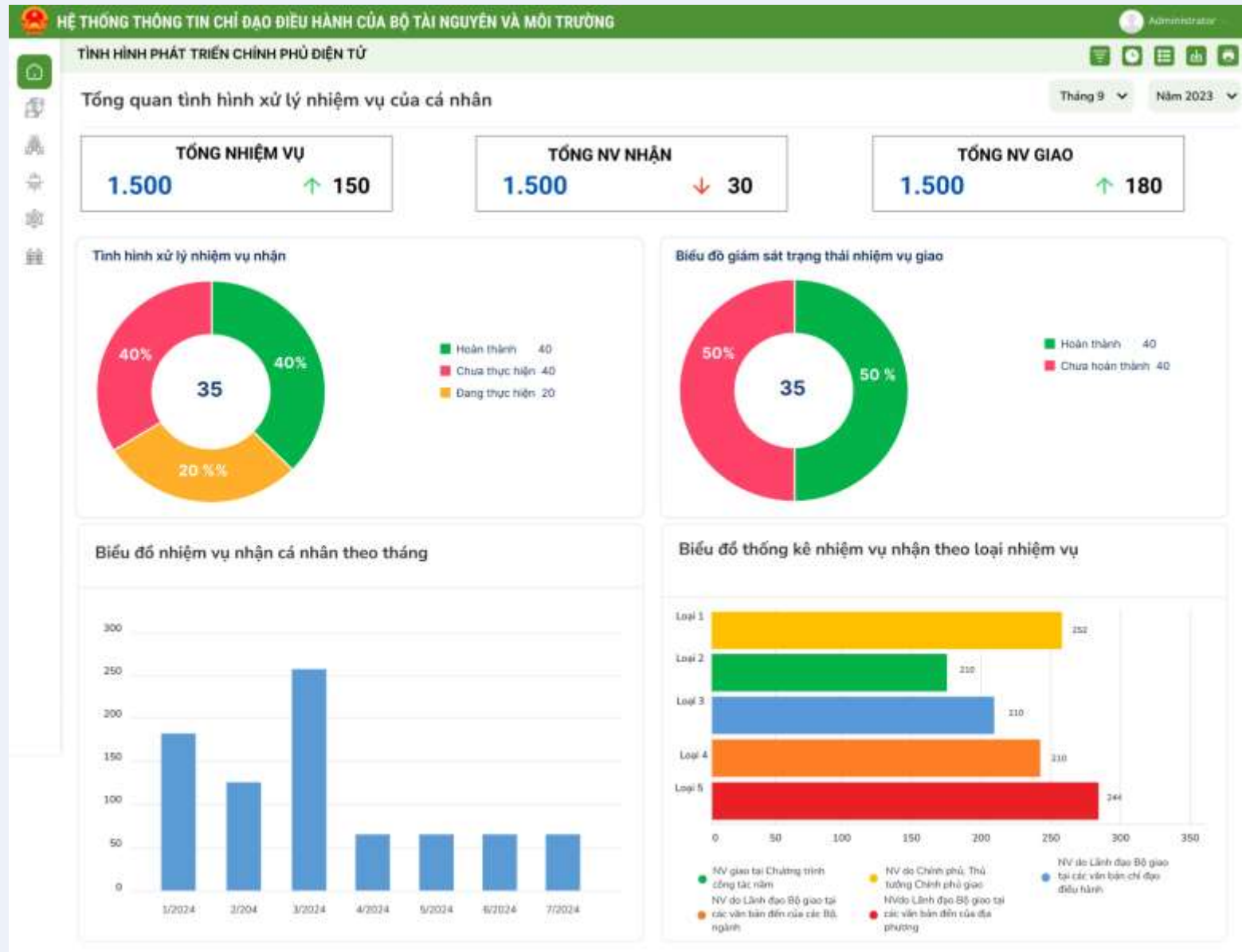
2.3. THỐNG KÊ PHÂN LOẠI NHIỆM VỤ

NHÓM THÔNG TIN CHI TIẾT



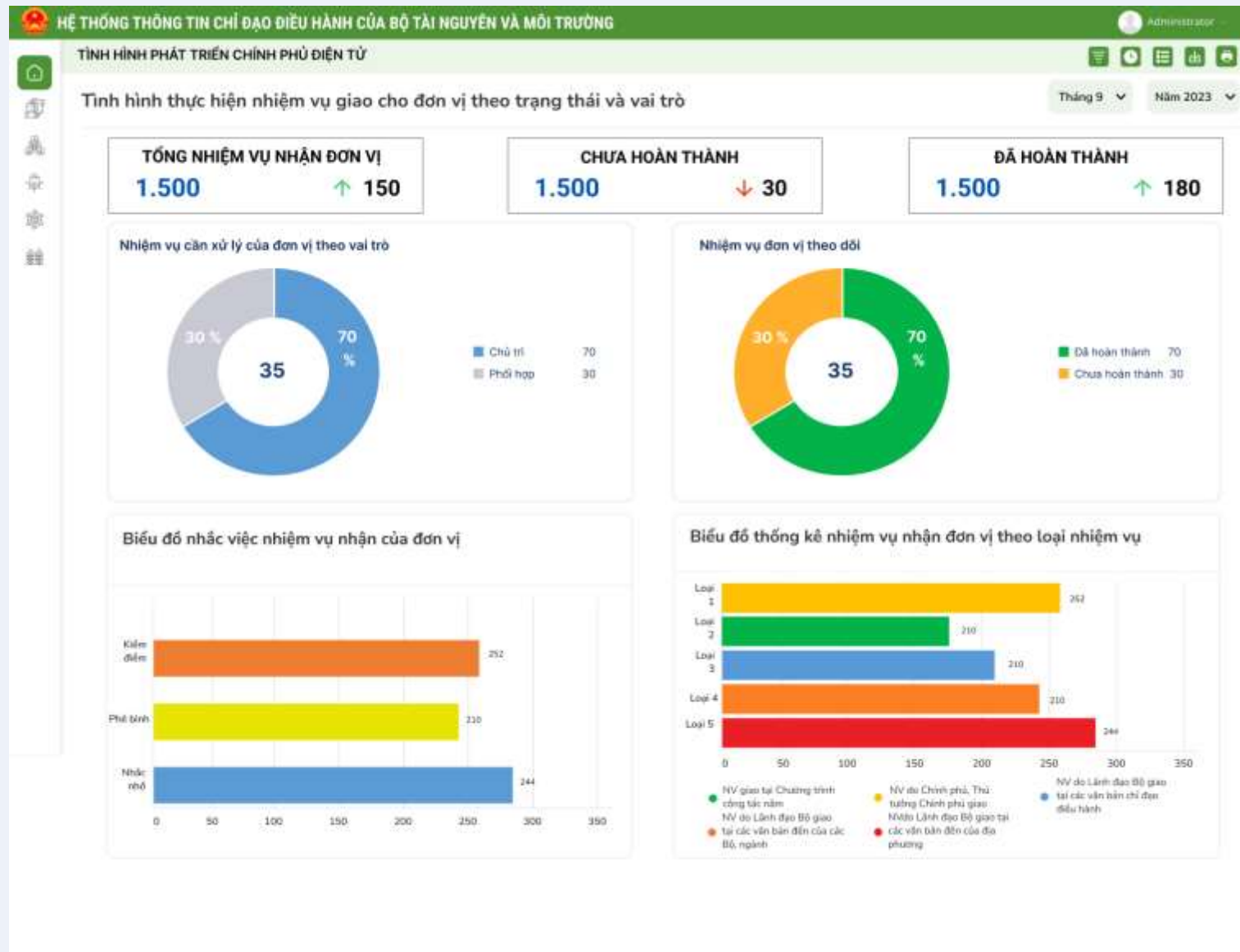
2.4. THỐNG KÊ NHIỆM VỤ THEO ĐƠN VỊ/CÁ NHÂN

NHÓM THÔNG TIN CHI TIẾT



2.5. THỐNG KÊ NHIỆM VỤ THEO TRẠNG THÁI XỬ LÝ

NHÓM THÔNG TIN
CHI TIẾT



2.6. THỐNG KÊ NHIỆM VỤ XỬ LÝ QUÁ HẠN

NHÓM THÔNG TIN CHI TIẾT



HỆ THỐNG THÔNG TIN CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Admin

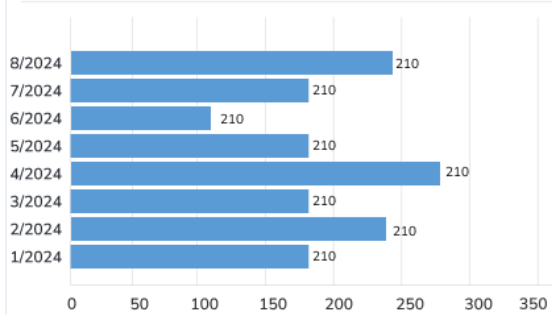
TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ



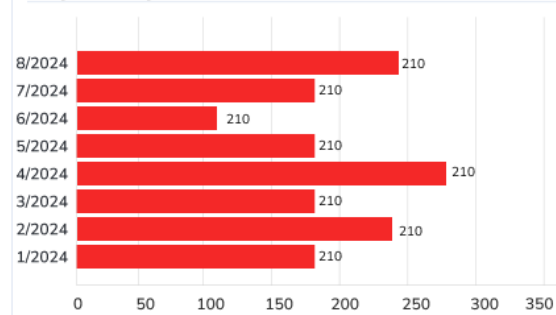
Biểu đồ giám sát tình hình xử lý nhiệm vụ quá hạn của cá nhân lũy tiến theo thời gian

Năm 2023 ▾

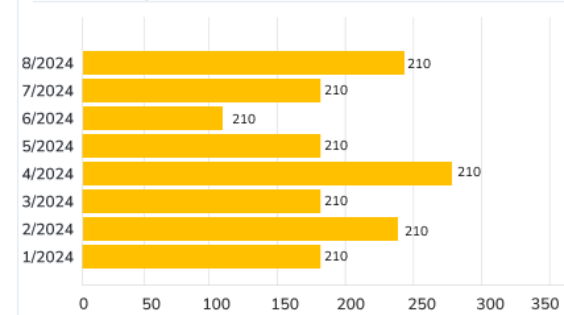
Biểu đồ thể hiện Tổng nhiệm vụ được giao



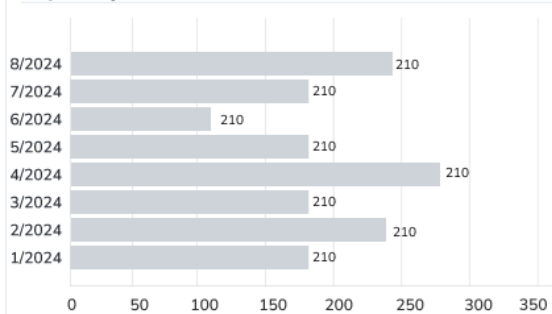
Biểu đồ thể hiện Tổng nhiệm vụ được giao bị quá hạn



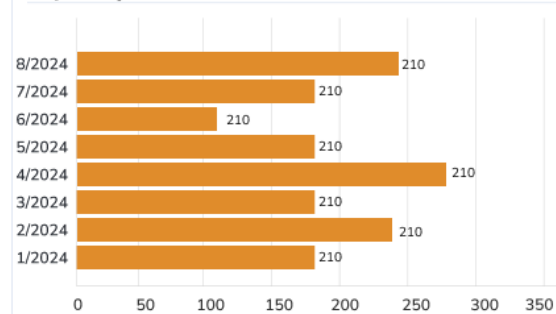
Biểu đồ thể hiện Tổng nhiệm vụ được giao trong hạn



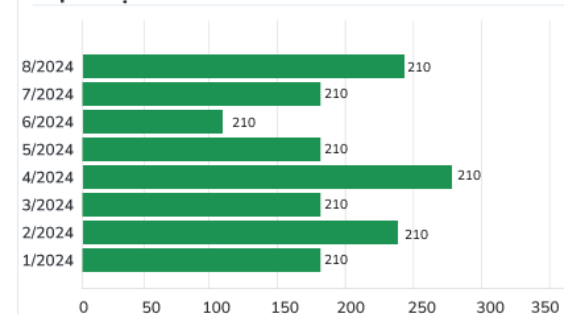
Biểu đồ thể hiện Nhiệm vụ chưa thực hiện quá hạn



Biểu đồ thể hiện nhiệm vụ đang thực hiện quá hạn



Biểu đồ thể hiện nhiệm vụ đã hoàn thành quá hạn



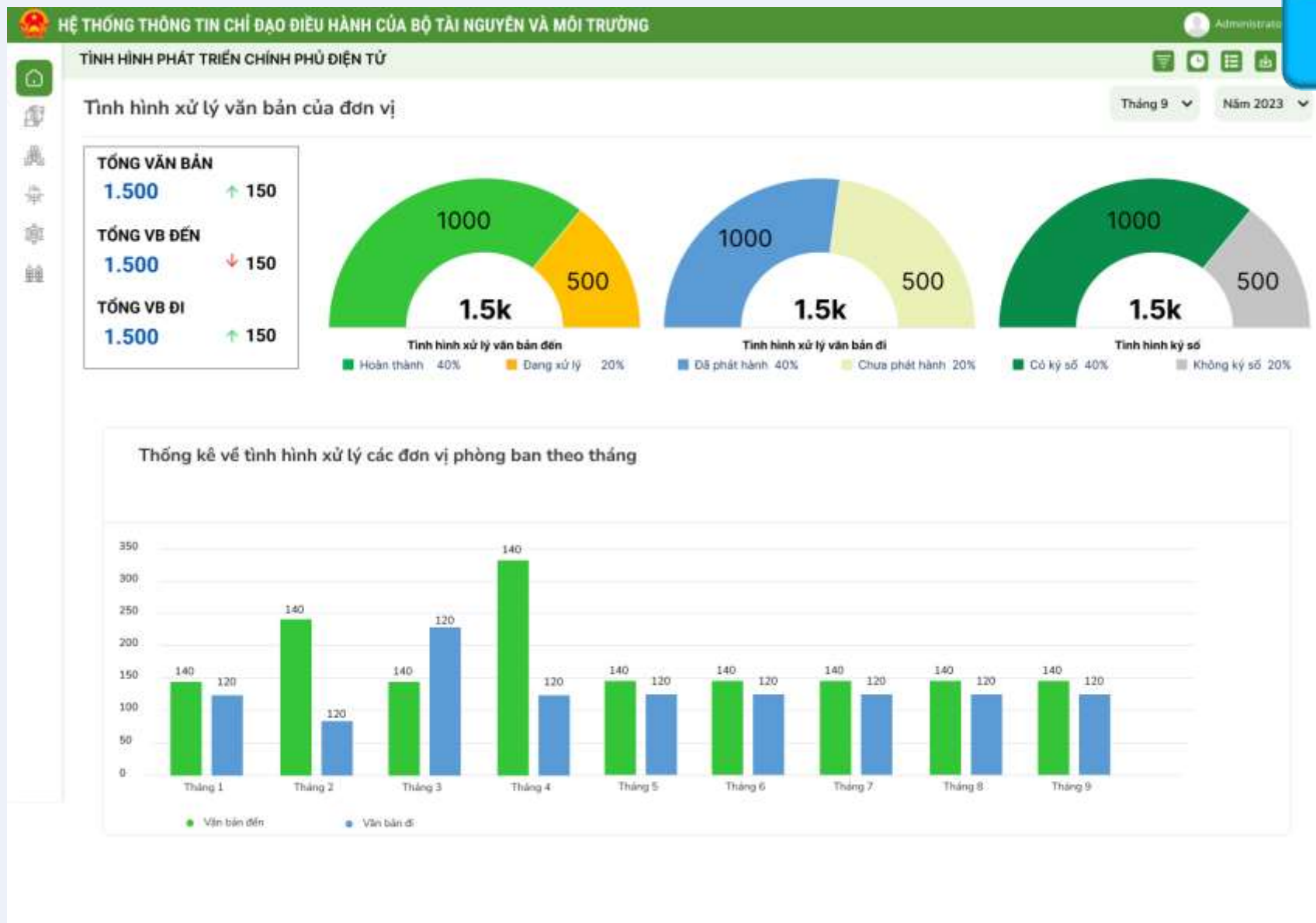
3. GIAO DIỆN DASHBOARD TÌNH HÌNH XỬ LÝ VĂN BẢN

NHÓM THÔNG TIN TỔNG HỢP



3.1. THỐNG KÊ TÌNH HÌNH XỬ LÝ VĂN BẢN THEO ĐƠN VỊ

NHÓM THÔNG TIN CHI TIẾT



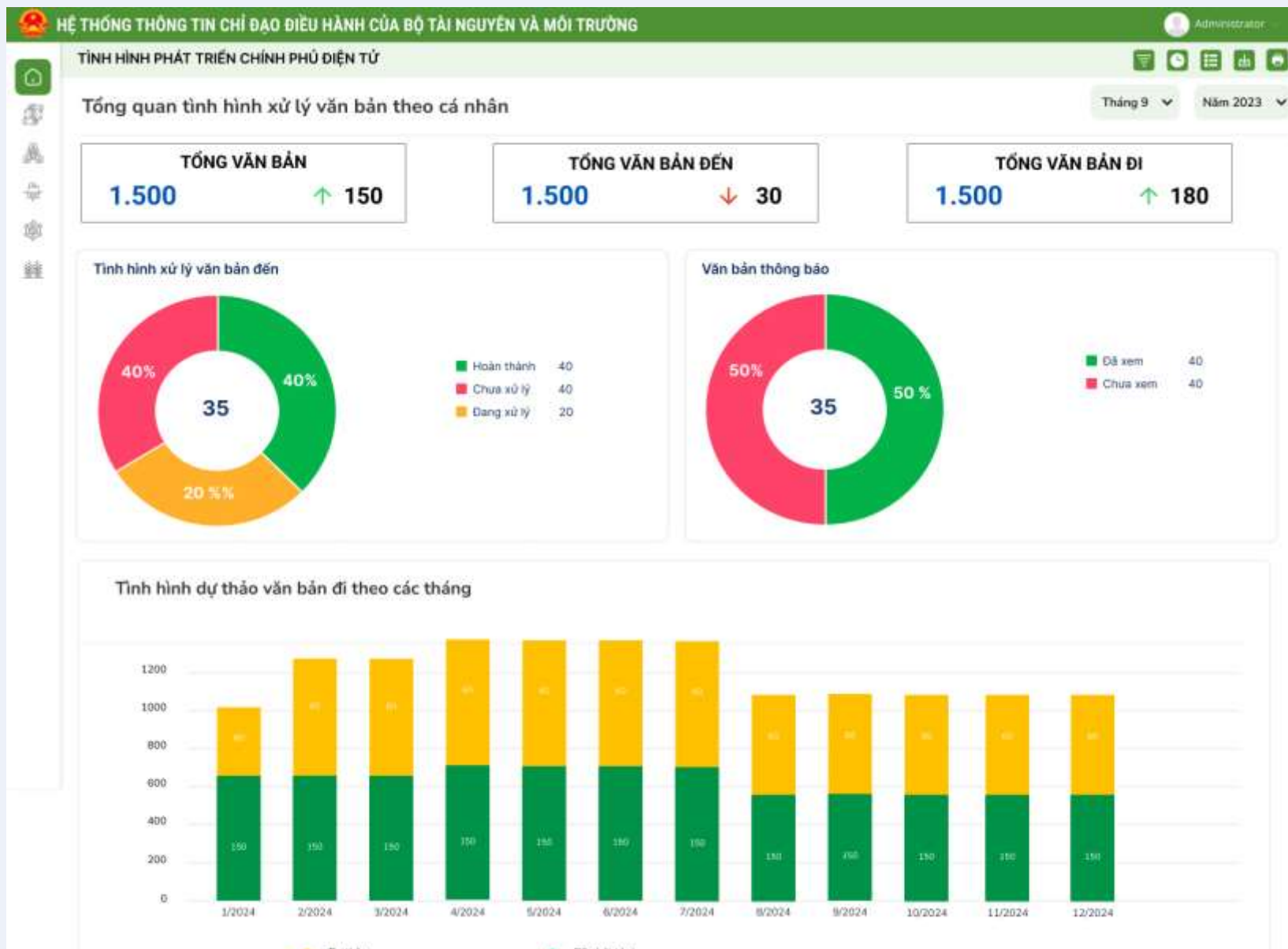
3.2. THỐNG KÊ THEO DỒI VĂN BẢN ĐẾN HẠN XỬ LÝ

NHÓM THÔNG TIN CHI TIẾT



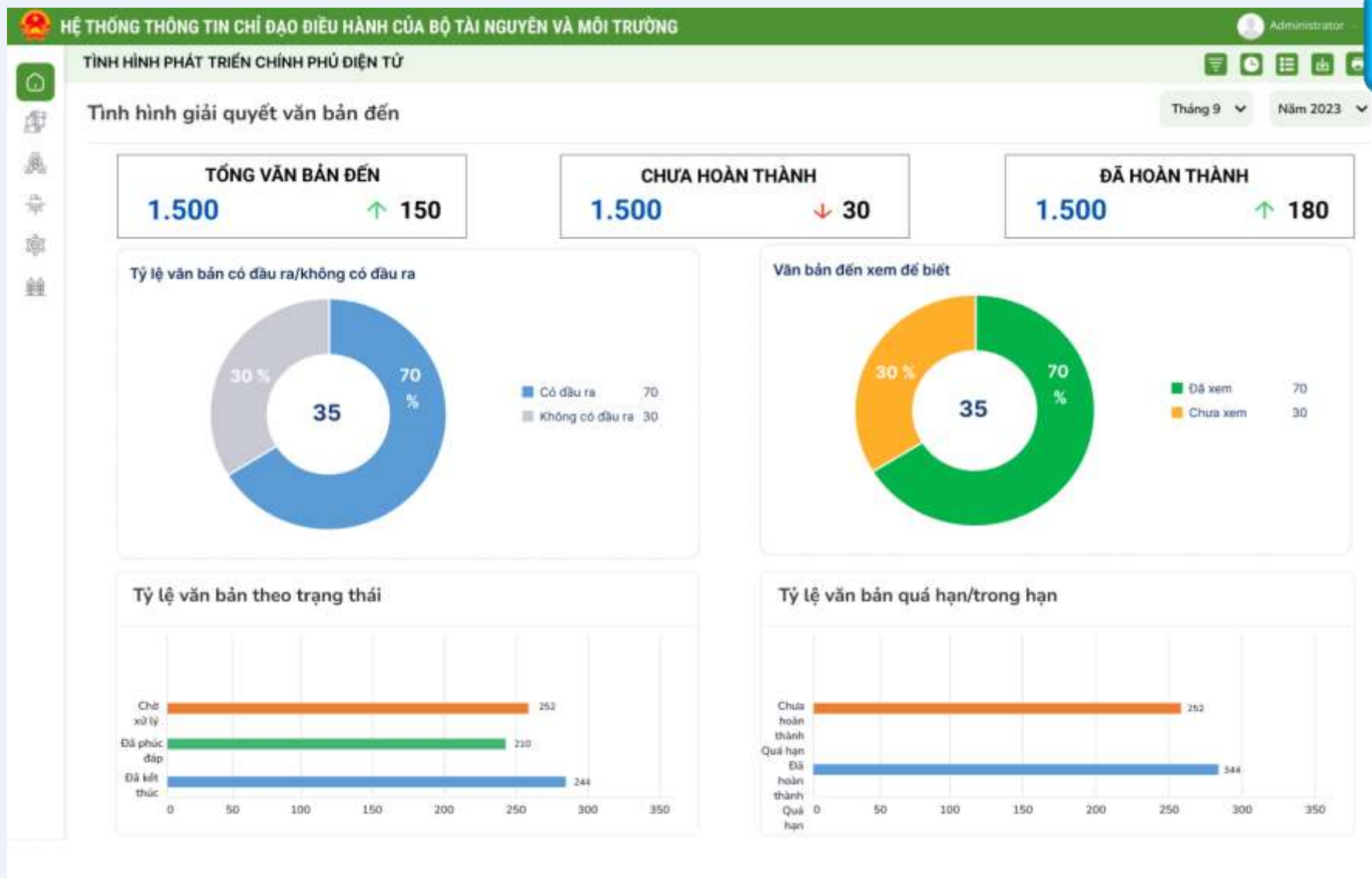
3.3. THỐNG KÊ TÌNH HÌNH XỬ LÝ VĂN BẢN THEO CÁ NHÂN

NHÓM THÔNG TIN CHI TIẾT



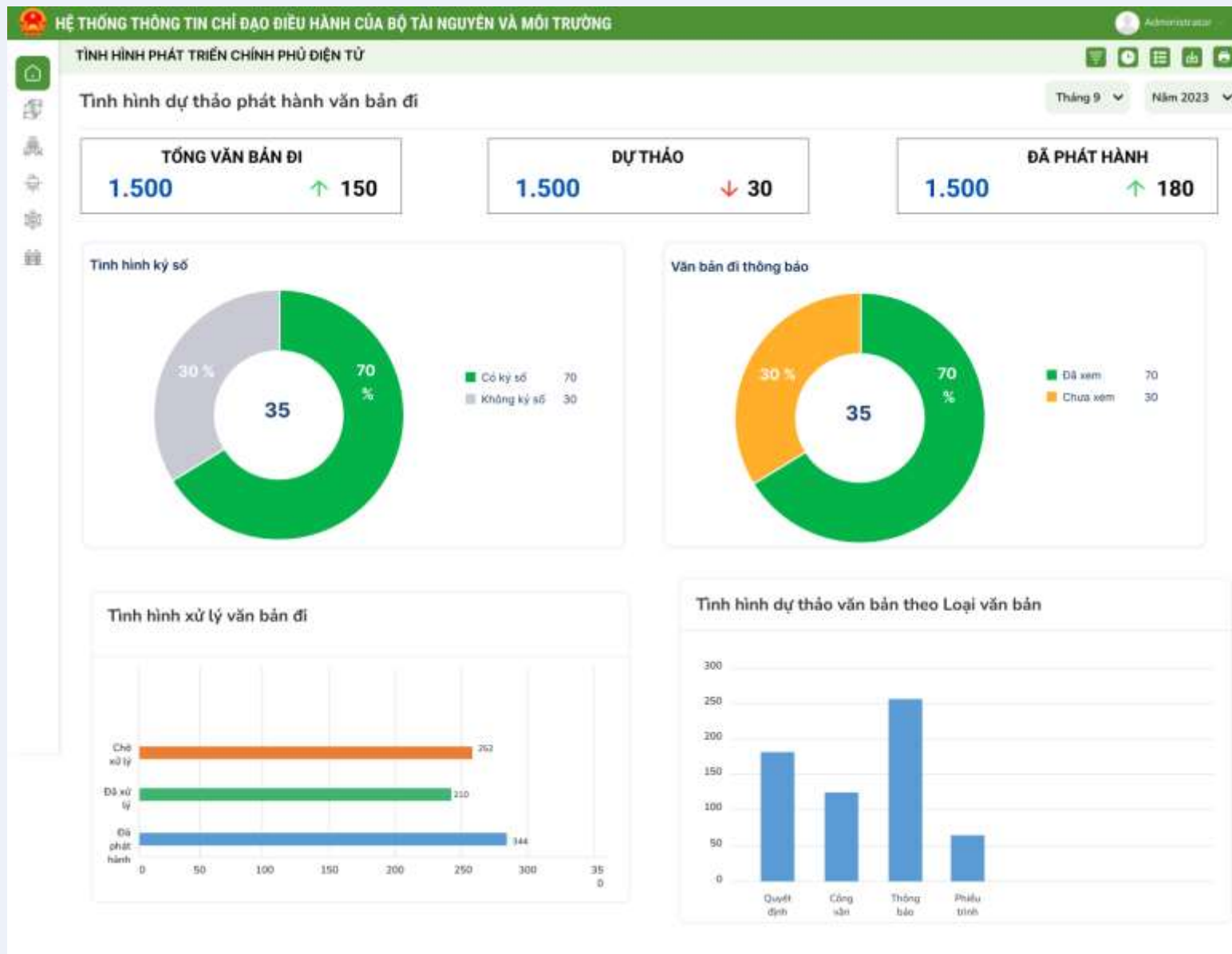
3.4. THỐNG KÊ TÌNH HÌNH XỬ LÝ VĂN BẢN ĐẾN

NHÓM THÔNG TIN CHI TIẾT



3.5. THỐNG KÊ DỰ THẢO PHÁT HÀNH VĂN BẢN ĐI

NHÓM THÔNG TIN CHI TIẾT



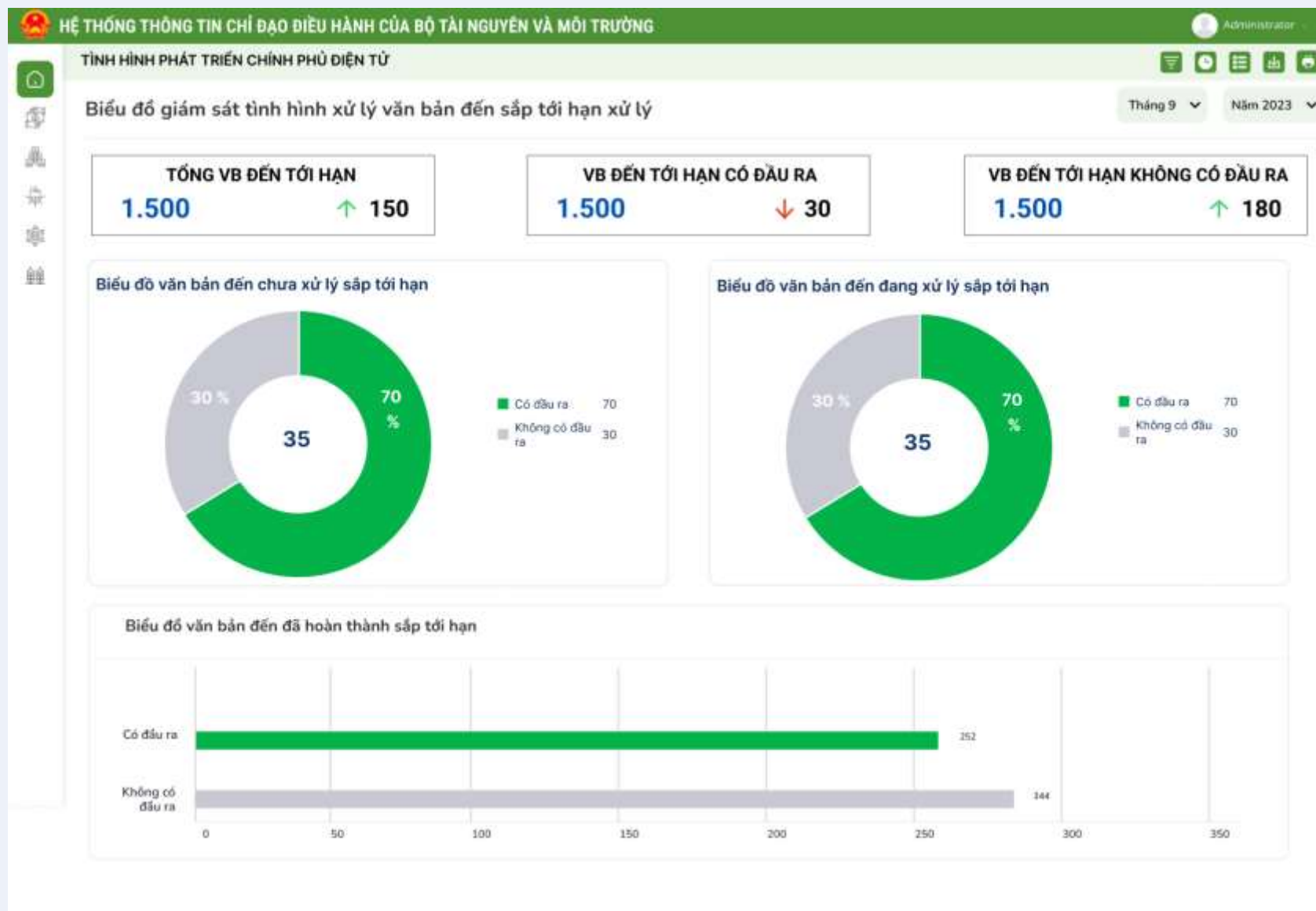
3.6. THỐNG KÊ TÌNH HÌNH XỬ LÝ VĂN BẢN ĐẾN QUÁ HẠN



ĐIỀU KIỆN THÔNG TIN CHI TIẾT

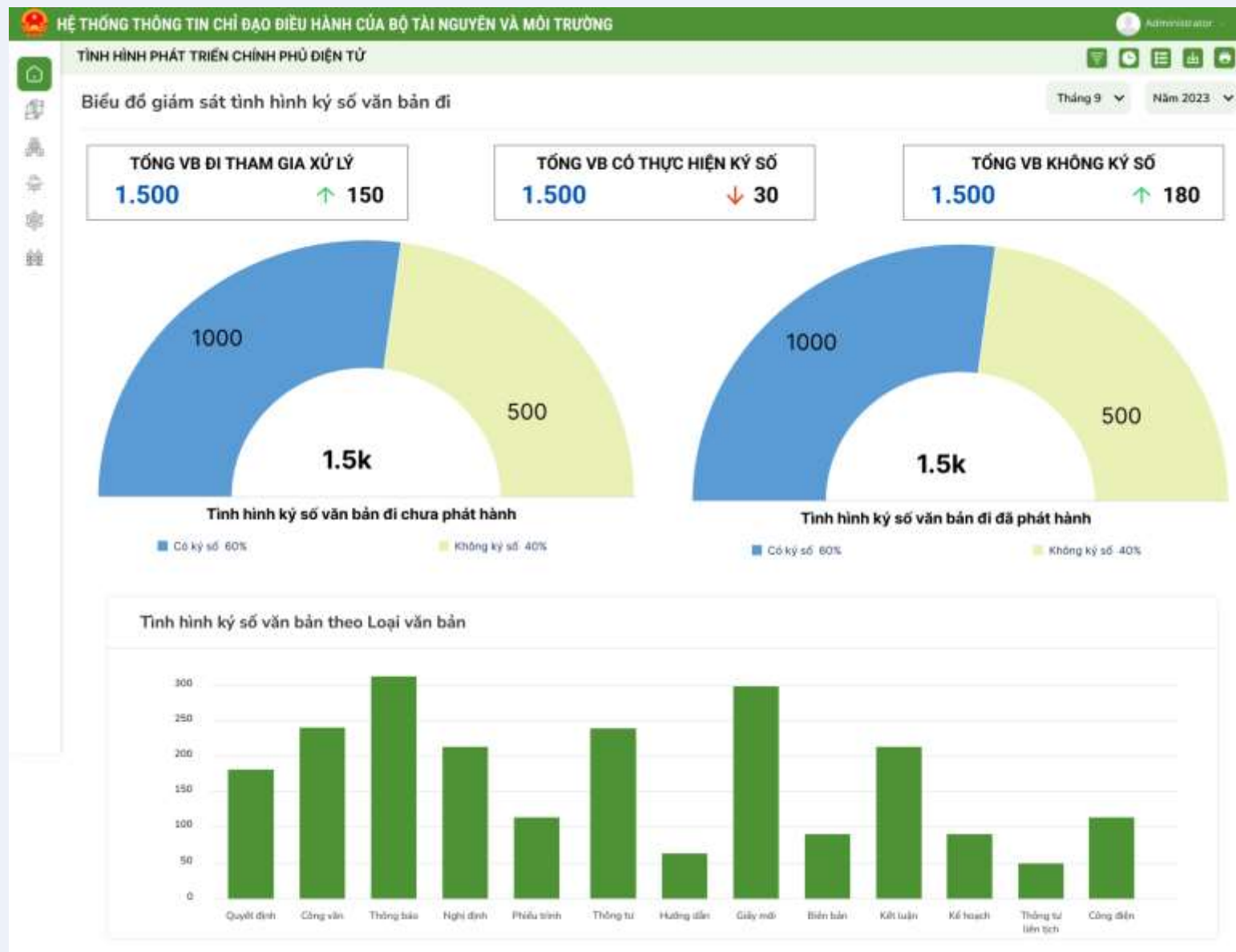
3.7. THỐNG KÊ TÌNH HÌNH XỬ LÝ VĂN BẢN ĐẾN SẮP TỚI HẠN

NHÓM THÔNG TIN CHI TIẾT



3.8. THỐNG KÊ TÌNH HÌNH KÝ SỐ VĂN BẢN ĐI

NHÓM THÔNG TIN CHI TIẾT



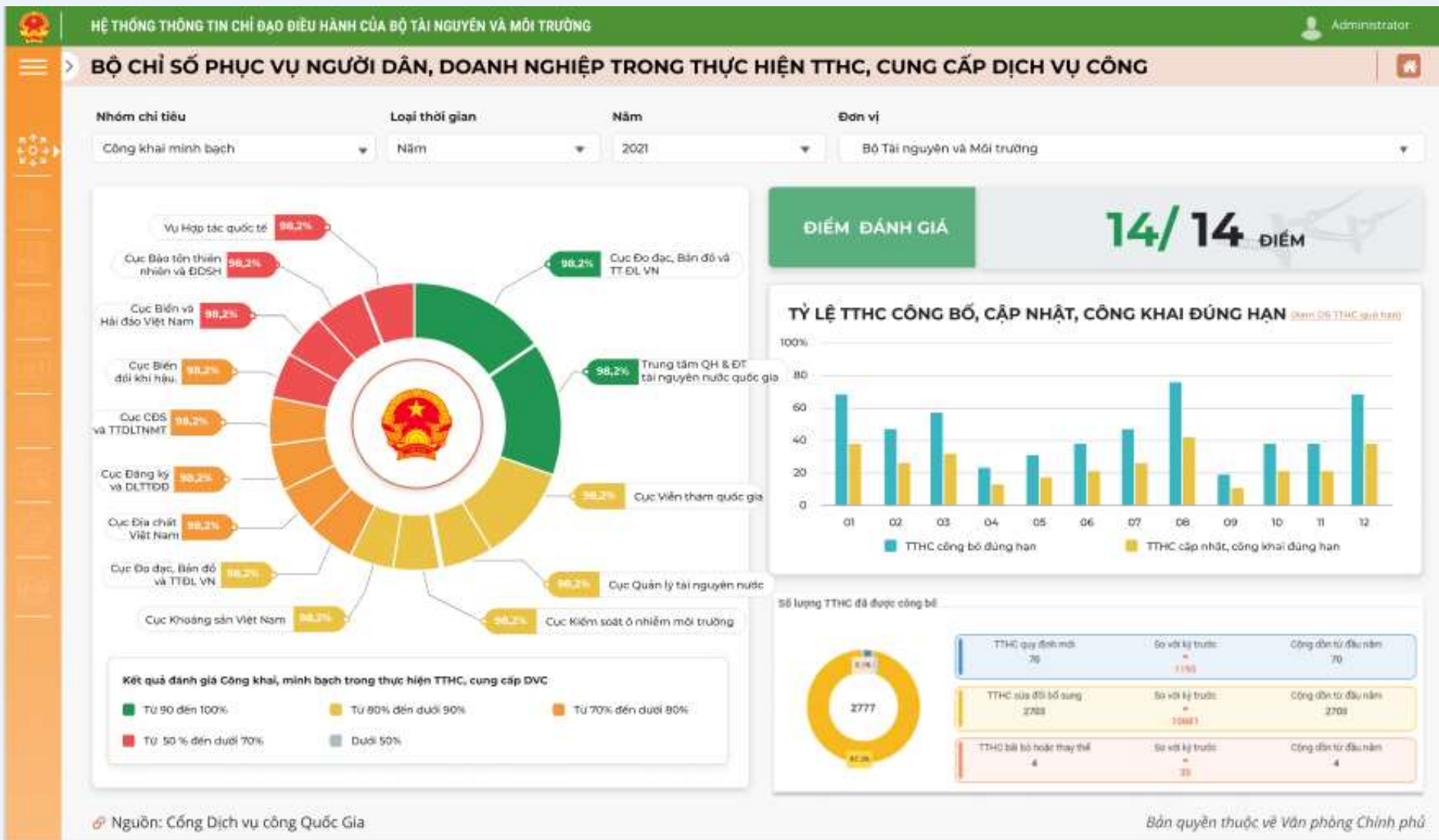
4. GIAO DIỆN DASHBOARD TÌNH HÌNH XỬ LÝ HỒ SƠ TTHC THEO QĐ 766

NHÓM THÔNG TIN TỔNG HỢP



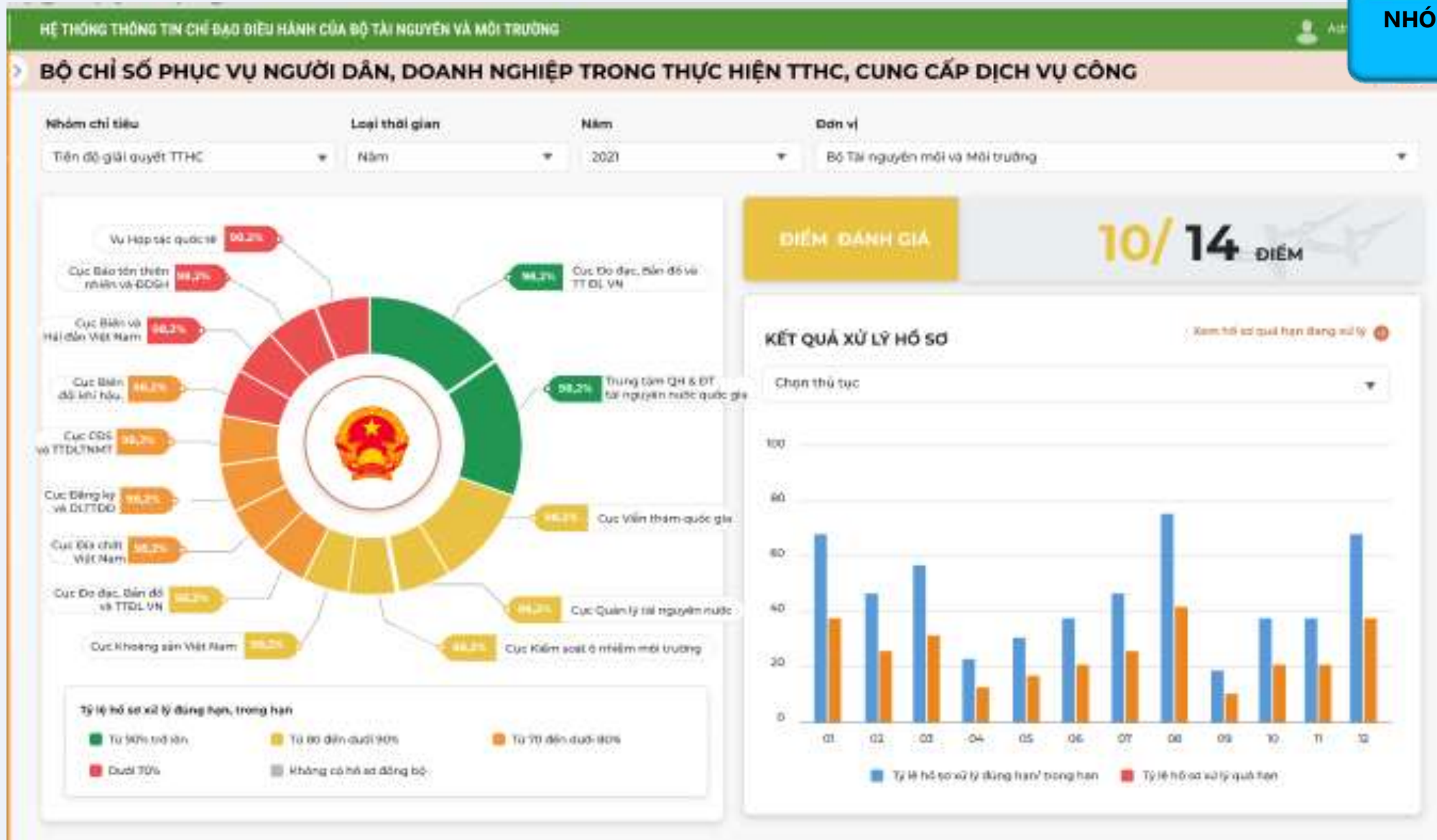
4.1. THỐNG KÊ XỬ LÝ TTHC – NHÓM CHỈ SỐ CÔNG KHAI MINH BẠCH

NHÓM THÔNG TIN CHI TIẾT



4.2. THỐNG KÊ XỬ LÝ TTHC – NHÓM CHỈ SỐ TIẾN ĐỘ GIẢI QUYẾT TTHC

NHÓM THÔNG TIN CHI TIẾT



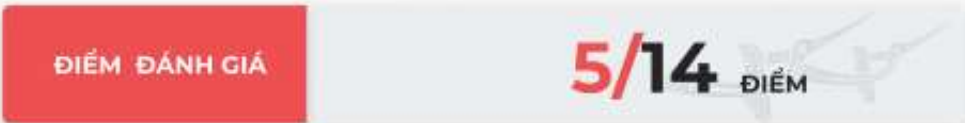
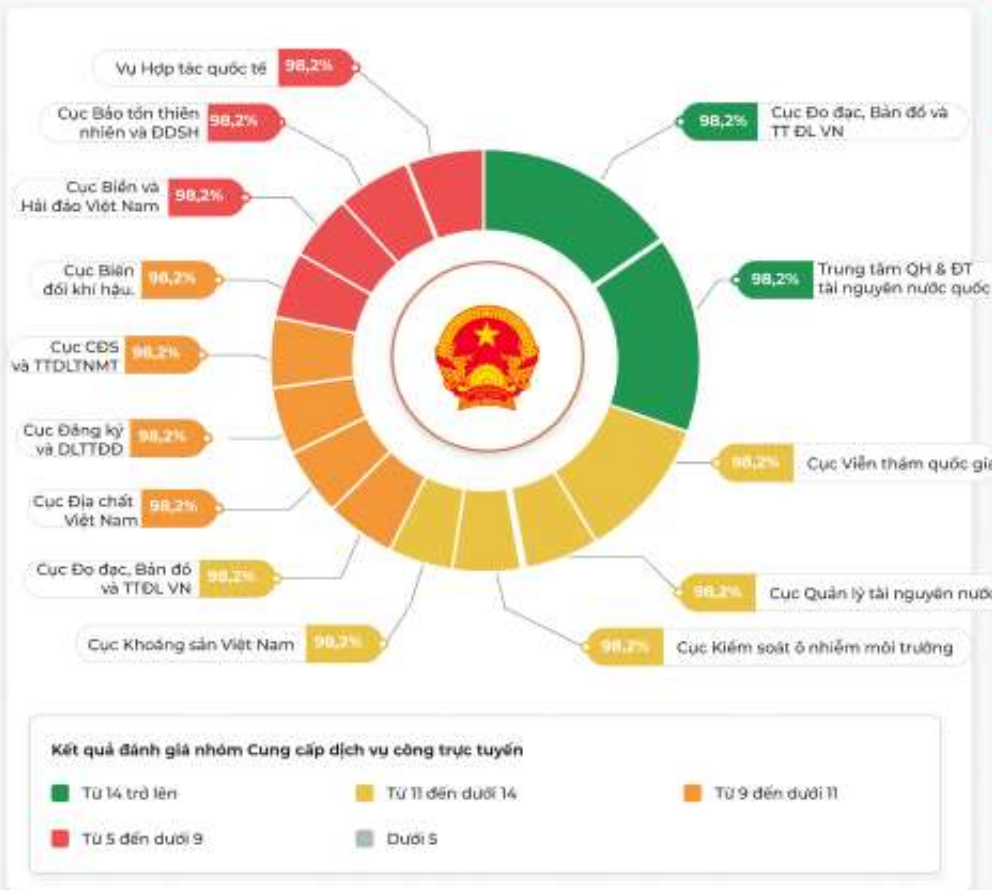
4.3. THỐNG KÊ XỬ LÝ TTHC – NHÓM CHỈ SỐ CUNG CẤP DVC TRỰC TUYẾN

HỆ THỐNG THÔNG TIN CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

NHÓM THÔNG TIN CHI TIẾT

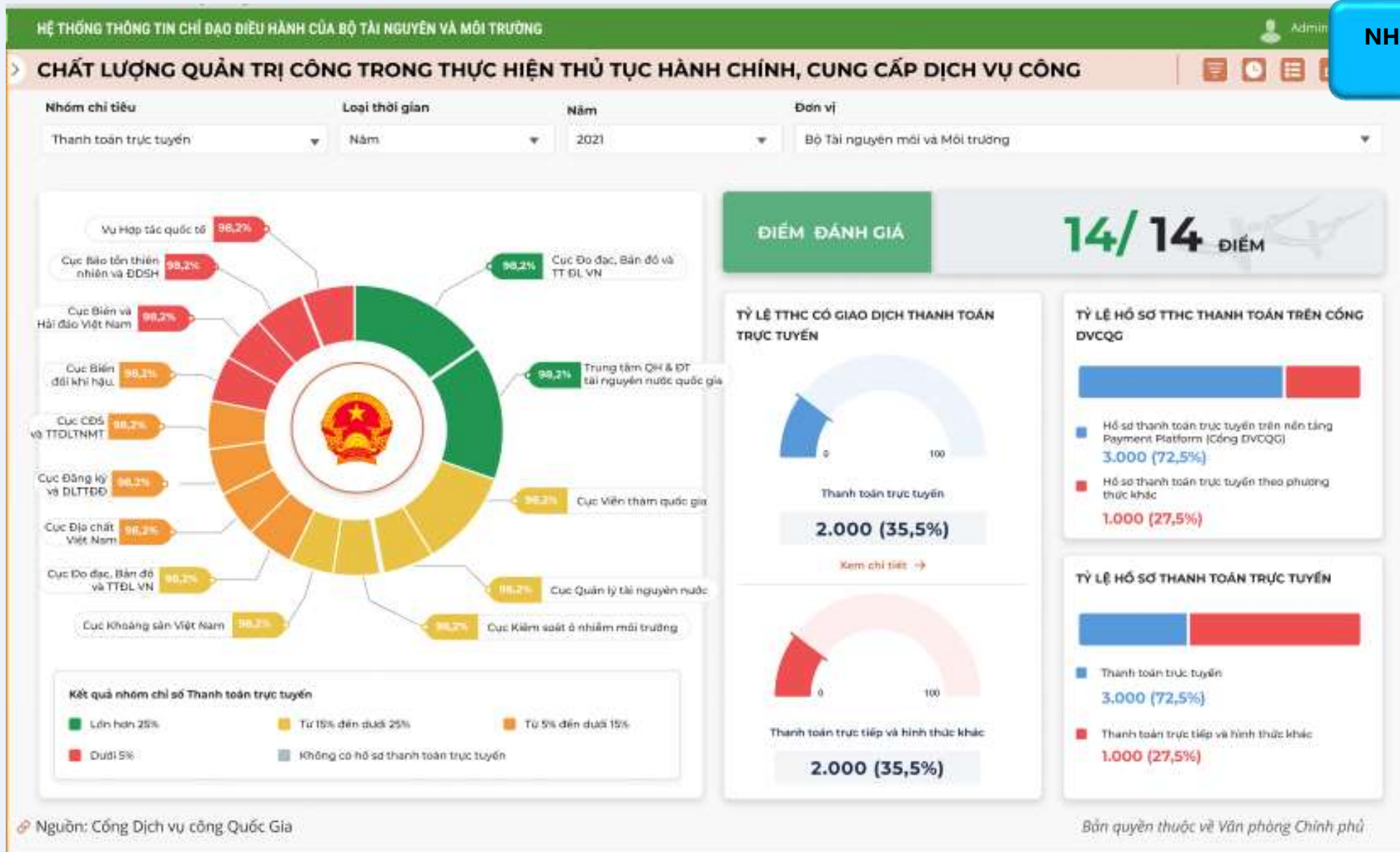
BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP TRONG THỰC HIỆN TTHC, CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG

Nhóm chỉ tiêu: Cung cấp dịch vụ công trực tuyến | Loại thời gian: Năm | Năm: 2021 | Đơn vị: Bộ Tài nguyên môi và Môi trường



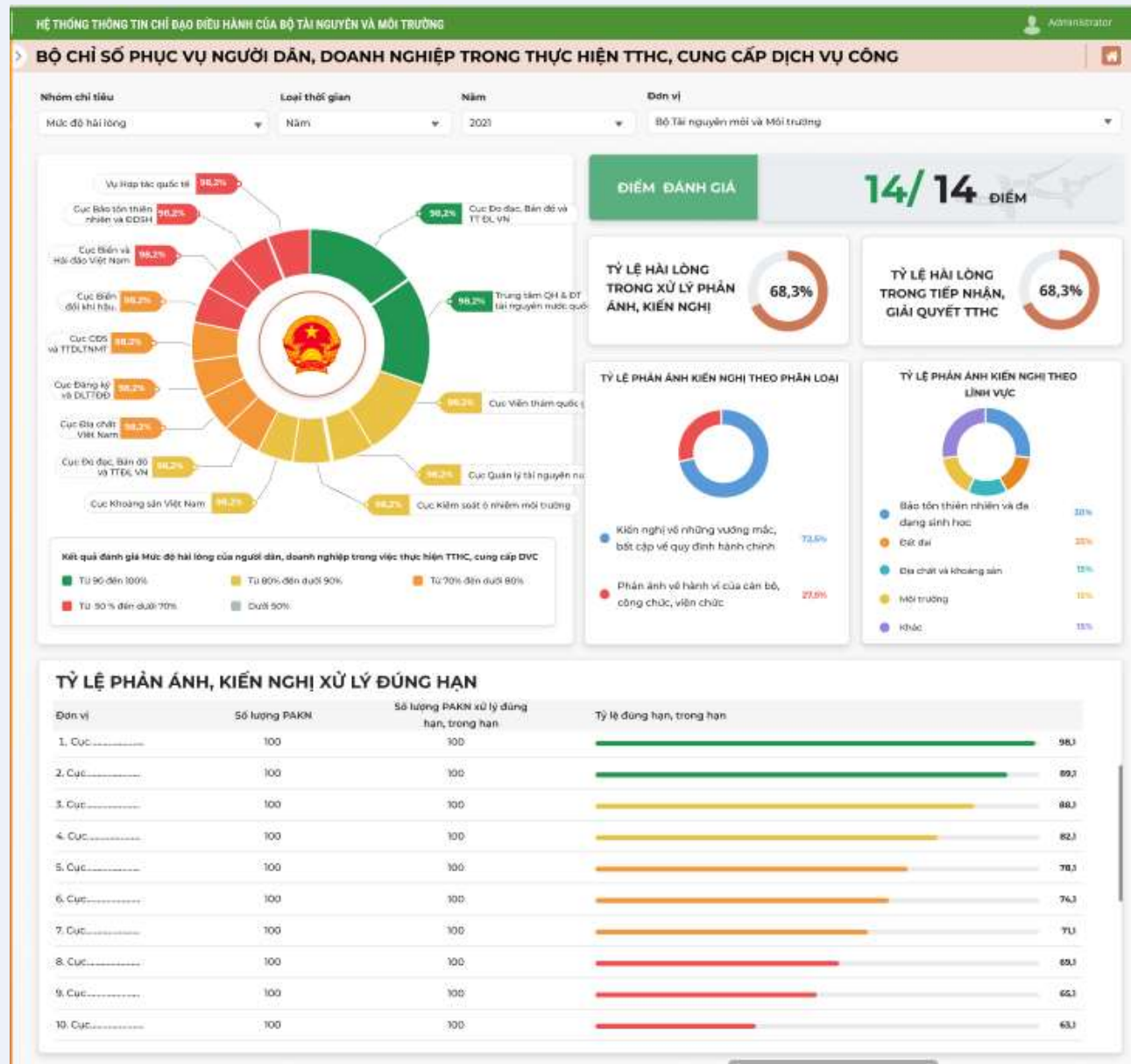
4.4. THỐNG KÊ XỬ LÝ TTTC – NHÓM CHỈ SỐ THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

NHÓM THÔNG TIN CHI TIẾT



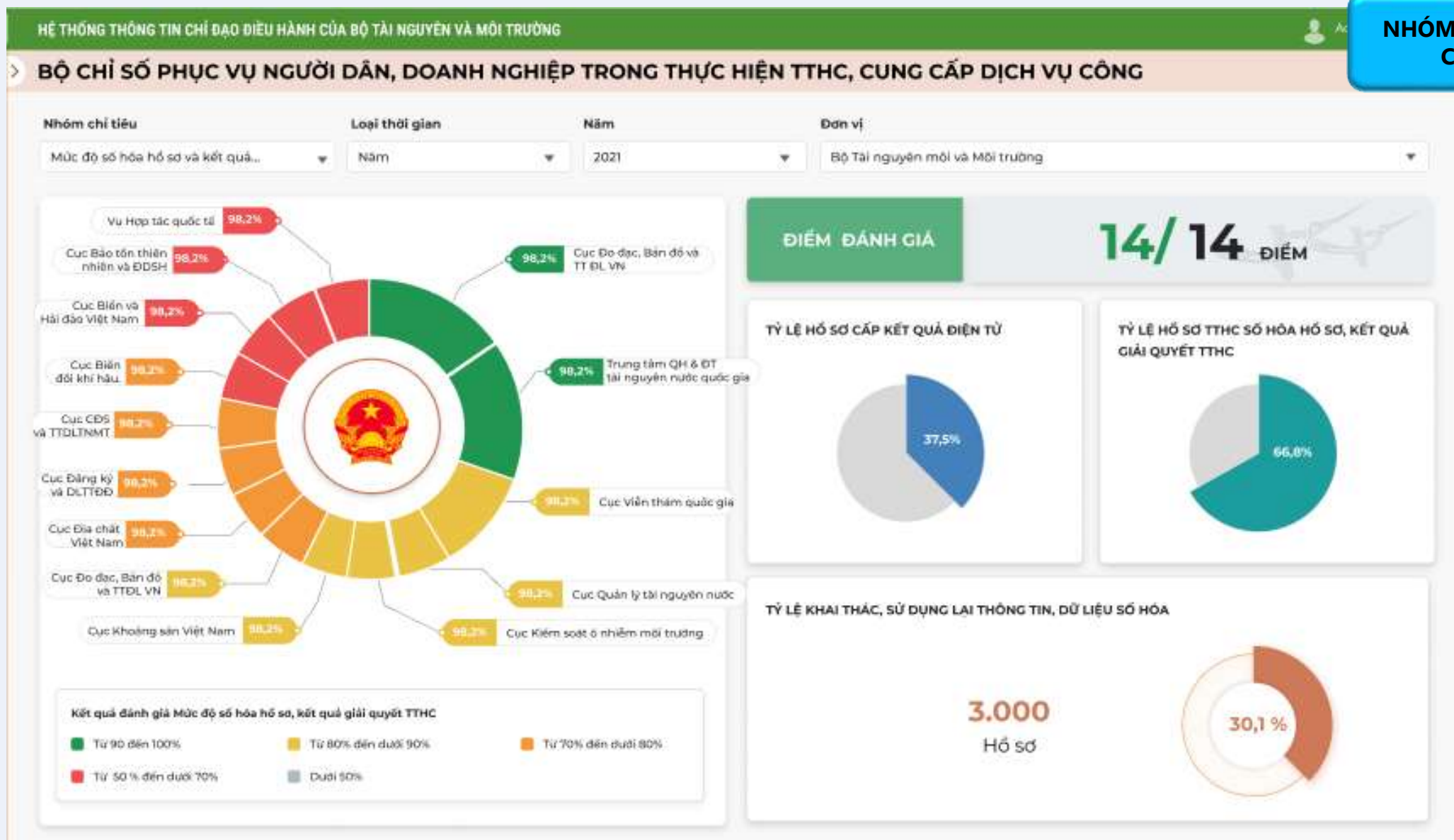
4.5. THỐNG KÊ XỬ LÝ TTHC – NHÓM CHỈ SỐ MỨC ĐỘ HÀI LÒNG

NHÓM THÔNG TIN CHI TIẾT



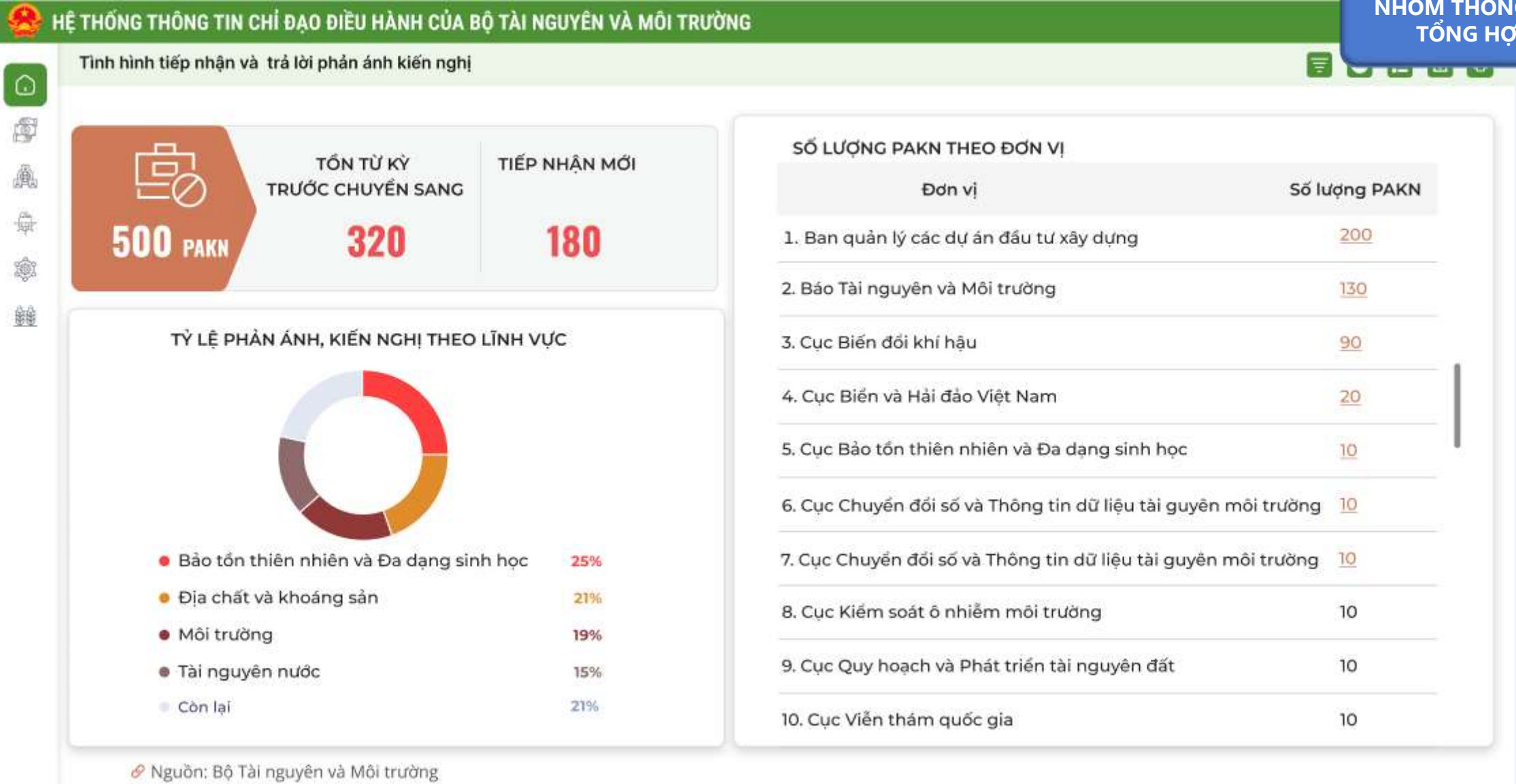
4.6. THỐNG KÊ XỬ LÝ TTHC – NHÓM CHỈ SỐ MỨC ĐỘ SỐ HÓA HỒ SƠ

NHÓM THÔNG TIN CHI TIẾT



5. GIAO DIỆN DASHBOARD TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN VÀ XỬ LÝ PAKN

NHÓM THÔNG TIN TỔNG HỢP



5.1. THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG PAKN THEO ĐƠN VỊ

NHÓM THÔNG TIN
CHI TIẾT



HỆ THỐNG THÔNG TIN CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Tình hình trả lời phản ánh kiến nghị



SỐ LƯỢNG PAKN
527

Tồn kỳ trước chuyển sang

371

Tiếp nhận mới

156

Nhận từ trực tiếp

511

Nhận từ VPCP

16

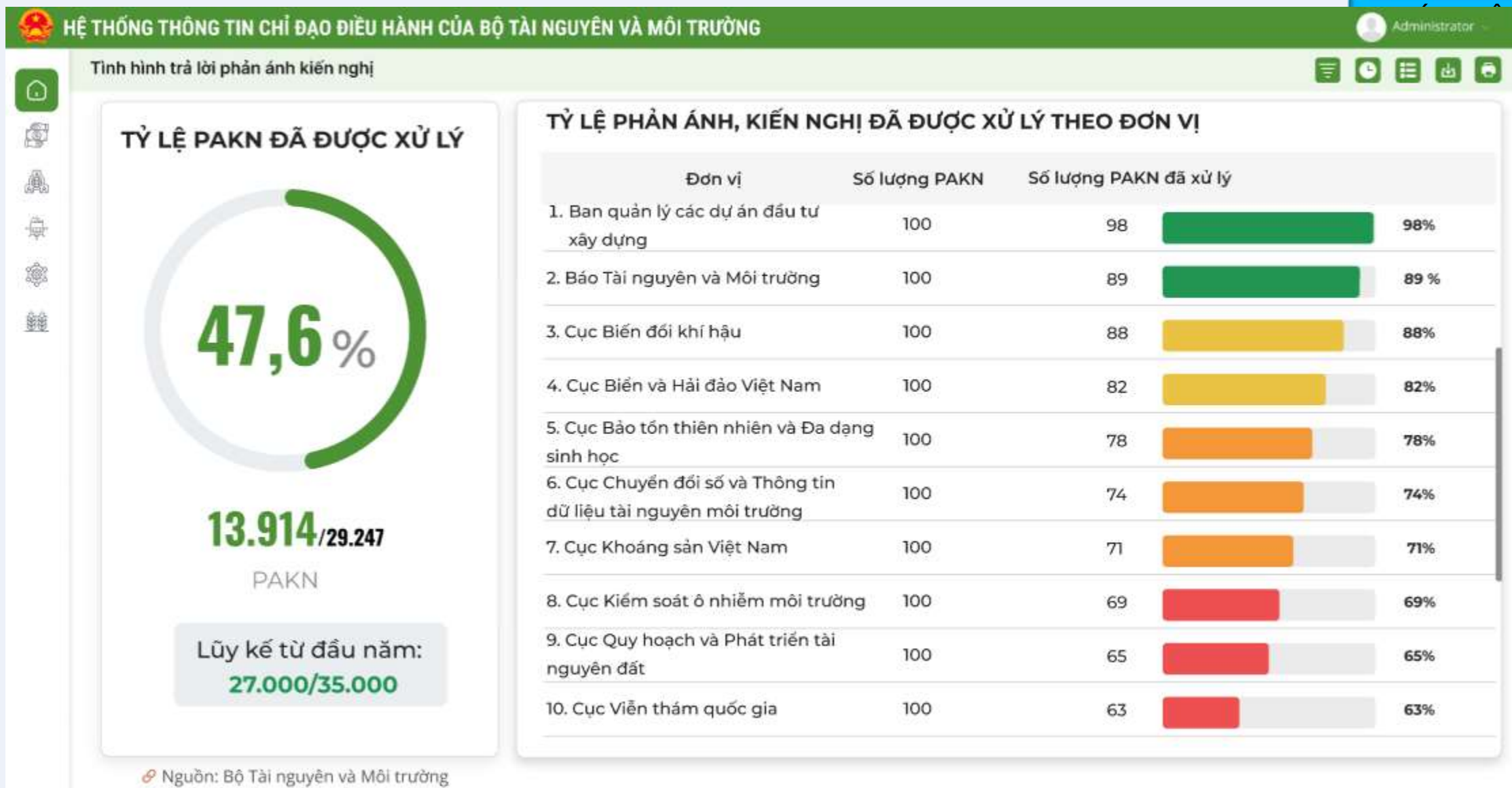


Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng	25%
Báo Tài nguyên và Môi trường	21%
Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng	19%
Cục Biến đổi khí hậu	15%
Còn lại	21%

Đơn vị	Số lượng PAKN
1. Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng	200
2. Báo Tài nguyên và Môi trường	130
3. Cục Biến đổi khí hậu	90
4. Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	20
5. Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	10
6. Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường	10

Nguồn: Bộ Tài nguyên và Môi trường

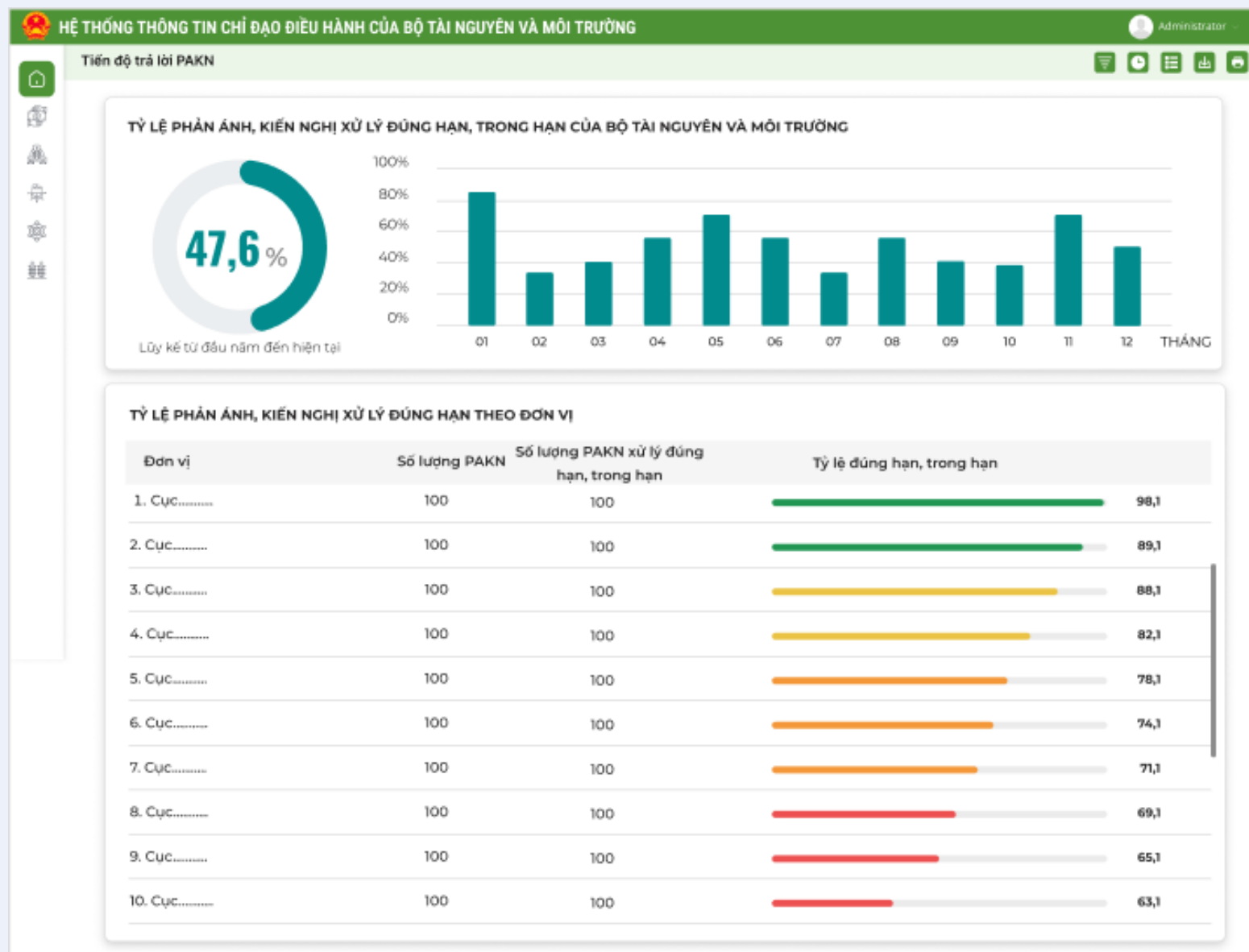
5.2. THỐNG KÊ TÌNH HÌNH TRẢ LỜI/XỬ LÝ PAKN



ADMINISTRATOR

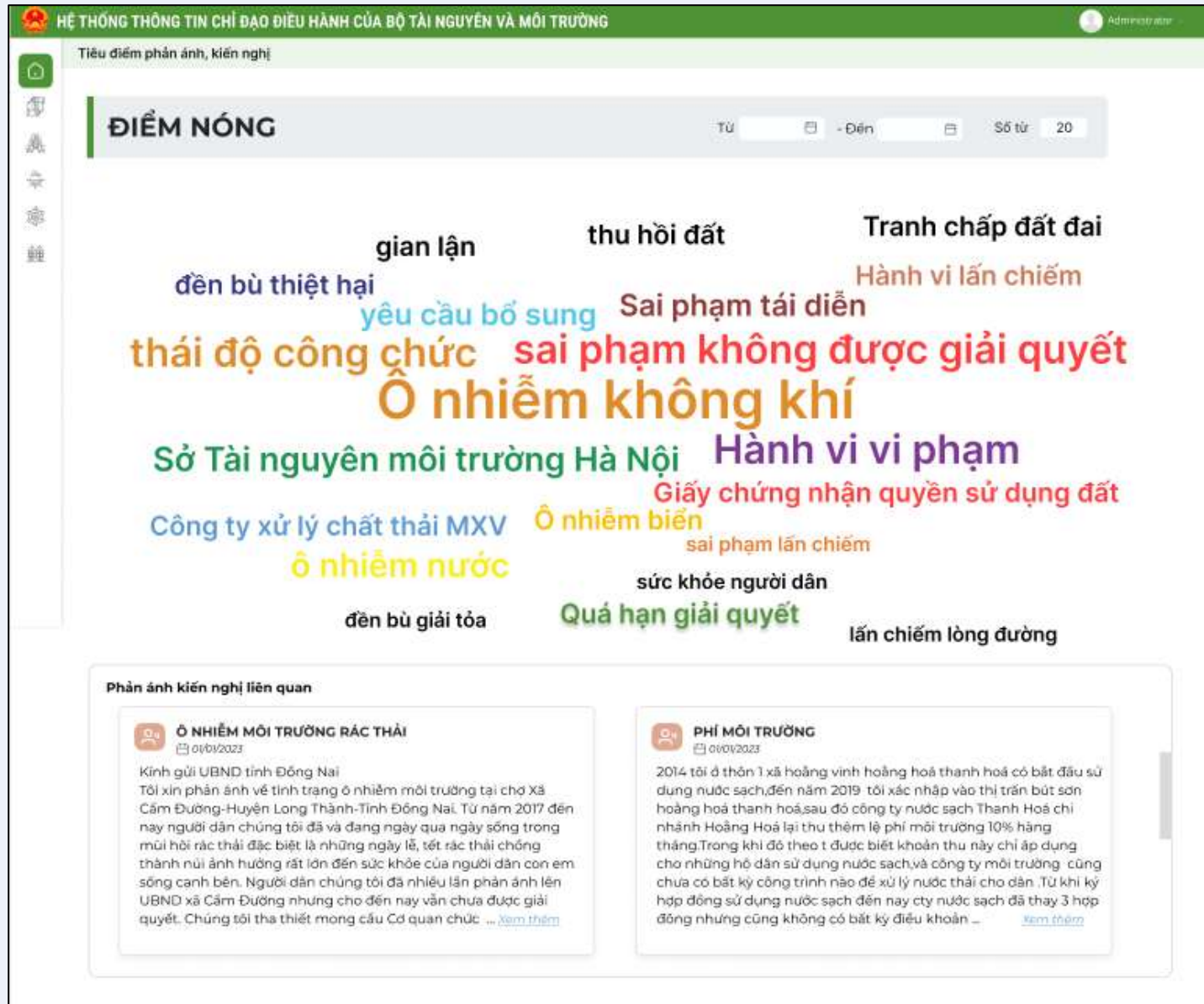
5.3. THỐNG KÊ TIẾN ĐỘ XỬ LÝ/TRẢ LỜI PAKN

NHÓM THÔNG TIN
CHI TIẾT



5.4. TIÊU ĐIỂM (ĐIỂM NÓNG) PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ

NHÓM THÔNG TIN
CHI TIẾT





2.2

VỤ KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

1. GIAO DIỆN TRANG CHỦ VỤ KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH



HỆ THỐNG THÔNG TIN CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Công tác kế hoạch, tài chính



Công tác kế toán và kiểm toán nội bộ



Công tác quản lý đầu tư, quản lý tài sản



Công tác thống kê



VỤ KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH



Tổng cục Khí tượng Thủy văn



Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai



Cục Địa chất Việt Nam



Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường

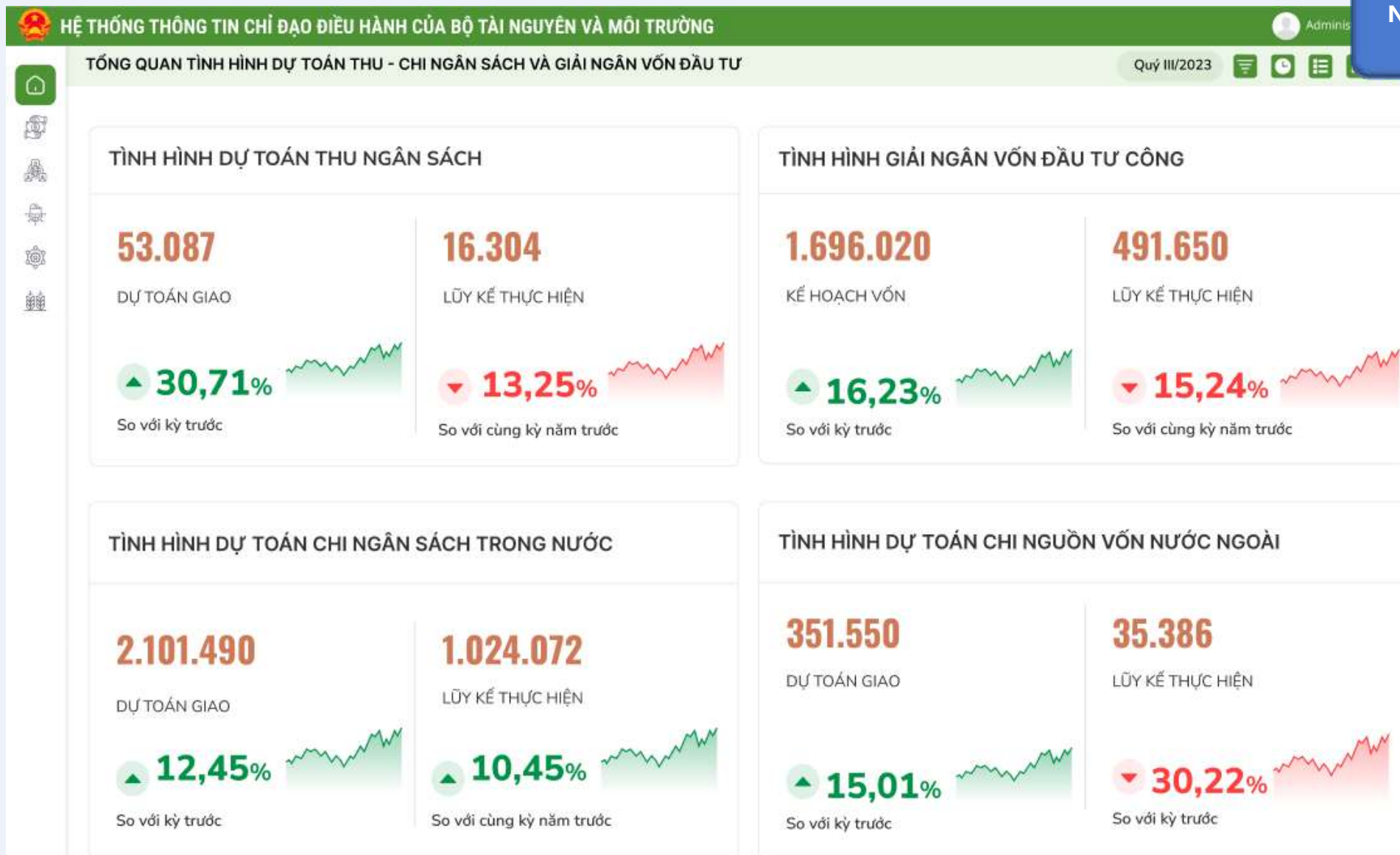


Nhóm thông tin tổng hợp khác: chương trình, dự án ODA; sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của DNNN



Các Cục chuyên ngành và các Đơn vị khác...

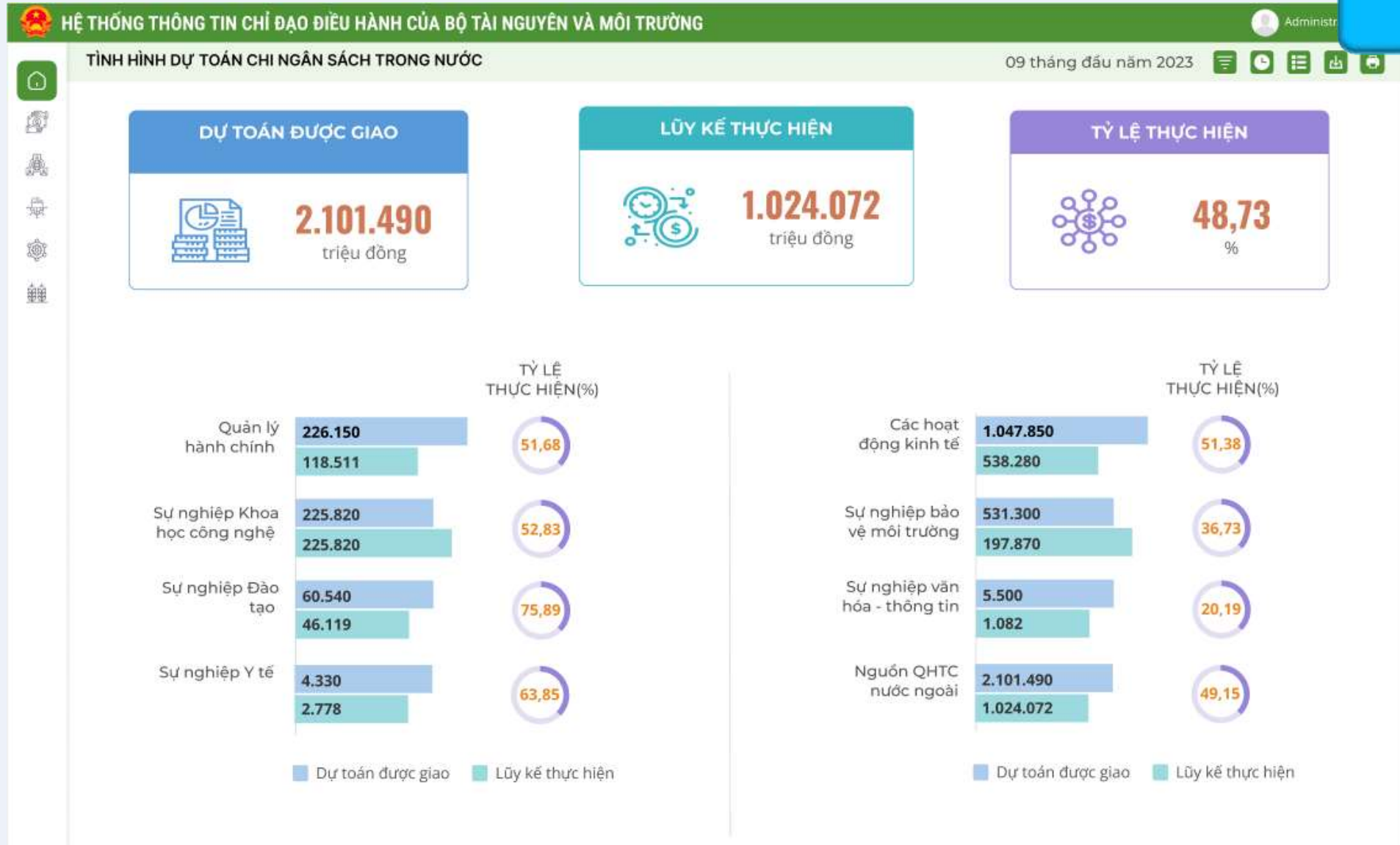
2. GIAO DIỆN DASHBOARD NGÂN SÁCH PHỤC VỤ CHO LÃNH ĐẠO



NHÓM THÔNG TIN TỔNG HỢP

2.1. THỐNG KÊ TÌNH HÌNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC

NHÓM THÔNG TIN
CHI TIẾT



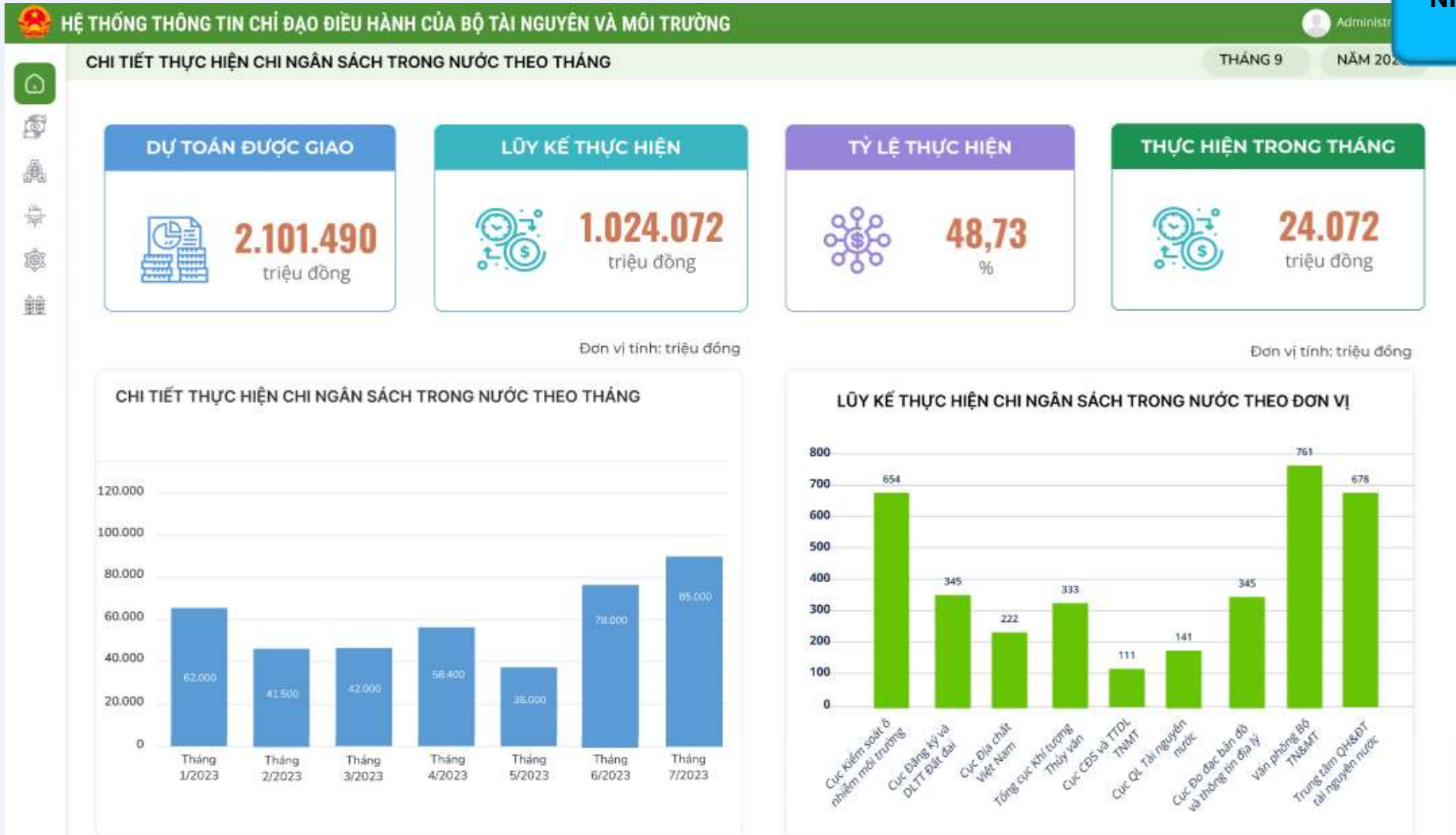
2.2. THỐNG KÊ TÌNH HÌNH DỰ TOÁN CHI NGUỒN VỐN NƯỚC NGOÀI

NHÓM THÔNG TIN
CHI TIẾT

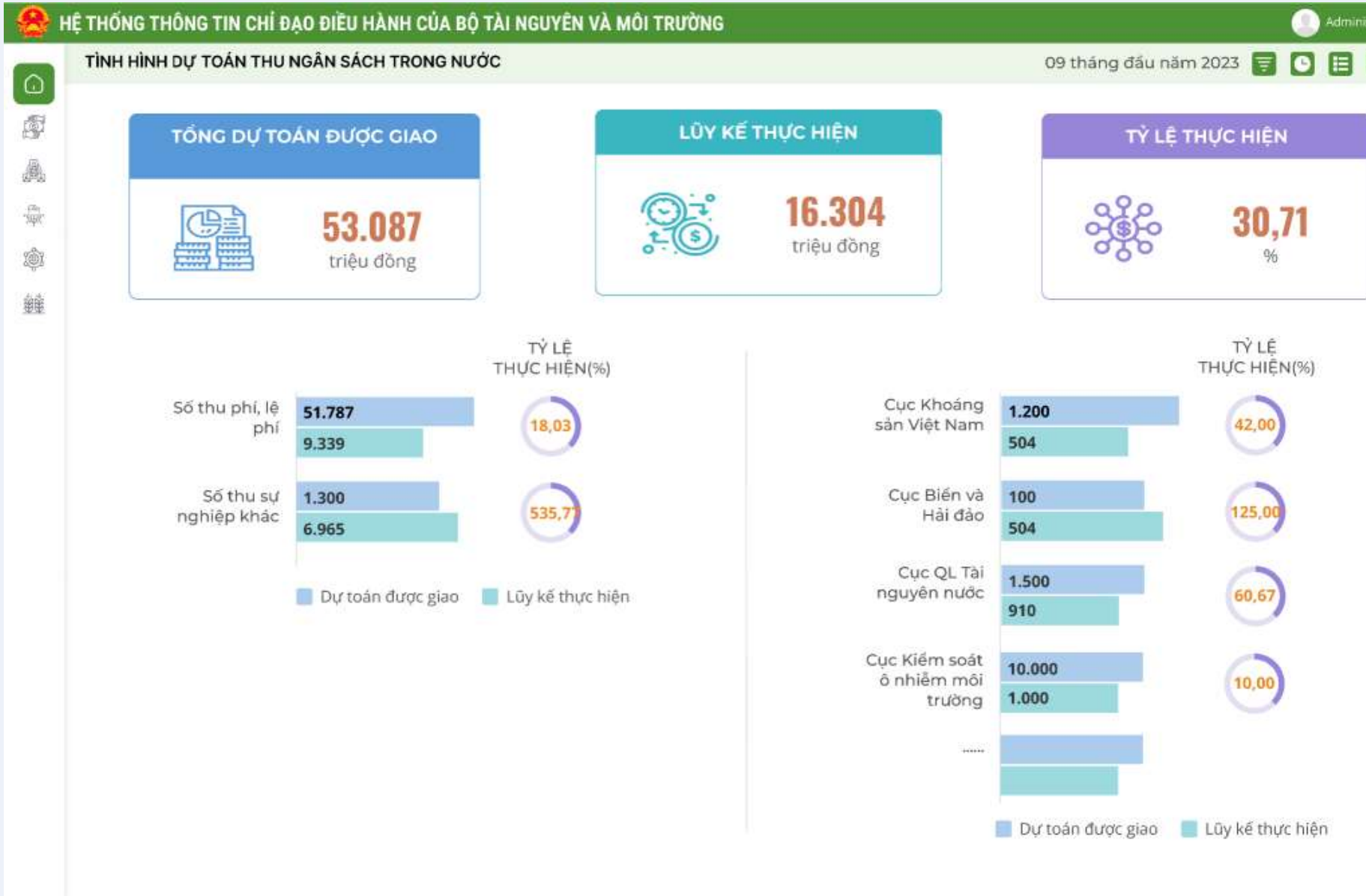


2.2. THỐNG KÊ THEO DÕI THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC

NHÓM THÔNG TIN
CHI TIẾT



2.3. THỐNG KÊ TÌNH HÌNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC



NHÓM THÔNG TIN CHI TIẾT

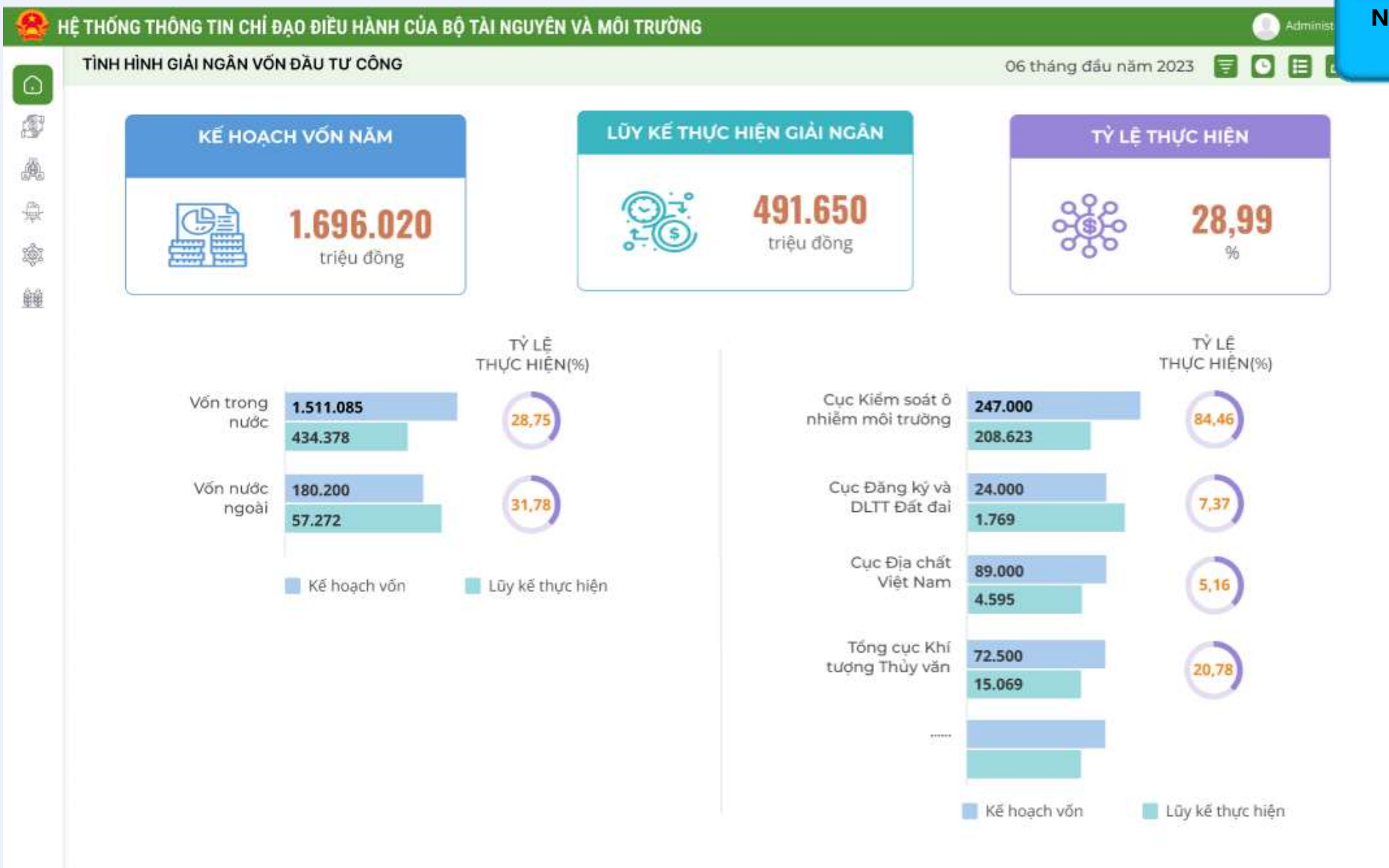
2.3. THỐNG KÊ THEO DÕI TÌNH HÌNH THU NGÂN SÁCH THEO THÁNG

NHÓM THÔNG TIN
CHI TIẾT

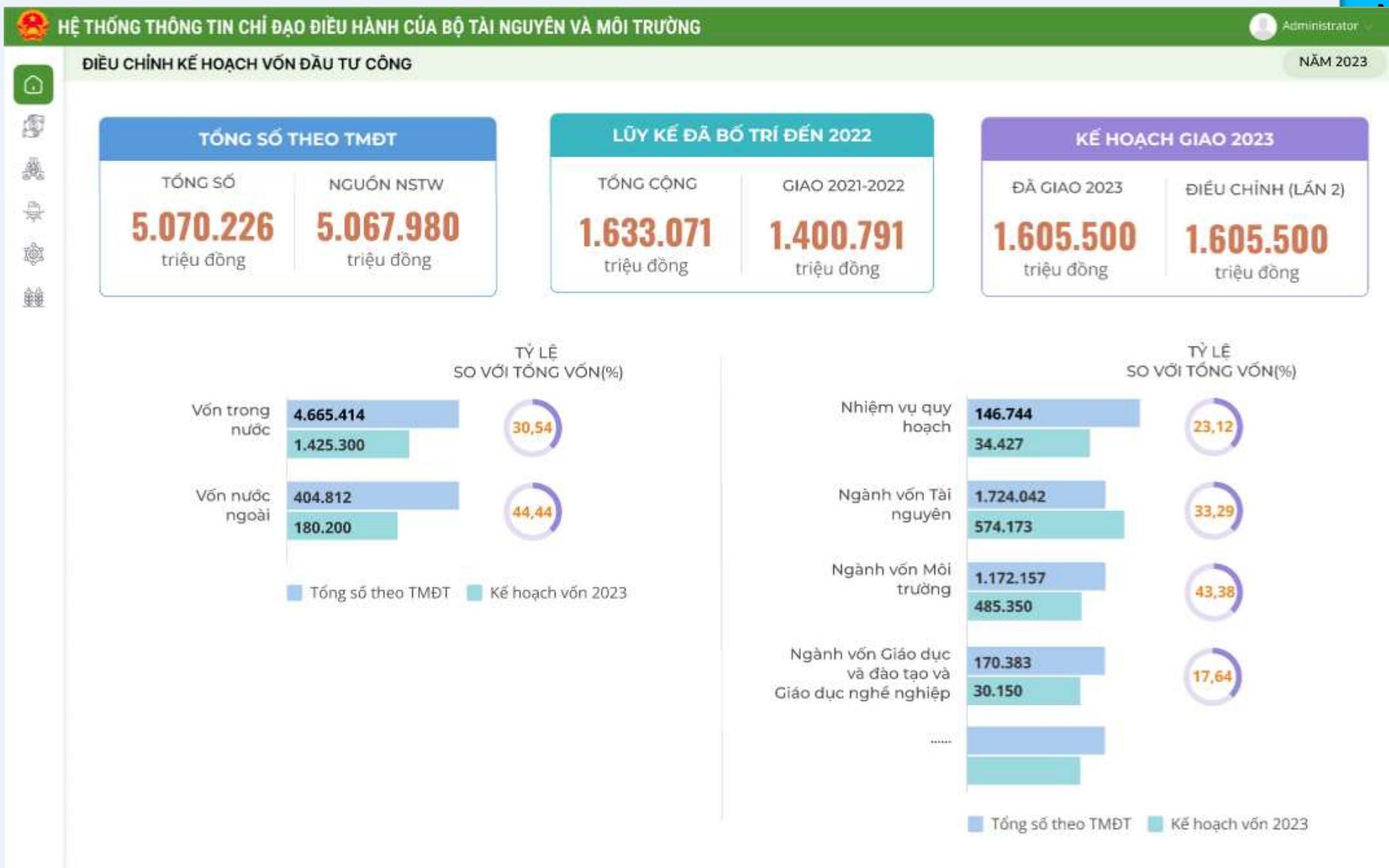


2.3. THỐNG KÊ TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG

NHÓM THÔNG TIN
CHI TIẾT

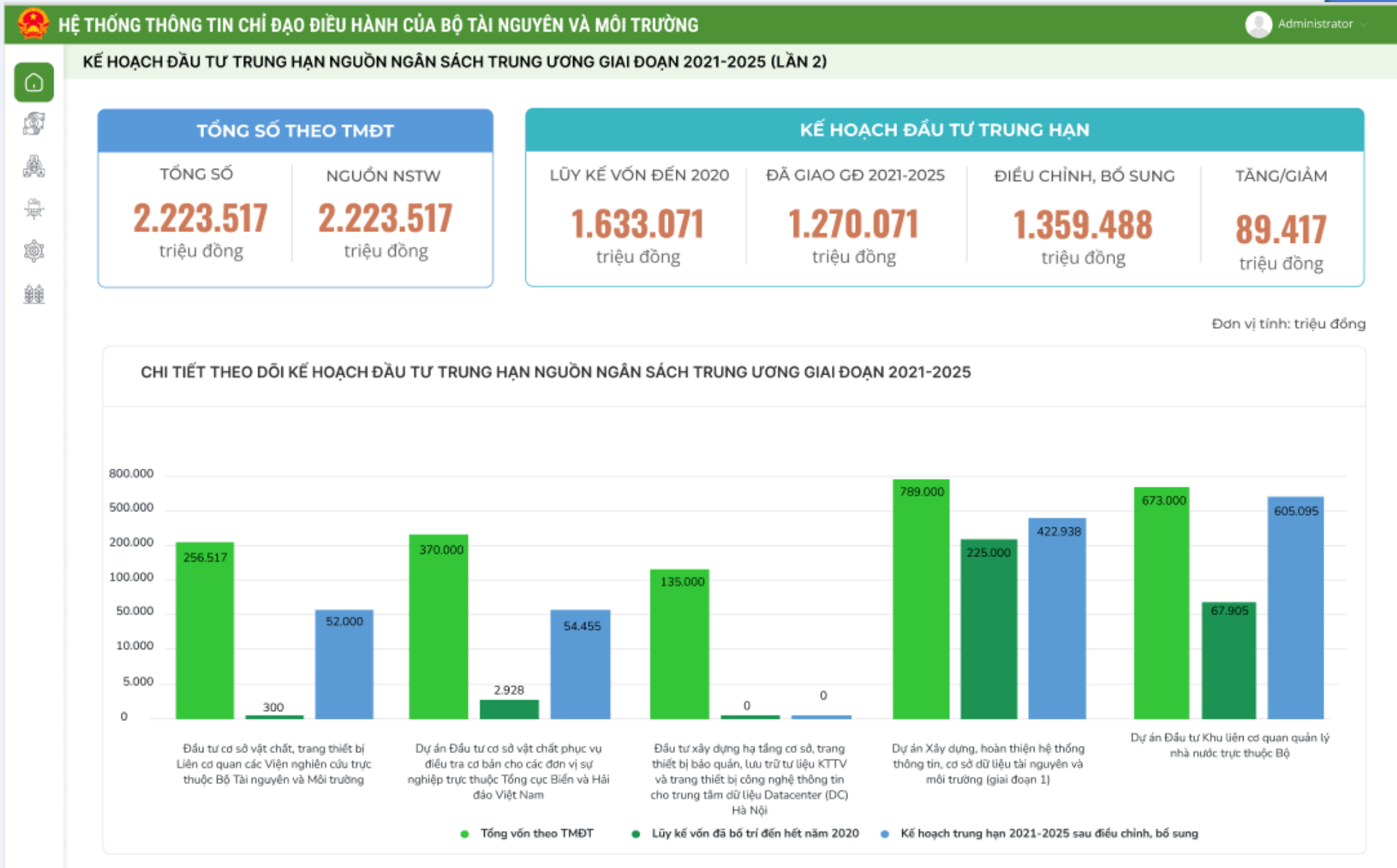


2.3. THỐNG KÊ THEO DẪI ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG



THÔNG TIN CHI TIẾT

3. GIAO DIỆN DASHBOARD VỀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN

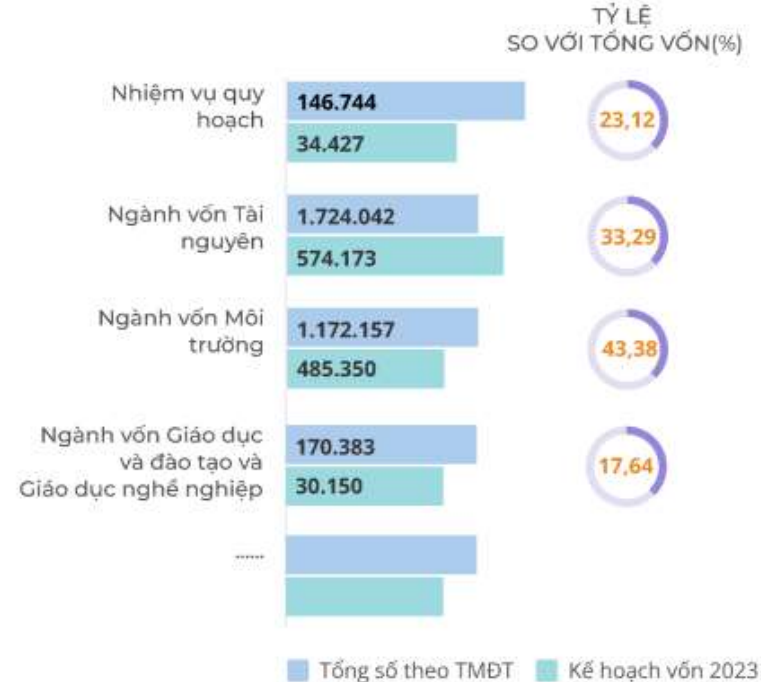


THÔNG TIN TỔNG HỢP

3.1. THỐNG KÊ KẾ HOẠCH GIAO VỐN ĐẦU TƯ CÔNG THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN



KẾ HOẠCH GIAO VỐN ĐẦU TƯ CÔNG THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN



3.2. THỐNG KÊ CÁC DỰ ÁN THEO NỘI DUNG ĐẦU TƯ



3.3. THỐNG KÊ THEO DÕI CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA



NHÓM THÔNG TIN CHI TIẾT



2.3

VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ

1. GIAO DIỆN TRANG CHỦ VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ



HỆ THỐNG THÔNG TIN CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Tổ chức bộ máy, biên chế



Quản lý công chức, viên chức và người lao động



VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ



Tổng cục Khí tượng Thủy văn



Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai



Đào tạo, bồi dưỡng; Thi đua khen thưởng



Chế độ, chính sách, lao động và tiền lương



Cục Địa chất Việt Nam



Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường



Nhóm thông tin tổng hợp khác: cải cách hành chính; ...

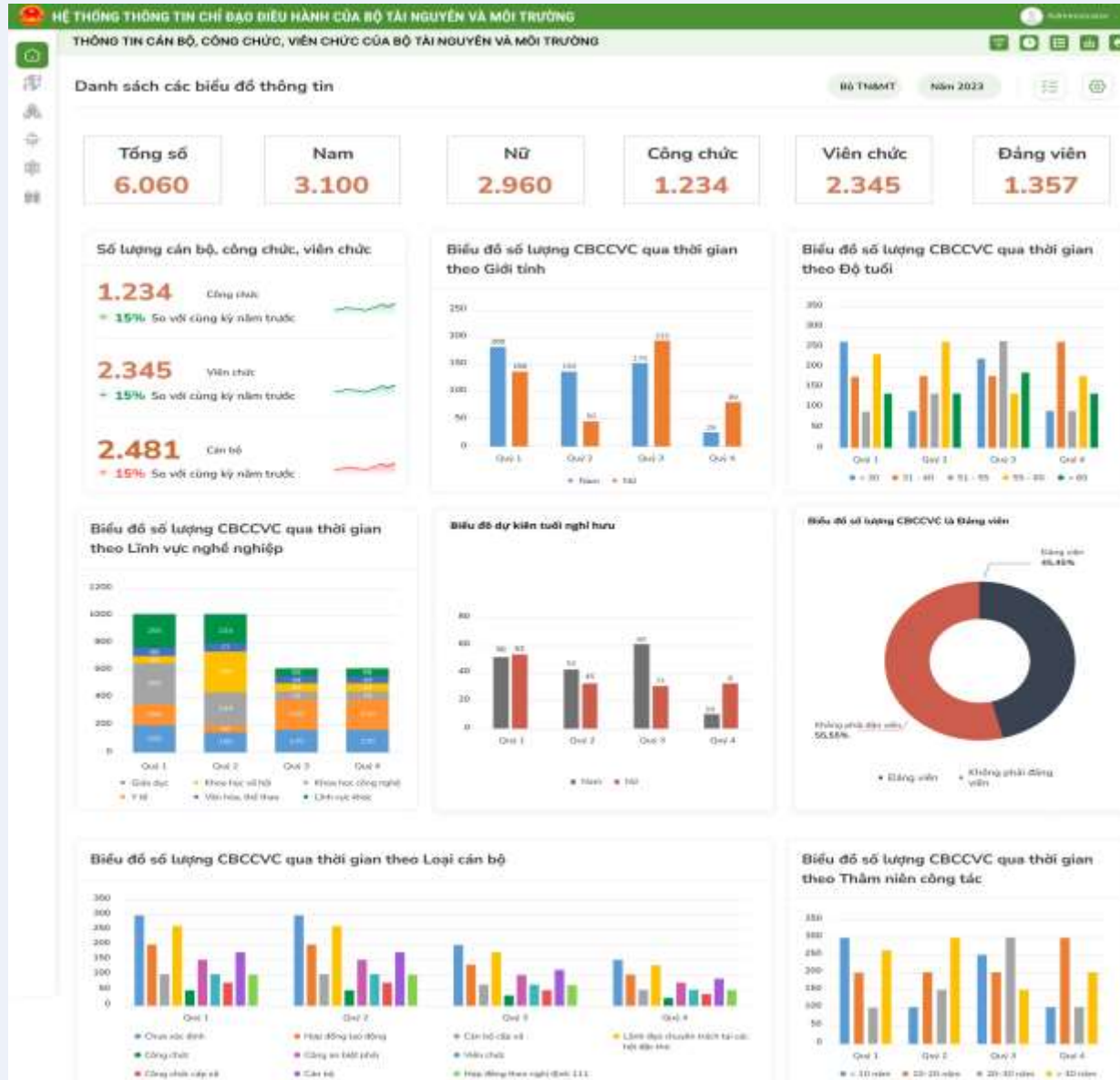


Các Cục chuyên ngành và các Đơn vị khác...

Bản quyền thuộc về Bộ Tài Nguyên và Môi Trường

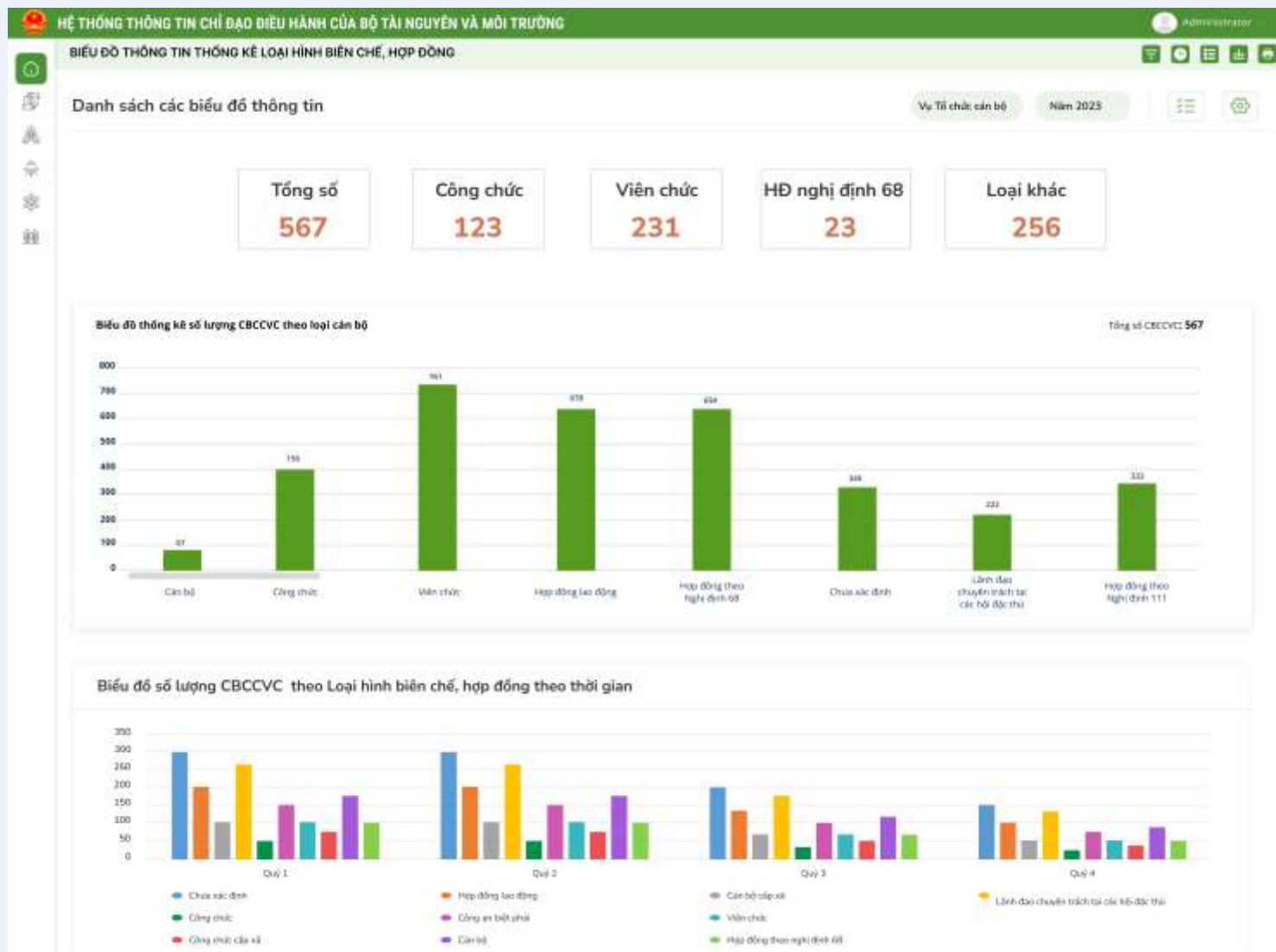
2. GIAO DIỆN PHỤC VỤ CHO LÃNH ĐẠO VỀ QUẢN LÝ CBCCVV

NHÓM THÔNG TIN TỔNG HỢP



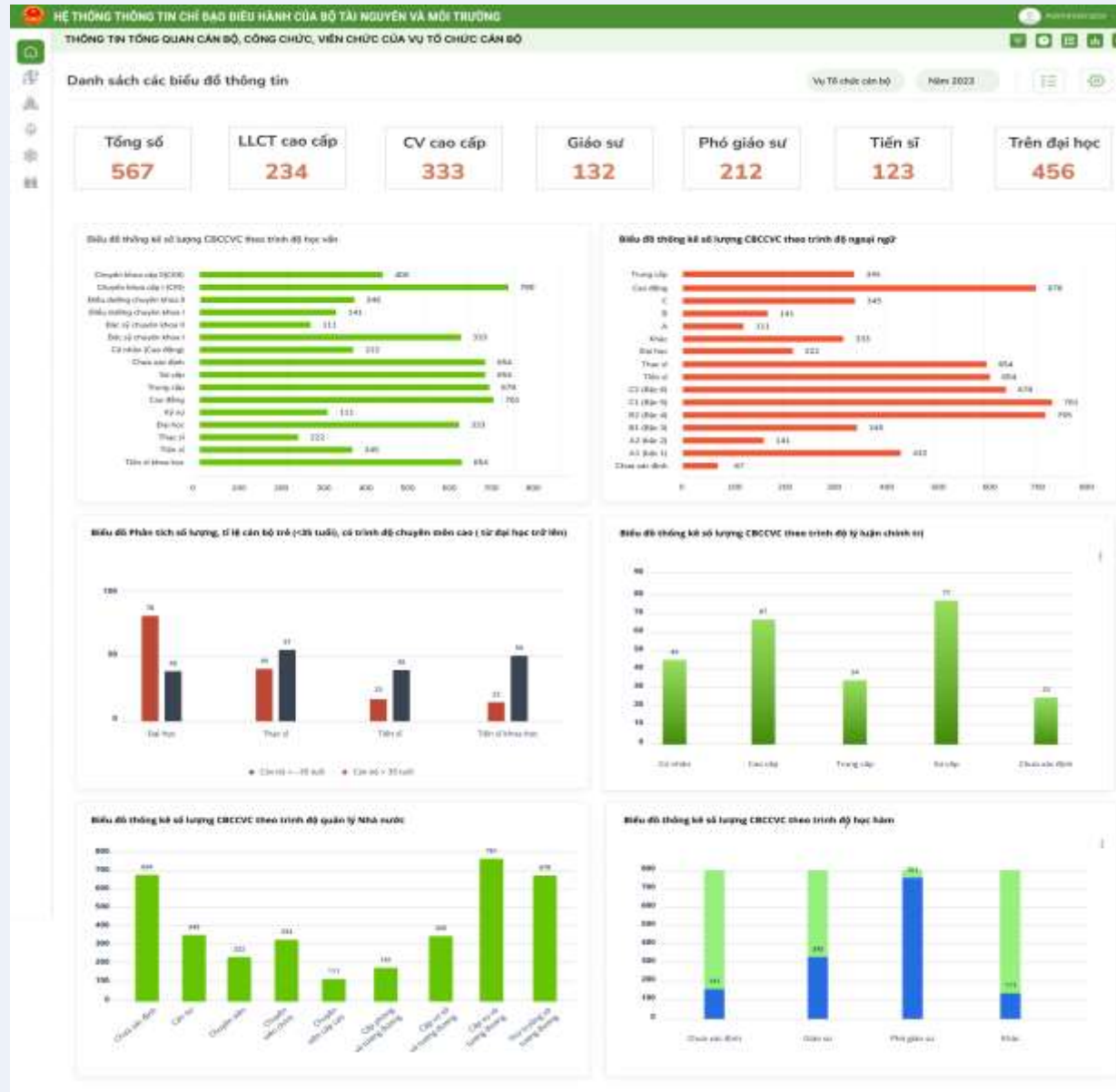
2.1. THỐNG KÊ TỔNG HỢP THEO LOẠI HỢP ĐỒNG

NHÓM THÔNG TIN
CHI TIẾT



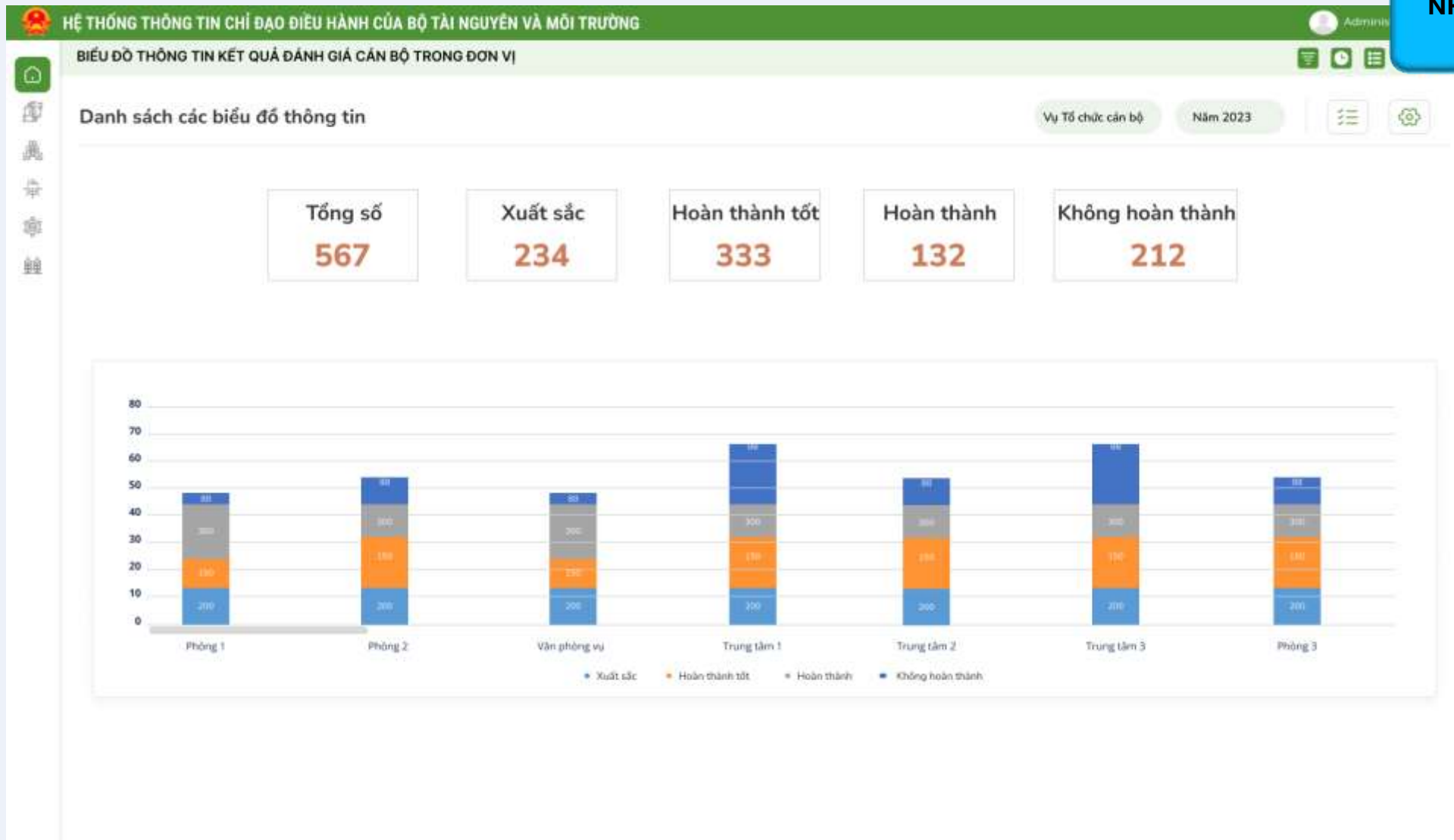
2.2. THỐNG KÊ TỔNG HỢP THEO TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

NHÓM THÔNG TIN CHI TIẾT



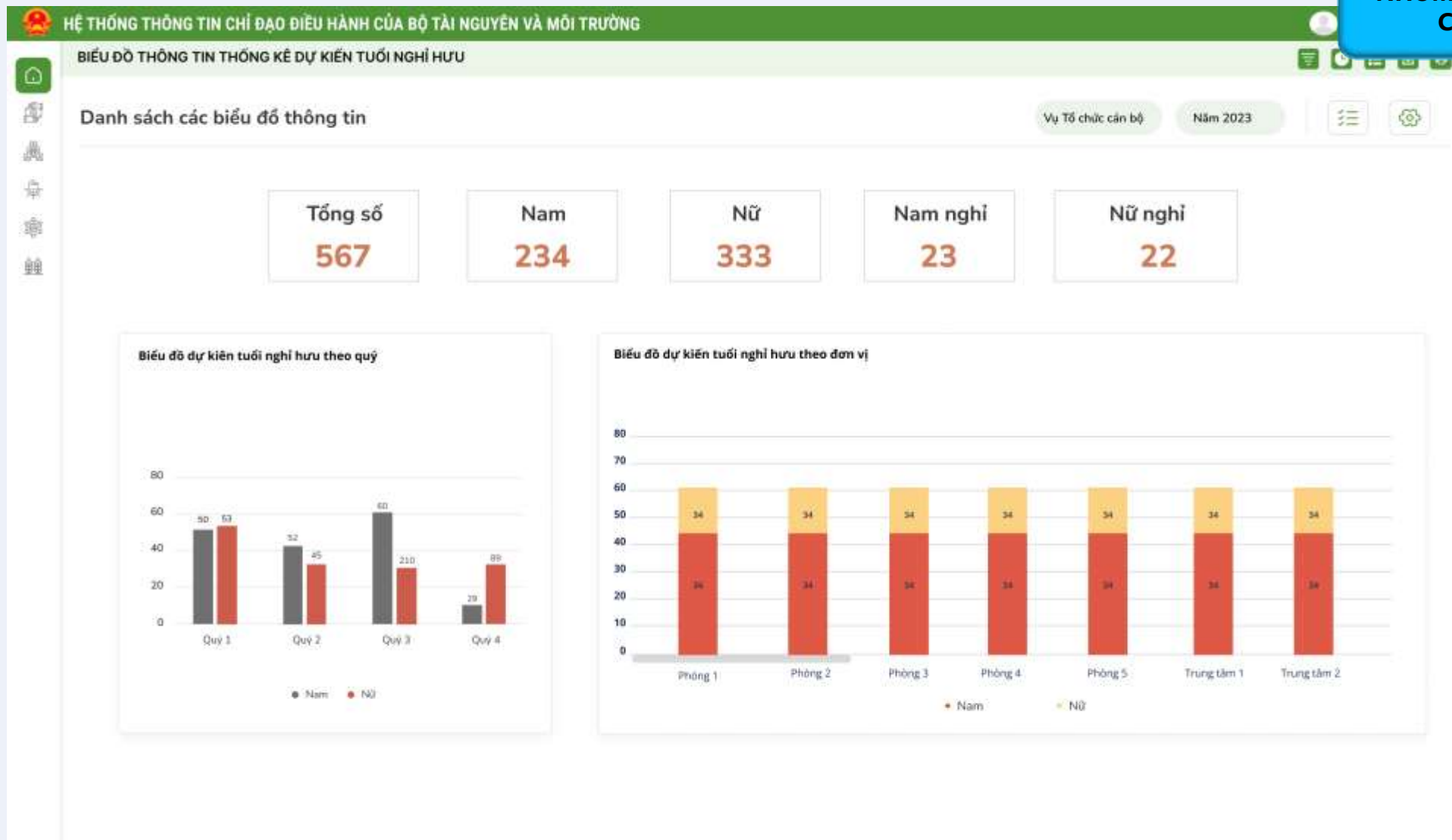
2.3. THỐNG KÊ THÔNG TIN ĐÁNH GIÁ CÁN BỘ

NHÓM THÔNG TIN
CHI TIẾT



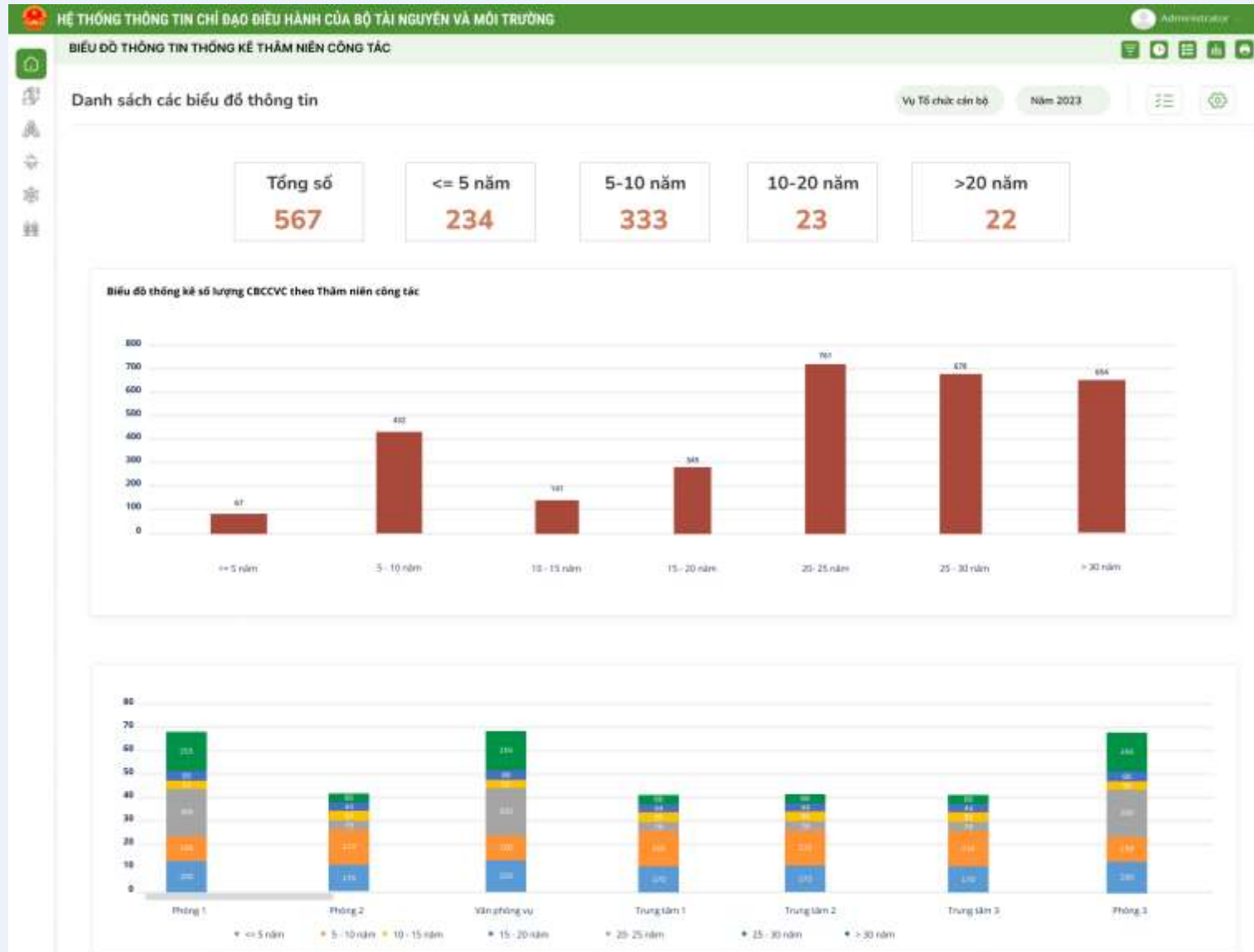
2.4. THỐNG KÊ THÔNG TIN DỰ KIẾN NGHỈ HƯU

NHÓM THÔNG TIN
CHI TIẾT



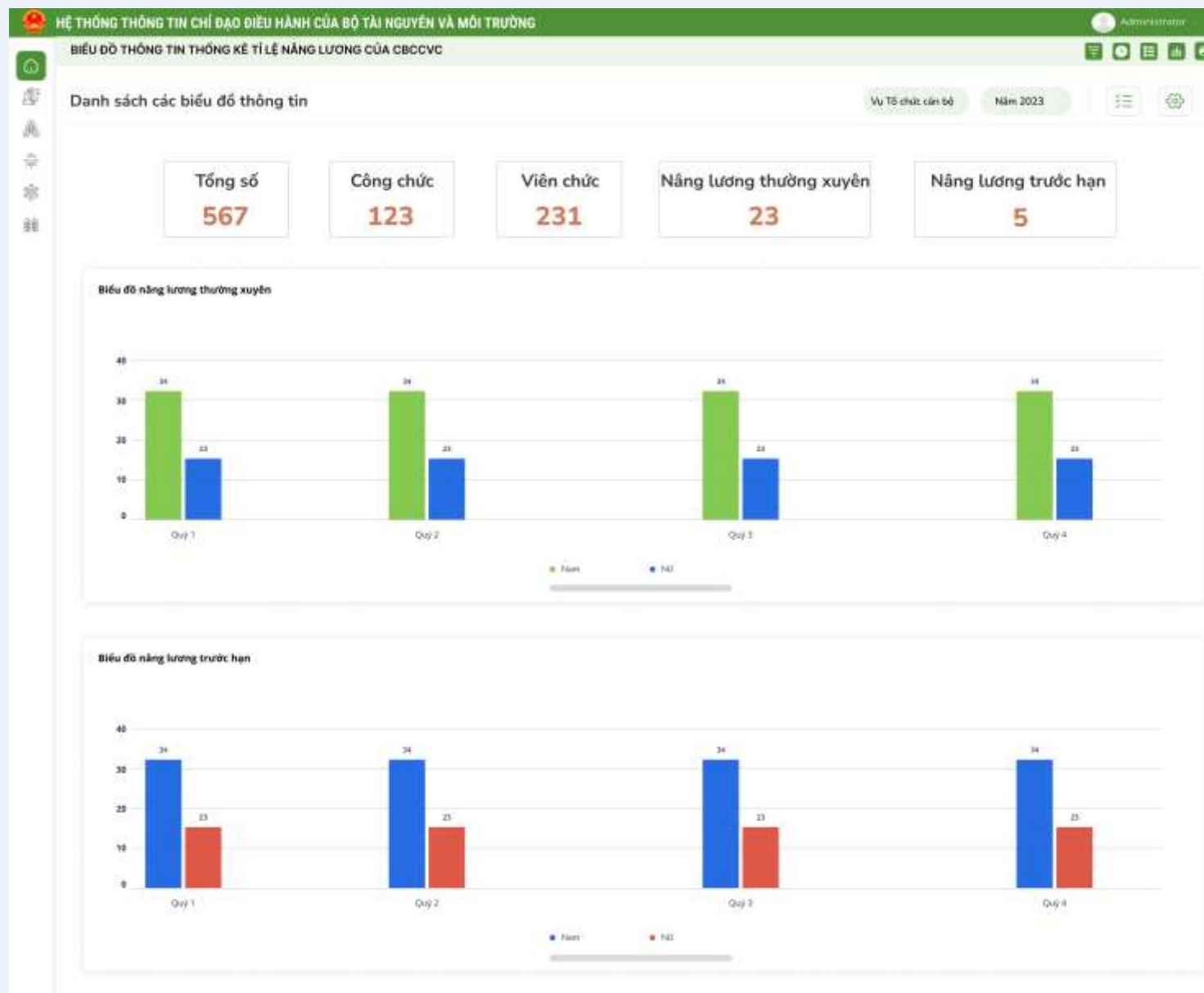
2.5. THỐNG KÊ THÔNG TIN SỐ NĂM CÔNG TÁC

NHÓM THÔNG TIN
CHI TIẾT



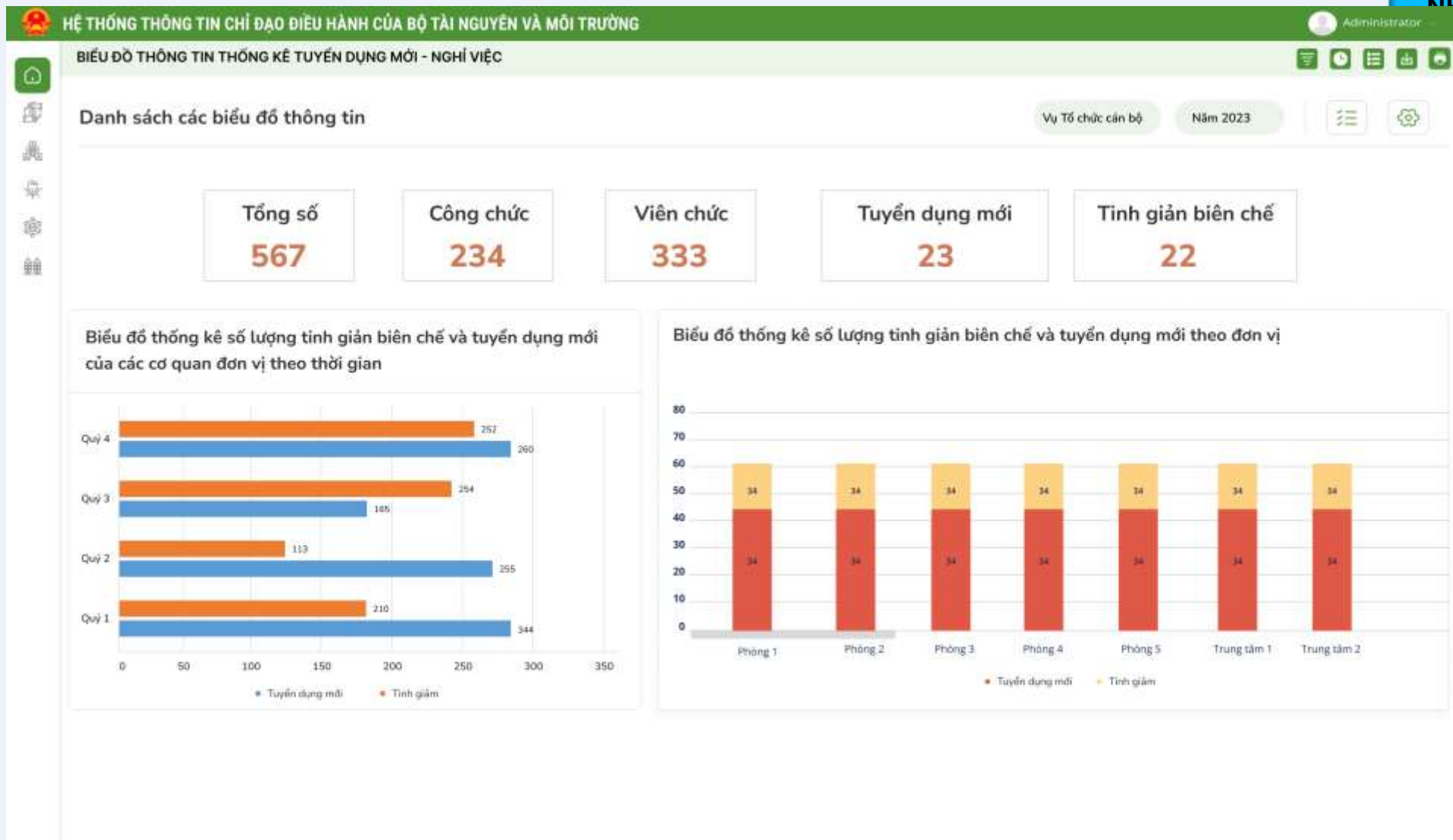
2.6. THỐNG KÊ THÔNG TIN VỀ LƯƠNG

NHÓM THÔNG TIN
CHI TIẾT



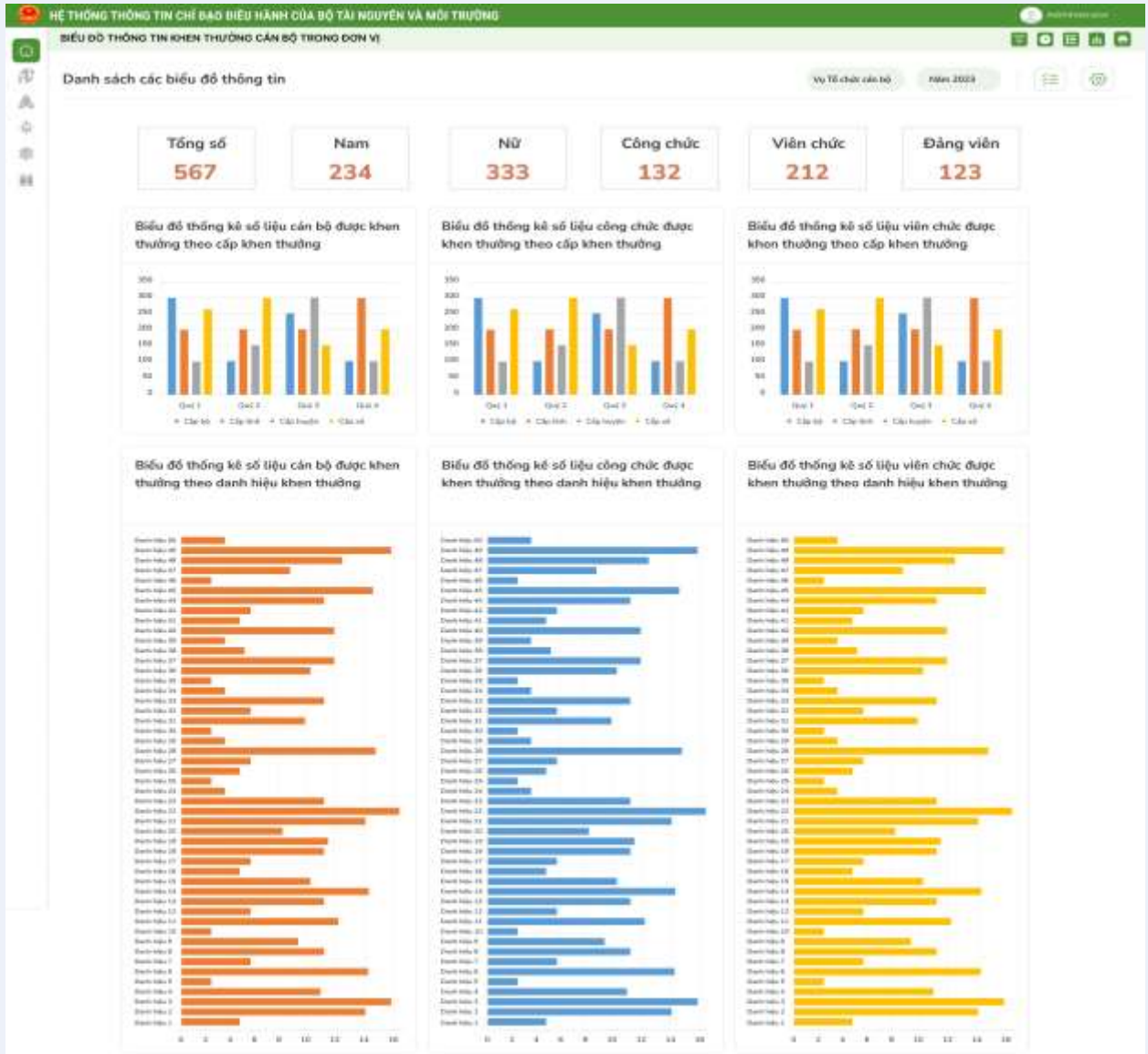
2.7. THỐNG KÊ THÔNG TIN TÌNH GIẢM BIÊN CHẾ, TUYỂN DỤNG

NHÓM THÔNG TIN
CHI TIẾT



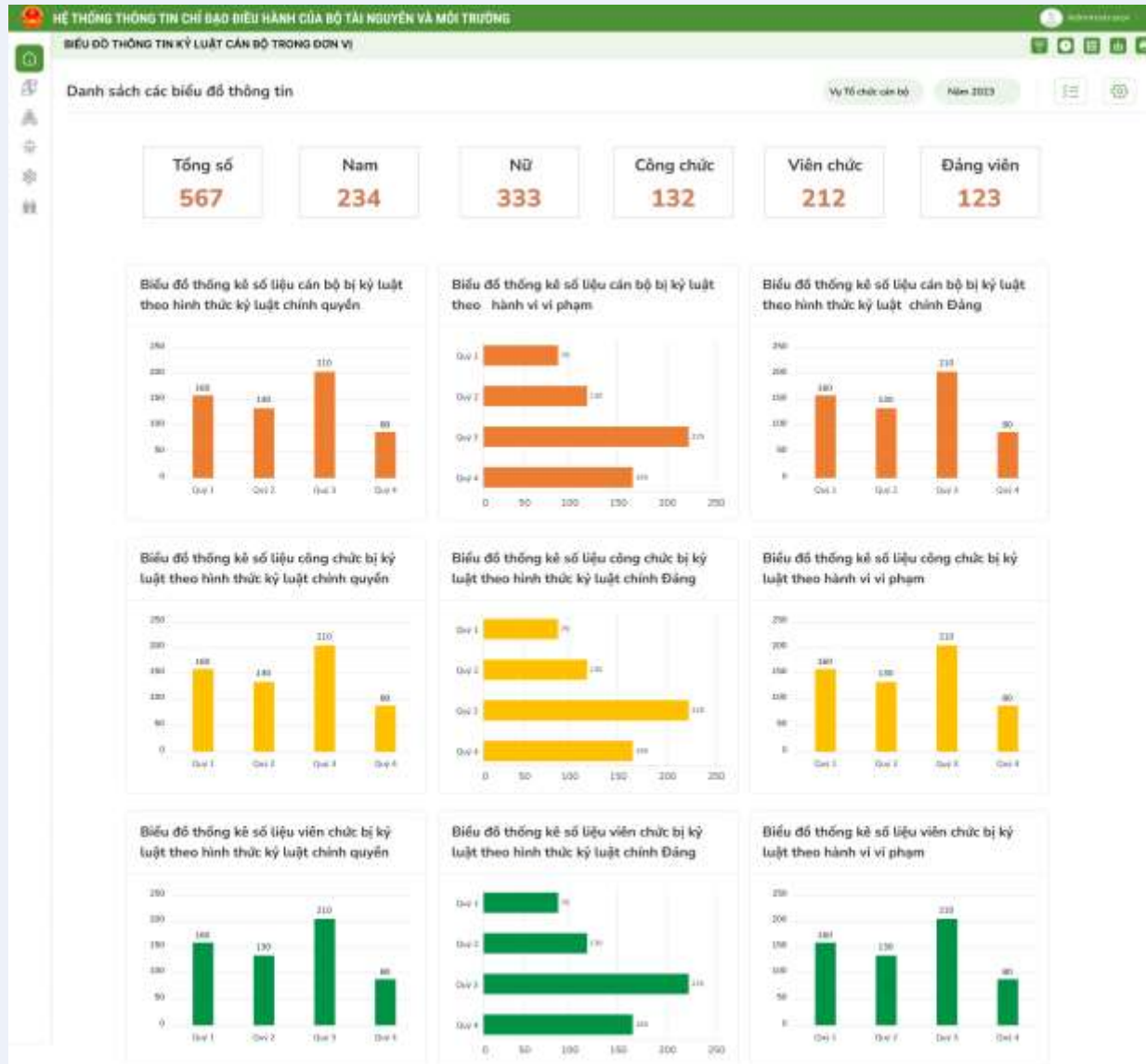
2.8. THỐNG KÊ THÔNG TIN KHEN THƯỞNG

NHÓM THÔNG TIN CHI TIẾT



2.9. THỐNG KÊ THÔNG TIN KỶ LUẬT

NHÓM THÔNG TIN
CHI TIẾT



2.10. THỐNG KÊ ĐỒNG BỘ HỒ SƠ VỚI CSDLQG VỀ CBCCV

NHÓM THÔNG TIN
CHI TIẾT



2.11. THỐNG KÊ TỶ LỆ ĐỐI KHỚP VỚI CSDLQG VỀ DÂN CƯ

NHÓM THÔNG TIN
CHI TIẾT



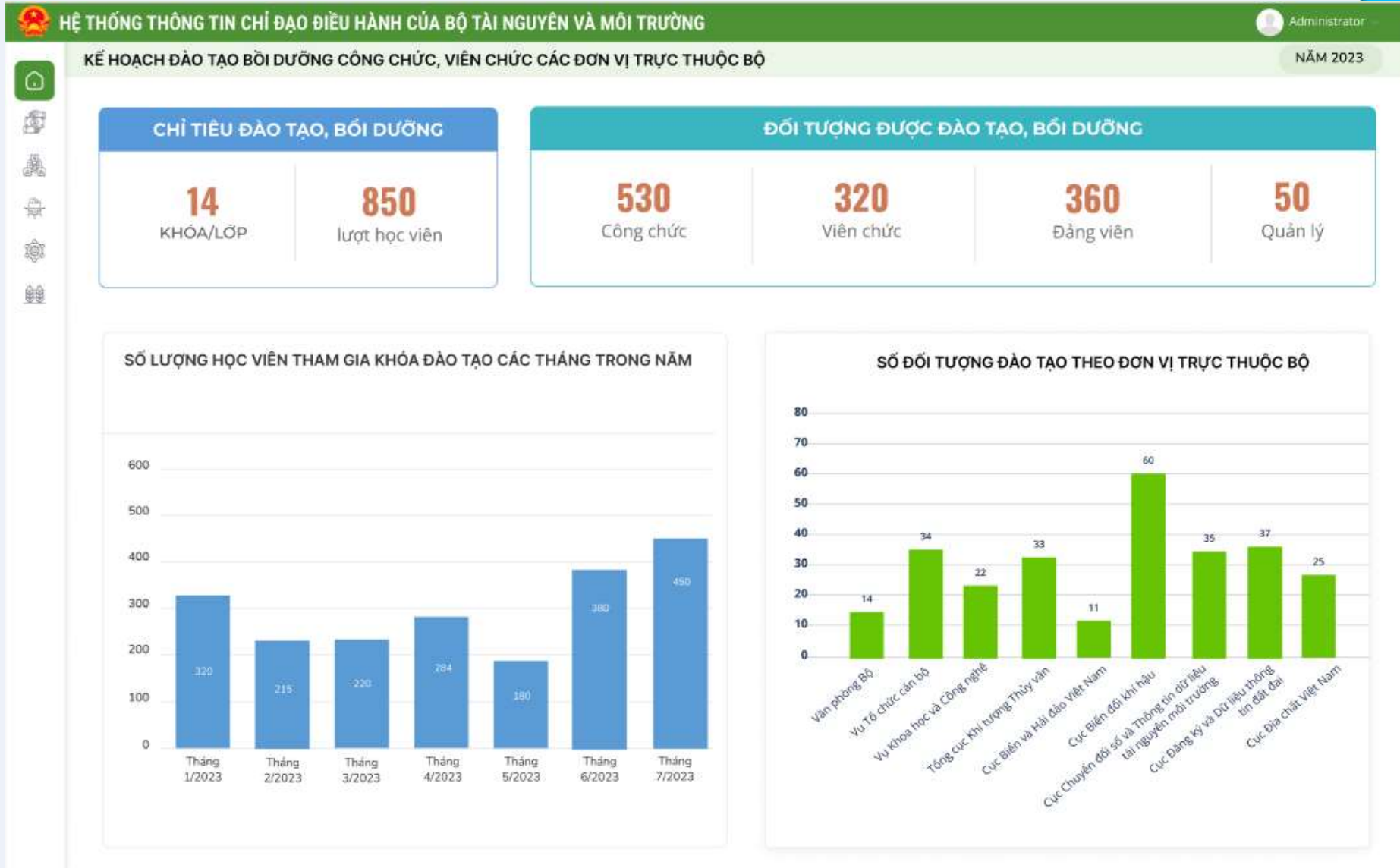
3. GIAO DIỆN PHỤC VỤ CHO LÃNH ĐẠO VỀ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG



THÔNG TIN TỔNG HỢP

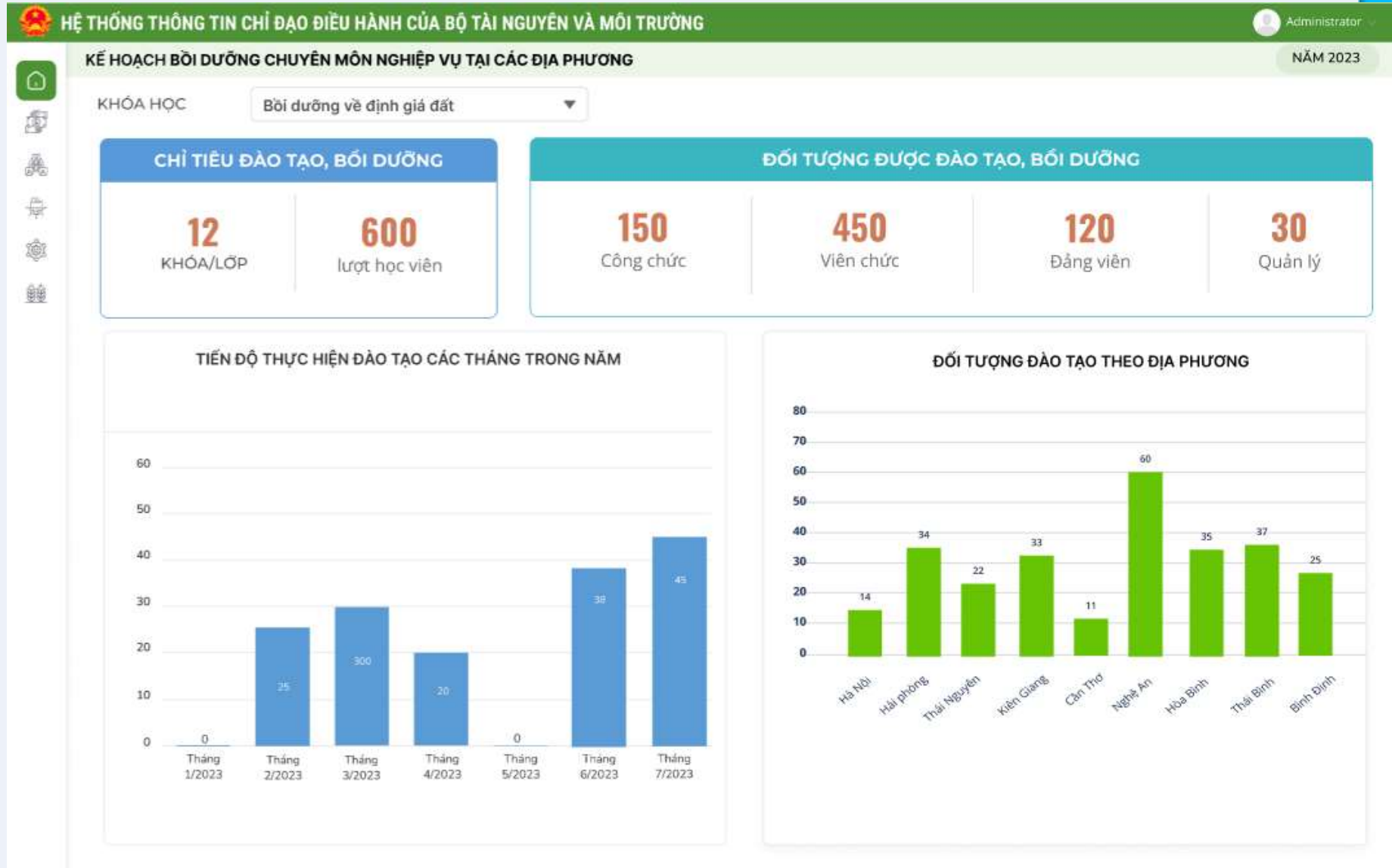
3.1. THỐNG KÊ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

NHÓM THÔNG TIN CHI TIẾT



3.2. THỐNG KÊ KẾ HOẠCH BỒI DƯỠNG CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ TẠI ĐỊA PHƯƠNG

NHÓM THÔNG TIN
CHI TIẾT



3. THỐNG KÊ ĐỀ ÁN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC – TRƯỜNG ĐH TN&MT HÀ NỘI

NHÓM THÔNG TIN CHI TIẾT

- Home
- Dashboard
- Reports
- Settings
- Users

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY TRƯỜNG ĐH TN&MT HÀ NỘI

CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

2.850
sinh viên

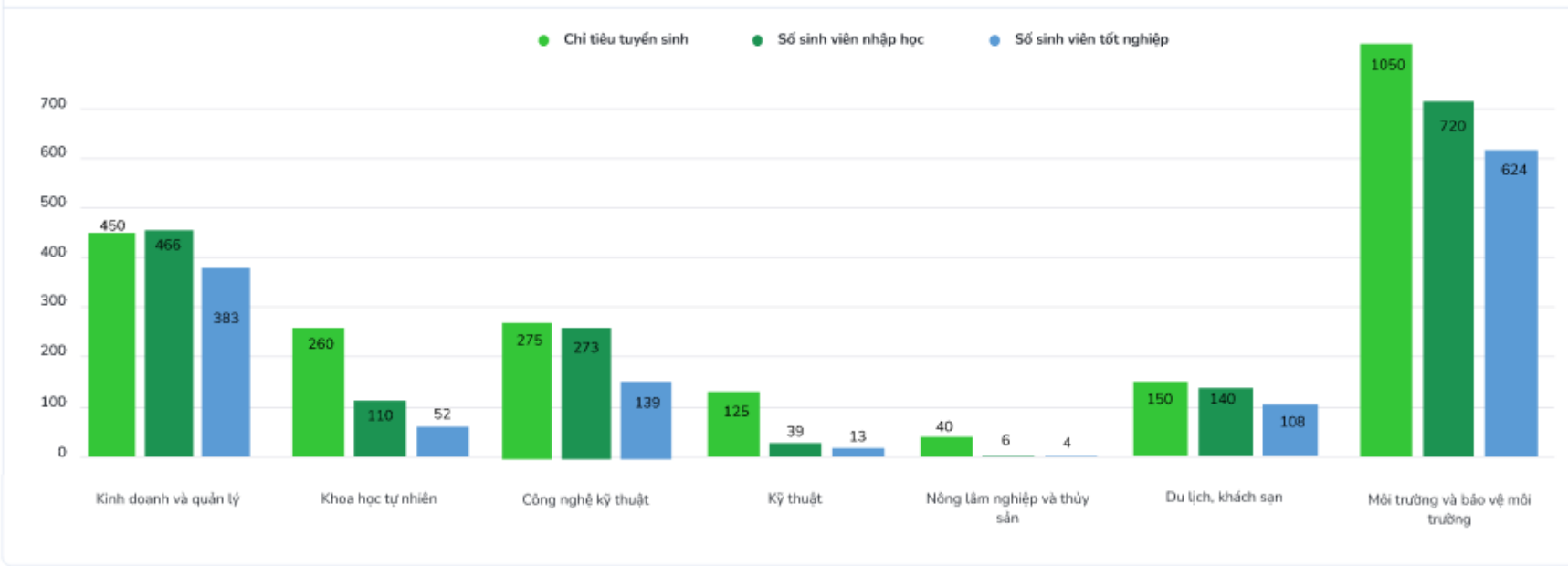
SỐ SINH VIÊN NHẬP HỌC

1.500
sinh viên

SỐ SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

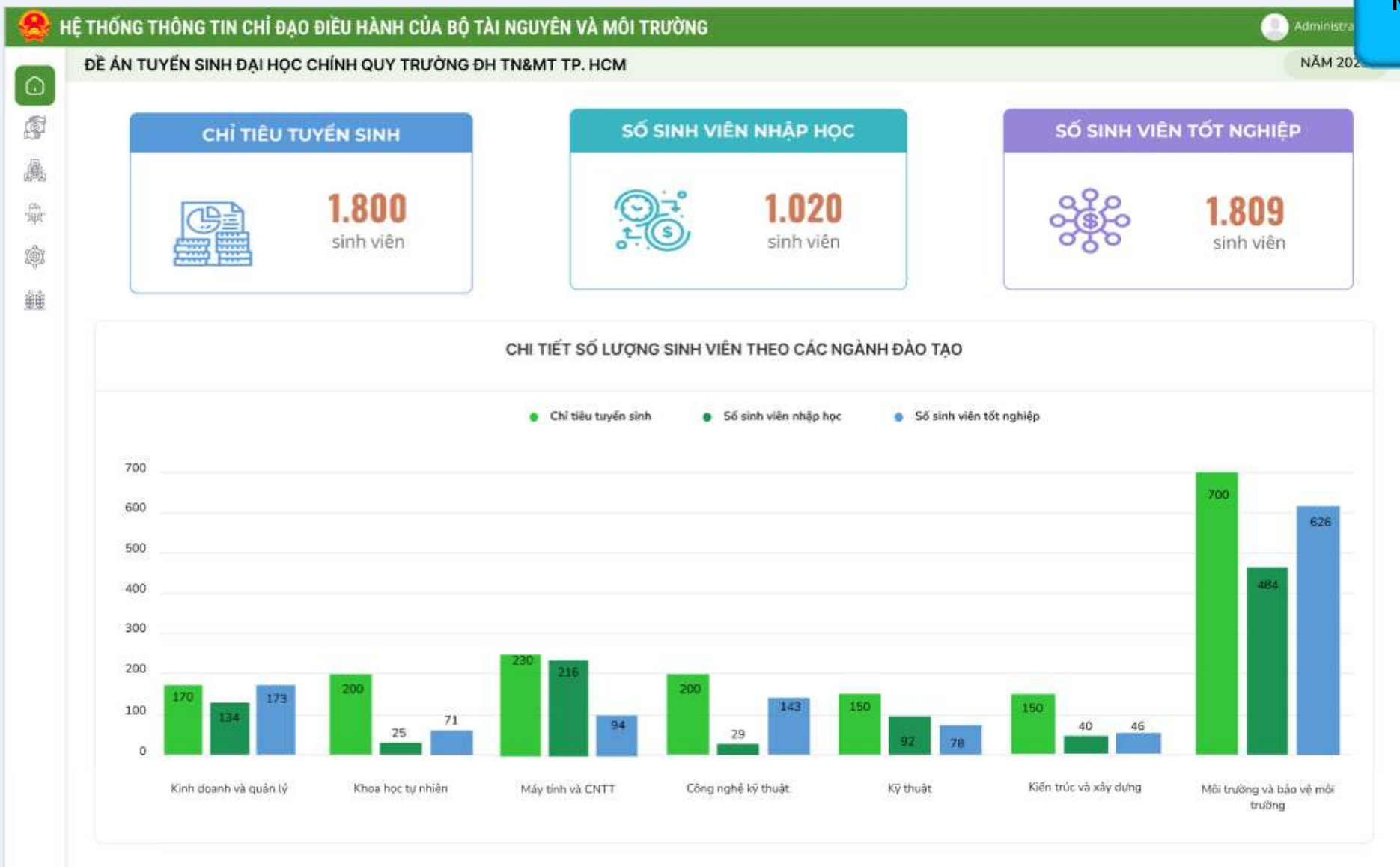
1.480
sinh viên

CHI TIẾT SỐ LƯỢNG SINH VIÊN THEO CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO



4. THỐNG KÊ ĐỀ ÁN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC – TRƯỜNG ĐH TN&MT TP. HCM

NHÓM THÔNG TIN
CHI TIẾT





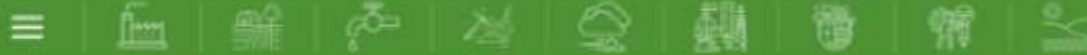
2.4

VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ

1. GIAO DIỆN TRANG CHỦ VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ



HỆ THỐNG THÔNG TIN CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Công tác đối ngoại



Các hoạt động
hội nhập, hợp tác quốc tế



Đàm phán, ký kết với
các đối tác quốc tế văn
bản thoả thuận, chương
trình, dự án, phi dự án
hợp tác



Tổng hợp, cập nhật các
thông tin quốc tế về
TN&MT



Nhóm thông tin
tổng hợp khác



VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ



Tổng cục Khí tượng
Thủy văn



Cục Đăng ký và Dữ liệu
thông tin đất đai



Cục Địa chất Việt Nam



Cục Kiểm soát ô nhiễm
môi trường



Các Cục chuyên ngành và
các Đơn vị khác...

2. GIAO DIỆN DASHBOARD PHỤC VỤ CHO LÃNH ĐẠO



M THÔNG TIN
TỔNG HỢP

3.1. THỐNG KÊ KHUÔN KHỔ HỢP TÁC SONG PHƯƠNG

NHÓM THÔNG TIN CHI TIẾT

HỆ THỐNG THÔNG TIN CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CHI TIẾT KHUÔN KHỔ HỢP TÁC SONG PHƯƠNG

ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC

11 Quốc gia

Quốc gia	Năm
Ấn Độ	2014
Campuchia	2015
Đan Mạch	2001
Đức	2013
Hà Lan	2017
Hàn Quốc	2009
Hoa Kỳ	2008
Lào	2001
Nhật Bản	2010
Pháp	2005
Trung Quốc	2014

ĐỐI TÁC HỢP TÁC

64 Quốc gia

Quốc gia	Năm
Ba Lan	2014
Hungary	2015
Italia	2001
Na Uy	2013
Nga	2017
Ôxtrâylia	2011
Phần Lan	2012
Thụy Điển	2001
Vương quốc Anh	2010

ĐỐI TÁC MỚI

9 Quốc gia

Quốc gia	Năm
Cuba	2020
Bêlarút	2021
Đông Timo	2022
Myanmar	2021
Malaysia	2020
Thái Lan	2019
Tây Ban Nha	2018
Ả-rập - Xê-út	2022
Singapore	2021



2.5

VỤ PHÁP CHẾ

1. GIAO DIỆN TRANG CHỦ VỤ PHÁP CHẾ



HỆ THỐNG THÔNG TIN CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Công tác xây dựng pháp luật



Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật



Công tác kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật



Công tác hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật



Nhóm thông tin tổng hợp khác



VỤ PHÁP CHẾ



Tổng cục Khí tượng Thủy văn



Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai



Cục Địa chất Việt Nam



Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường



Các Cục chuyên ngành và các Đơn vị khác...

2. GIAO DIỆN DASHBOARD PHỤC VỤ CHO LÃNH ĐẠO



HỆ THỐNG THÔNG TIN CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Administr

NHÓM THÔNG TIN
TỔNG HỢP

TÌNH HÌNH XÂY DỰNG, TRÌNH BAN HÀNH VBQPPL



DỰ ÁN LUẬT



03

dự án

NGHỊ ĐỊNH



02

nghị định

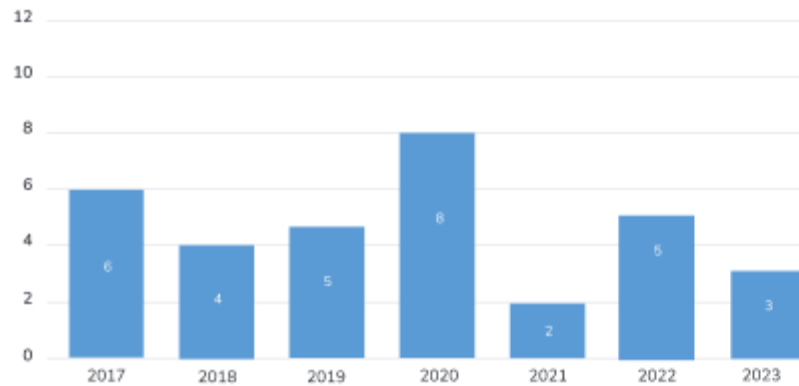
THÔNG TƯ



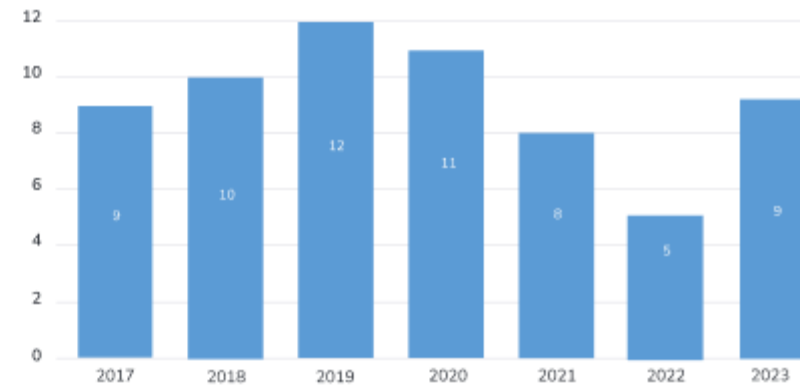
21

thông tư

TÌNH HÌNH BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH QUA CÁC NĂM



TÌNH HÌNH BAN HÀNH THÔNG TƯ QUA CÁC NĂM



2.1. THỐNG KÊ CHI TIẾT TÌNH HÌNH XỬ LÝ BAN HÀNH THÔNG TƯ

NHÓM THÔNG TIN
CHI TIẾT



3. THỐNG KÊ TÌNH HÌNH GIẢI QUYẾT, TRẢ LỜI KIẾN NGHỊ CỦA CỬ TRI

NHÓM THÔNG TIN CHI TIẾT



HỆ THỐNG THÔNG TIN CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Tình hình giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri



500 PAKN

TỐN TỪ KỲ
TRƯỚC CHUYỂN SANG

05

TIẾP NHẬN MỚI

200

TỶ LỆ KIẾN NGHỊ CỦA CỬ TRI THEO LĨNH VỰC



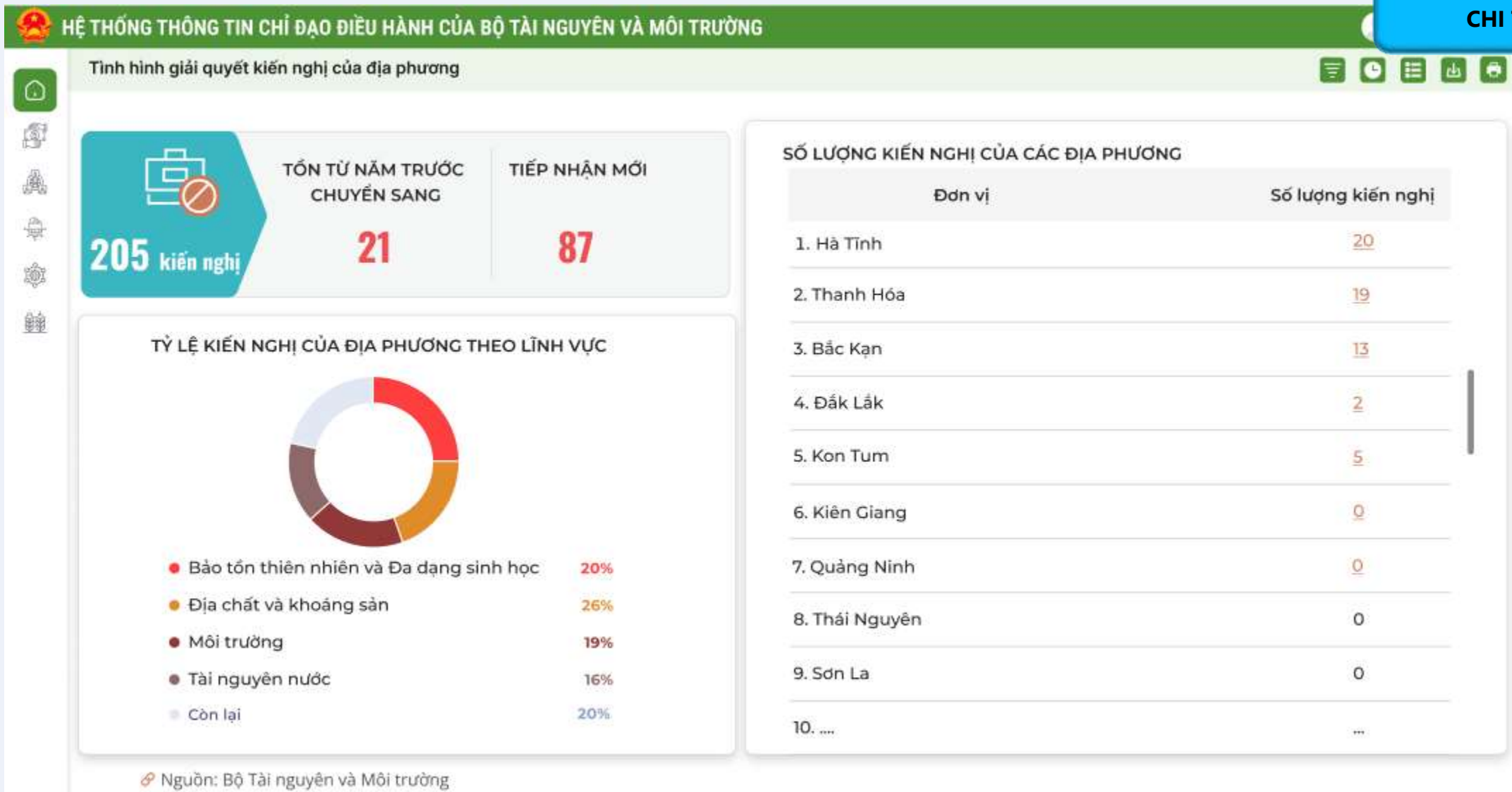
● Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	25%
● Địa chất và khoáng sản	21%
● Môi trường	19%
● Tài nguyên nước	15%
● Còn lại	21%

SỐ LƯỢNG KIẾN NGHỊ CỦA CỬ TRI THEO ĐƠN VỊ

Đơn vị	Số lượng kiến nghị
1. Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng	200
2. Báo Tài nguyên và Môi trường	130
3. Cục Biến đổi khí hậu	90
4. Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	20
5. Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	10
6. Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường	10
7. Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường	10
8. Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường	10
9. Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất	10
10. Cục Viễn thám quốc gia	10

3. THỐNG KÊ TÌNH HÌNH GIẢI QUYẾT KIẾN NGHỊ CỦA ĐỊA PHƯƠNG

NHÓM THÔNG TIN CHI TIẾT





2.6

VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. GIAO DIỆN TRANG CHỦ VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



HỆ THỐNG THÔNG TIN CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ



Hoạt động xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật



Hoạt động về phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ



Xây dựng quy hoạch phát triển tổ chức nghiên cứu KH&CN



Nhóm thông tin tổng hợp khác



VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



Tổng cục Khí tượng Thủy văn



Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai



Cục Địa chất Việt Nam



Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường



Các Cục chuyên ngành và các Đơn vị khác...

2. GIAO DIỆN DASHBOARD PHỤC VỤ CHO LÃNH ĐẠO



HỆ THỐNG THÔNG TIN CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

NHÓM THÔNG TIN
TỔNG HỢP

Tình hình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ

TỔNG SỐ NHIỆM VỤ



150

Nhiệm vụ

70%

*Lấy tiến từ đầu năm

KINH PHÍ

10.000 triệu đồng

Dự kiến

9.000 triệu đồng

Thực tế lũy kế đến thời điểm hiện tại

90,0 %

Tỷ lệ

--CHỌN LĨNH VỰC

Môi trường

07 NV

Đất đai

02 NV

Tài nguyên nước

05 NV

DANH SÁCH NHIỆM VỤ



Nhiệm vụ khoa học công nghệ 01

80,1%

120 TRIỆU ĐỒNG

Kinh phí

01/01/2022 - 12/02/2023



Nhiệm vụ khoa học công nghệ 02

100%

28.3 TRIỆU ĐỒNG

Kinh phí

01/01/2023 - 30/08/2023

Nguồn: Vụ KH&CN, Bộ Tài nguyên và Môi trường

2.1. THỐNG KÊ THEO DỒI CHI TIẾT NHIỆM VỤ KH&CN

NHÓM THÔNG TIN
CHI TIẾT



HỆ THỐNG THÔNG TIN CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Tình hình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ



--CHỌN LĨNH VỰC

Môi trường

07 NV

Đất đai

02 NV

Khí hậu

05 NV

Khoáng sản

05 NV

Đo đạc, bản đồ

05 NV

Nguồn: Vụ KH&CN, Bộ Tài nguyên và Môi trường

← Báo cáo thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ

NHIỆM VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ 01

1 / 16 | - 75% + | [Icon] [Icon]

UBND TỈNH KON TUM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 851/KL-STNMT Kon Tum, ngày 28 tháng 12 năm 2018

KẾT LUẬN THANH TRA

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ MT chấp hành quy định pháp luật về lĩnh vực tài nguyên
ĐỀN và môi trường trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông
Số: 05 Ngày: 28/12/2018

Thực hiện Quyết định số 78/QĐ-TTtr ngày 05/10/2018 của Chính Thanh tra tỉnh Kon Tum về việc thành lập Đoàn thanh tra liên ngành, thanh tra tại UBND Tu Mơ Rông và các đơn vị trực thuộc UBND huyện;

Từ ngày 15/10/2018 đến ngày 30/11/2018, Tổ thanh tra về lĩnh vực tài nguyên và môi trường tiến hành thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật tại UBND huyện Tu Mơ Rông (UBND huyện) và các đơn vị trực thuộc.

Xét Báo cáo ngày 14/12/2018 của Tổ trưởng Tổ thanh tra (Chính Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường),

Kết luận thanh tra như sau:

I. Khái quát chung:

- Huyện Tu Mơ Rông được thành lập theo Nghị định số 76/2005/NĐ-CP, ngày 09/06/2005 của Chính phủ trên cơ sở chia tách từ huyện Đăk Tô với tổng diện tích trong địa giới hành chính là 85.744,25ha (gồm 11 đơn vị hành chính cấp xã, với 91 thôn, làng). Huyện Tu Mơ Rông cách thành phố Kon Tum khoảng 80 km theo đường quốc lộ 40B, cách huyện Đăk Tô 30km, đồng thời cách trung tâm huyện Nam Trà My của tỉnh Quảng Nam khoảng 60km. Huyện có 27.800 người, 100% dân số thuộc khu vực nông thôn, dân cư với đại đa số là cộng đồng dân tộc thiểu số (dân tộc Xê Đang chiếm đại đa số), ngoài ra còn một

3. THỐNG KÊ THEO DÕI TIẾN ĐỘ BAN HÀNH QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

NHÓM THÔNG TIN CHI TIẾT

THEO DÕI TIẾN ĐỘ BAN HÀNH QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



SỐ LƯỢNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐƯỢC GIAO



04
quy chuẩn kỹ thuật

SỐ LƯỢNG ĐANG THỰC HIỆN



03
quy chuẩn kỹ thuật

SỐ LƯỢNG ĐÃ BAN HÀNH



01
quy chuẩn kỹ thuật

STT	Lĩnh vực/ đối tượng	Tên gọi QCVN	Tổ chức biên soạn	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Kết thúc
1	Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000, 1:10.000	Cục Đo đạc Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	2023	2024
2	Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy trình thành lập bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000, 1:10.000 từ cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Cục Đo đạc Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	2023	2024
3	Bản đồ hành chính	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bản đồ hành chính	Cục Đo đạc Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	2023	2024
4	Khí tượng Thủy văn	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đánh giá chất lượng dự báo khí tượng thủy văn	Vụ Quản lý dự báo khí tượng thủy văn, Tổng cục Khí tượng Thủy văn	2023	2024



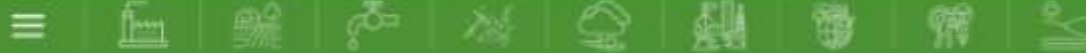
2.7

THANH TRA BỘ

1. GIAO DIỆN TRANG CHỦ THANH TRA BỘ



HỆ THỐNG THÔNG TIN CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Tiếp dân và xử lý đơn thư



Thanh tra hành chính và phòng, chống tham nhũng



Giám sát và xử lý sau thanh tra



Xử phạt vi phạm hành chính



THANH TRA BỘ



Tổng cục Khí tượng Thủy văn



Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai



Cục Địa chất Việt Nam



Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường



Nhóm thông tin tổng hợp khác



Các Cục chuyên ngành và các Đơn vị khác...

2. GIAO DIỆN DASHBOARD PHỤC VỤ CHO LÃNH ĐẠO

NHÓM THÔNG TIN
TỔNG HỢP



4.1. THỐNG KÊ THEO DĨ NHIỆM VỤ THANH TRA, KIỂM TRA



HỆ THỐNG THÔNG TIN CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

NHÓM THÔNG TIN CHI TIẾT

Tổng hợp kết quả thanh tra, kiểm tra

DANH SÁCH NHIỆM VỤ THANH TRA, KIỂM TRA

NĂM 2023

01

Thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, đất đai và tài nguyên nước đối với các cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại

CỤC KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG, CỤC QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN NƯỚC



Nguồn: Bộ Tài nguyên và Môi trường

02

Thanh tra về việc chấp hành pháp luật về đất đai, bảo vệ môi trường và tài nguyên nước đối với một số dự án tại tỉnh Hải dương

VỤ ĐẤT ĐAI, CỤC QUY HOẠCH VÀ PHÁT TRIỂN TÀI NGUYÊN ĐẤT



03

Thanh tra việc chấp hành pháp luật đất đai trong công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CỤC ĐĂNG KÝ VÀ DỮ LIỆU THÔNG TIN ĐẤT ĐAI



4.2. BÁO CÁO CHI TIẾT KẾT LUẬN THANH TRA

HỆ THỐNG THÔNG TIN CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG Administrator



Tổng hợp kết quả thanh tra, kiểm tra

BÁO CÁO KẾT LUẬN THANH TRA

THANH TRA VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ĐẤT ĐAI VÀ TÀI NGUYÊN NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ THỰC HIỆN DỊCH VỤ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

CỤC KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG, CỤC QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN NƯỚC

Ngày 04/3/2021, Thanh tra Chính phủ đã có Thông báo Kết luận thanh tra về công tác bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản; việc quản lý, sử dụng đất có nguồn gốc từ nông lâm trường và việc chấp hành quy định pháp luật trong hoạt động khai thác cát, sỏi tại tỉnh Hòa Bình; thời kỳ thanh tra từ 2011-2018.



← →

Nguồn: Bộ Tài nguyên và Môi trường

4.2. THỐNG KÊ THEO DĨA THANG TRA, KIỂM TRA CÁC ĐƠN VỊ/ĐỊA PHƯƠNG

NHÓM THÔNG TIN
CHI TIẾT

HỆ THỐNG THÔNG TIN CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, đất đai và tài nguyên nước đối với các cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại

HÀ NỘI

PHỦ THỌ

QUẢNG NINH

← **THỪA THIÊN HUẾ**

BẮC NINH

GIA LAI

THÁI NGUYÊN

Tổ chức	Kết quả	Xem
Công ty TNHH.....	✓	📅
Công ty TNHH.....	✗	📅
Công ty TNHH.....	✓	📅
Công ty TNHH.....	⚠	📅
Công ty TNHH.....	⚠	📅
Công ty TNHH.....	✓	📅
Công ty TNHH.....	✓	📅

🔍 Nguồn: Bộ Tài nguyên và Môi trường

4.2. THỐNG KÊ THEO DÕI CHI TIẾT KẾT LUẬN THANH TRA, KIỂM TRA CÁC ĐƠN VỊ/ĐỊA PHƯƠNG

NHÓM THÔNG TIN
CHI TIẾT

HỆ THỐNG THÔNG TIN CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, đất đai và tài nguyên nước đối với các cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại

Kết luận thanh tra
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG

HÀ NỘI
PHỦ THỌ
QUẢNG NINH
THỪA THIÊN HUẾ
BẮC NINH
GIA LAI
THÁI NGUYÊN

1 / 16 | - 75% + | [Icon] [Icon]

UBND TỈNH KON TUM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 857/KL-STNMT Kon Tum, ngày 28 tháng 12 năm 2018

KẾT LUẬN THANH TRA

chấp hành quy định pháp luật về lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN THỰC DỀN
Số: 05
Ngày: 05/01/2018

Thực hiện Quyết định số 78/QĐ-TTtr ngày 05/10/2018 của Chánh Thanh tra tỉnh Kon Tum về việc thành lập Đoàn thanh tra liên ngành, thanh tra tại UBND Tu Mơ Rông và các đơn vị trực thuộc UBND huyện;

Từ ngày 15/10/2018 đến ngày 30/11/2018, Tổ thanh tra về lĩnh vực tài nguyên và môi trường tiến hành thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật tại UBND huyện Tu Mơ Rông (UBND huyện) và các đơn vị trực thuộc.

Xét Báo cáo ngày 14/12/2018 của Tổ trưởng Tổ thanh tra (Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường),

Kết luận thanh tra như sau:

I. Khái quát chung:

- Huyện Tu Mơ Rông được thành lập theo Nghị định số 76/2005/NĐ-CP, ngày 09/06/2005 của Chính phủ trên cơ sở chia tách từ huyện Đăk Tô với tổng diện tích trong địa giới hành chính là 85.744,25ha (gồm 11 đơn vị hành chính cấp xã, với 91 thôn, làng). Huyện Tu Mơ Rông cách thành phố Kon Tum khoảng 80 km theo đường quốc lộ 40B, cách huyện Đăk Tô 30km, đồng thời cách trung tâm huyện Nam Trà My của tỉnh Quảng Nam khoảng 60km. Huyện có 27.800 người, 100% dân số thuộc khu vực nông thôn, dân cư với đại đa số là cộng đồng dân tộc thiểu số (dân tộc Xê Đâng chiếm đại đa số), ngoài ra còn một

Nguồn: Bộ Tài nguyên và Môi trường.



2.8

VỤ ĐẤT ĐAI

1. GIAO DIỆN TRANG CHỦ VỤ ĐẤT ĐAI



HỆ THỐNG THÔNG TIN CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Công tác xây dựng chính sách, pháp luật về đất đai



Công tác kiểm tra việc thi hành chính sách, pháp luật đất đai



Công tác rà soát, hệ thống hóa, hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật về đất đai



Theo dõi và đánh giá đối với quản lý, sử dụng đất đai



Nhóm thông tin tổng hợp khác



VỤ ĐẤT ĐAI



Thành phố Hà Nội



Thành phố Hồ Chí Minh



Quảng Ninh



Cà Mau



Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác,...

MỘT SỐ CHỈ TIÊU, CHỈ SỐ TỔNG HỢP PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

	01		ĐẤT ĐAI
1	0101	0101	Diện tích và cơ cấu đất
2	0102		Biến động diện tích đất
3	0103		Kết quả đo đạc lập bản đồ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính
4	0104		Kết quả đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
5	0105		Kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
6	0106		Kết quả xây dựng bảng giá đất
7	0107		Kết quả thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất
8	0108		Kết quả tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất khi nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất
9	0109		Kết quả giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất
10	0110	2105	Diện tích đất bị thoái hóa
11	0111		Diện tích đất bị ô nhiễm

CHỈ TIÊU THỐNG KÊ

STT	Tên chỉ số	Đơn vị tính	Diễn giải	Bỏ	Ý kiến của đơn vị chuyên môn
1	Số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Giấy chứng nhận	Thống kê số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất – Dữ liệu được tổng hợp từ các địa phương		
2	Tổng diện tích đất tự nhiên tại Việt Nam	Ha	Diện tích đất tự nhiên – Tổng hợp dữ liệu từ các tỉnh		
3	Số xã có cơ sở dữ liệu đất	Xã	Thống kê các xã có cơ sở dữ liệu đất đai		
4	Số huyện có cơ sở dữ liệu vết đất đai	Huyện	Thống kê các huyện có cơ sở dữ liệu đất đai		
5	Diện tích đất nông nghiệp	Ha	Thống kê theo địa phương		
6	Diện tích đất phi nông nghiệp	Ha	Thống kê theo địa phương		
7	Diện tích đất chưa sử dụng	Ha	Thống kê theo địa phương		

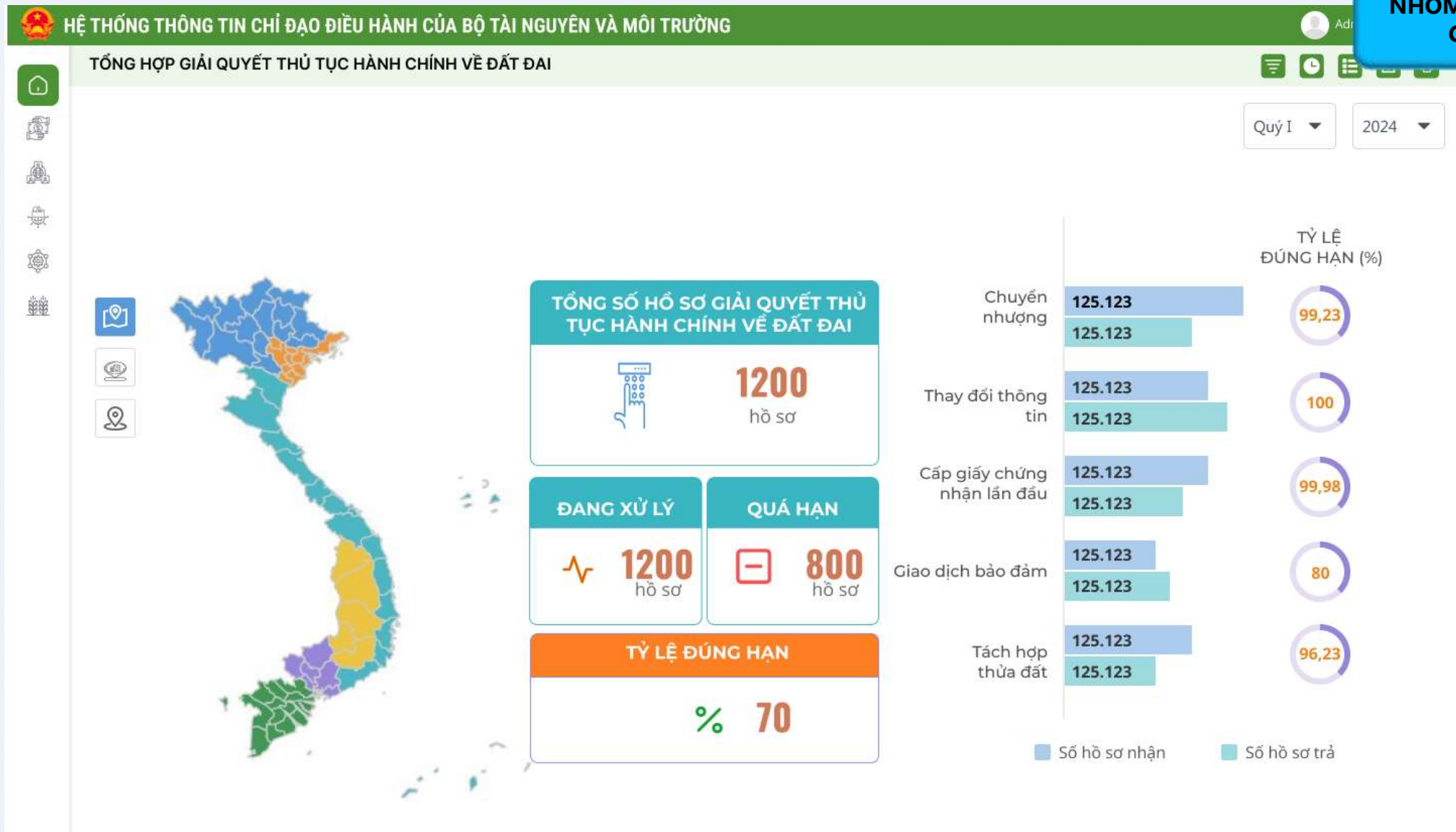
CHỈ TIÊU ĐỀ XUẤT

2. GIAO DIỆN DASHBOARD PHỤC VỤ CHO LÃNH ĐẠO

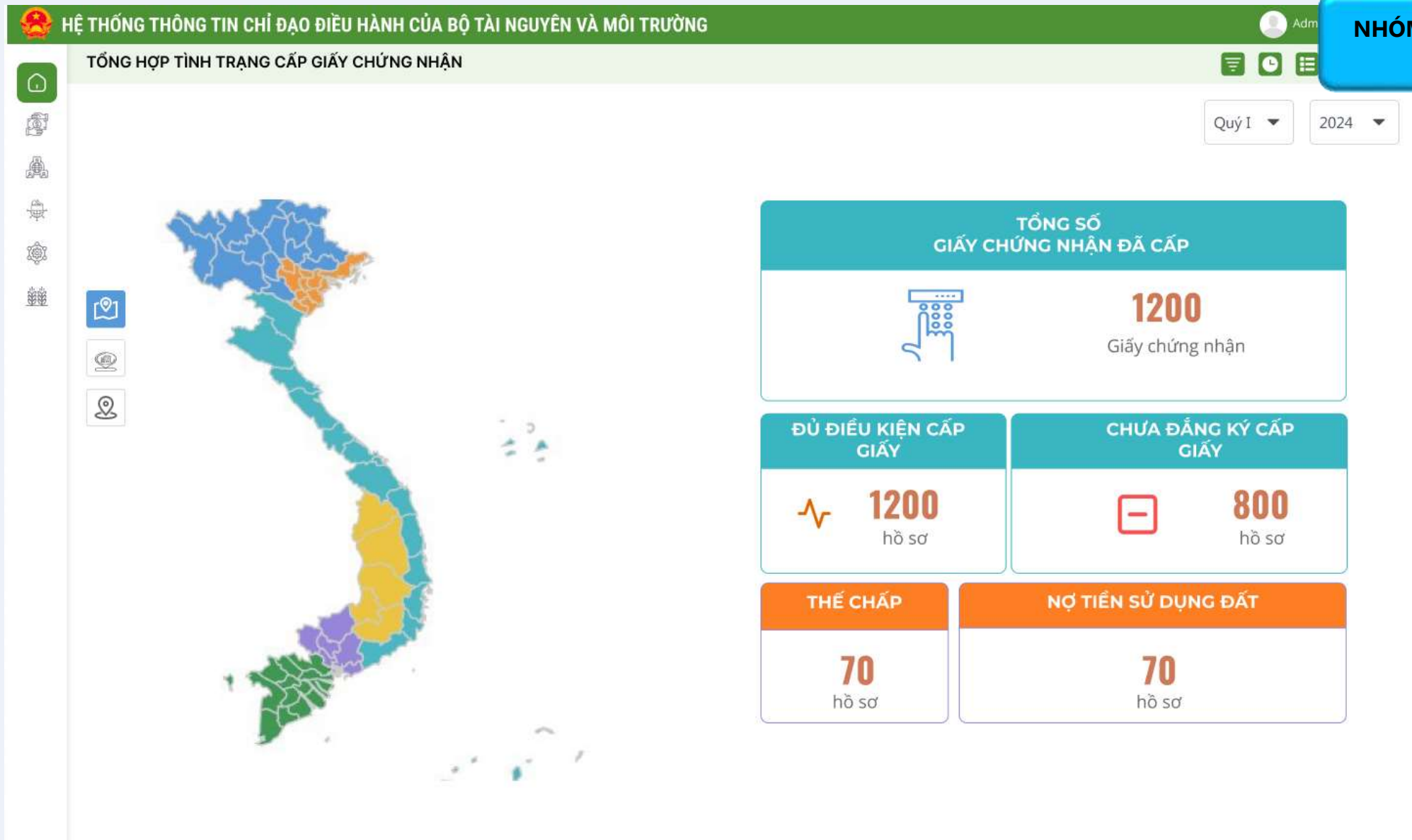


3.1. THỐNG KÊ TỔNG HỢP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI

NHÓM THÔNG TIN CHI TIẾT



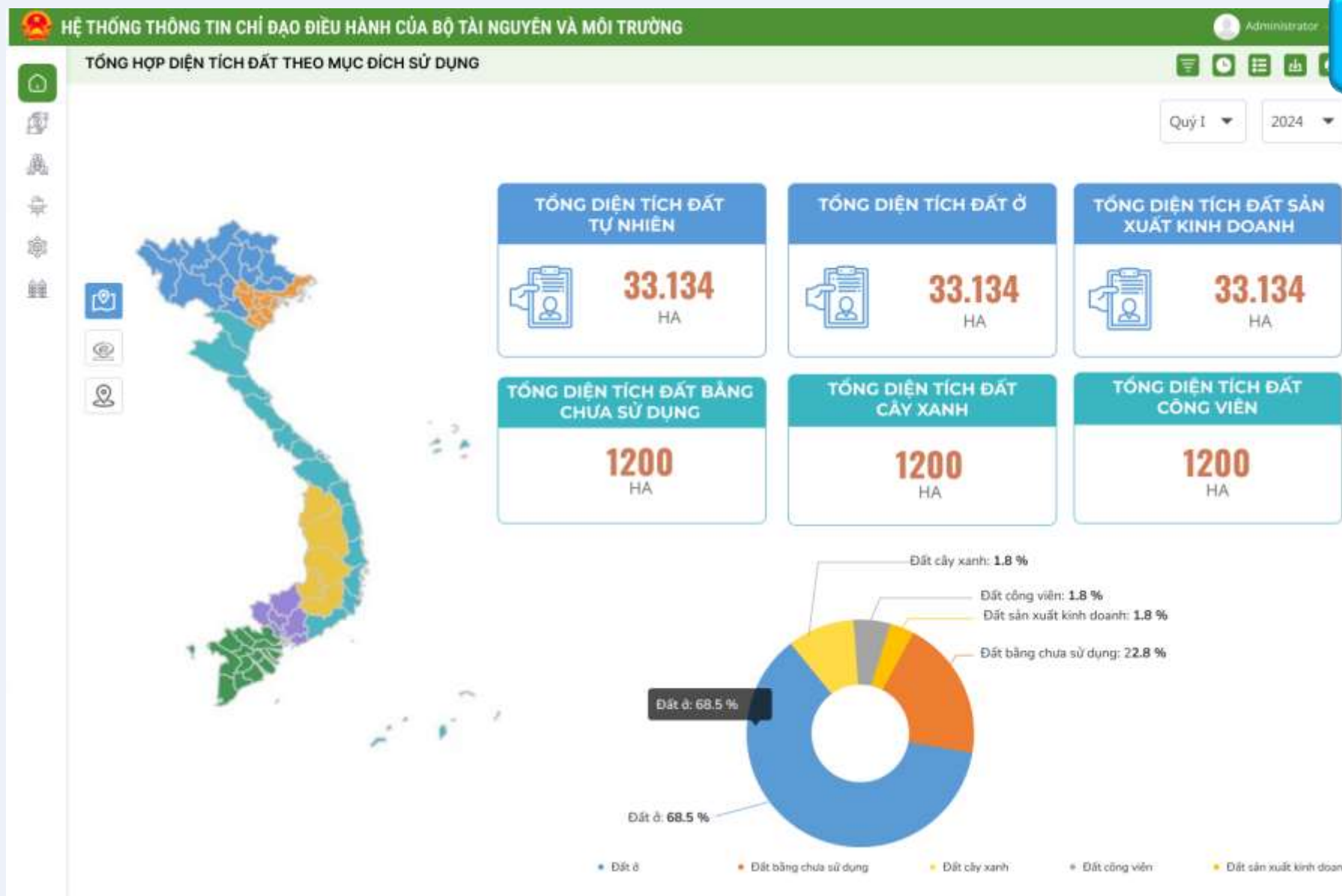
3.2. THỐNG KÊ TỔNG HỢP TÌNH TRẠNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐÃ CẤP



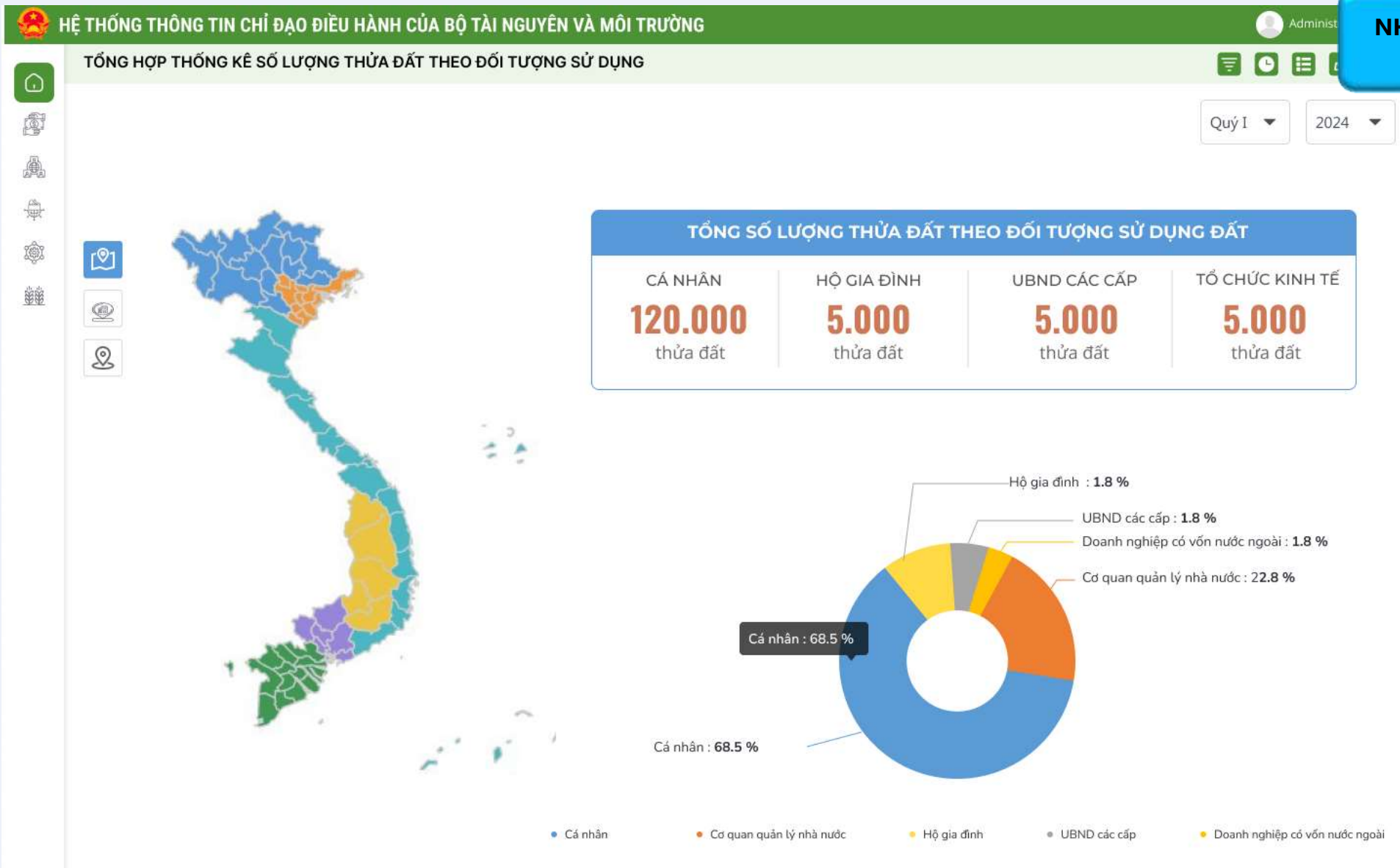
NHÓM THÔNG TIN CHI TIẾT

3.3. THỐNG KÊ TỔNG HỢP DIỆN TÍCH ĐẤT THEO MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

NHÓM THÔNG TIN CHI TIẾT



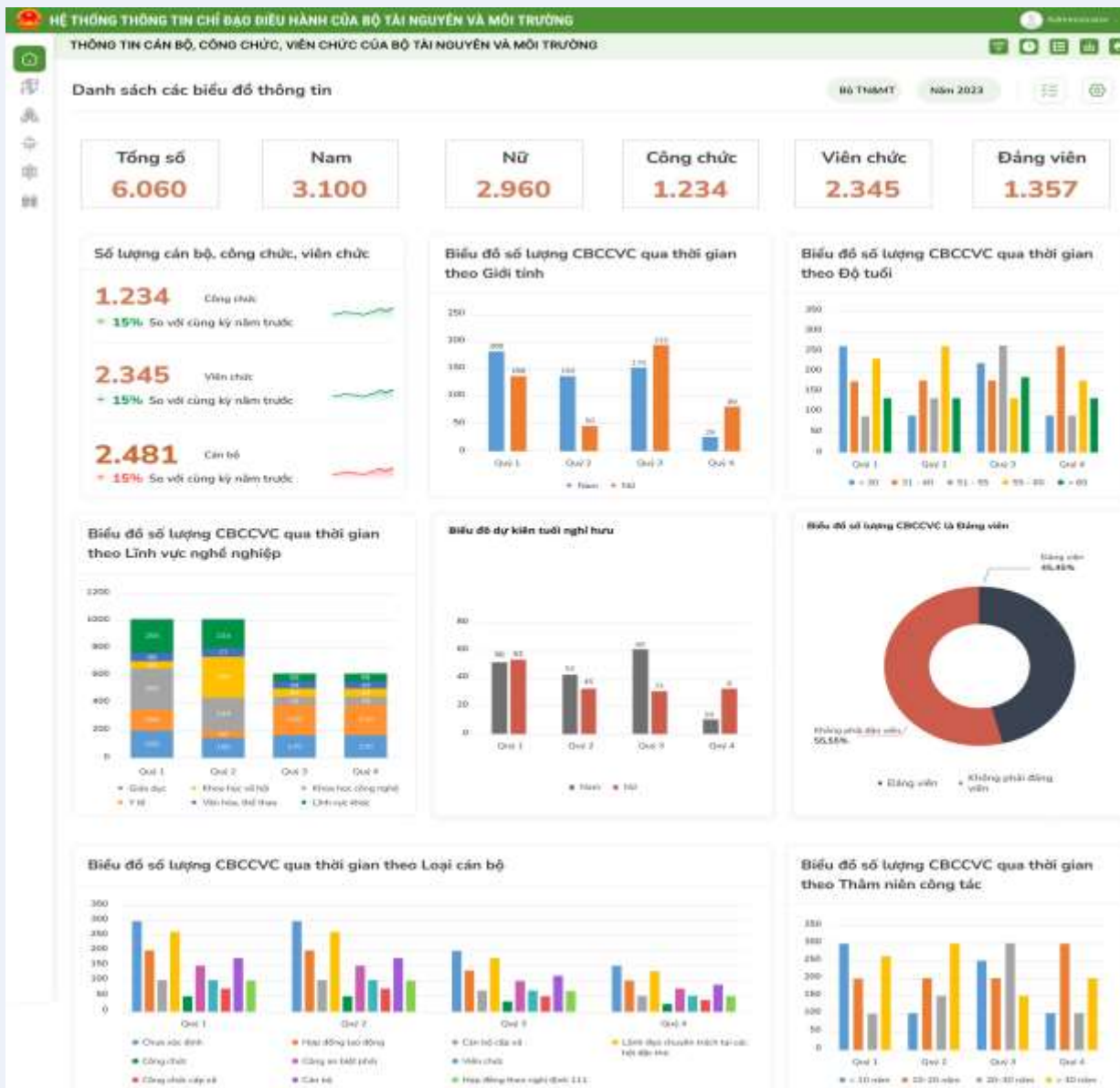
3.4. THỐNG KÊ TỔNG HỢP DIỆN TÍCH ĐẤT THEO ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG ĐẤT



NHÓM THÔNG TIN CHI TIẾT

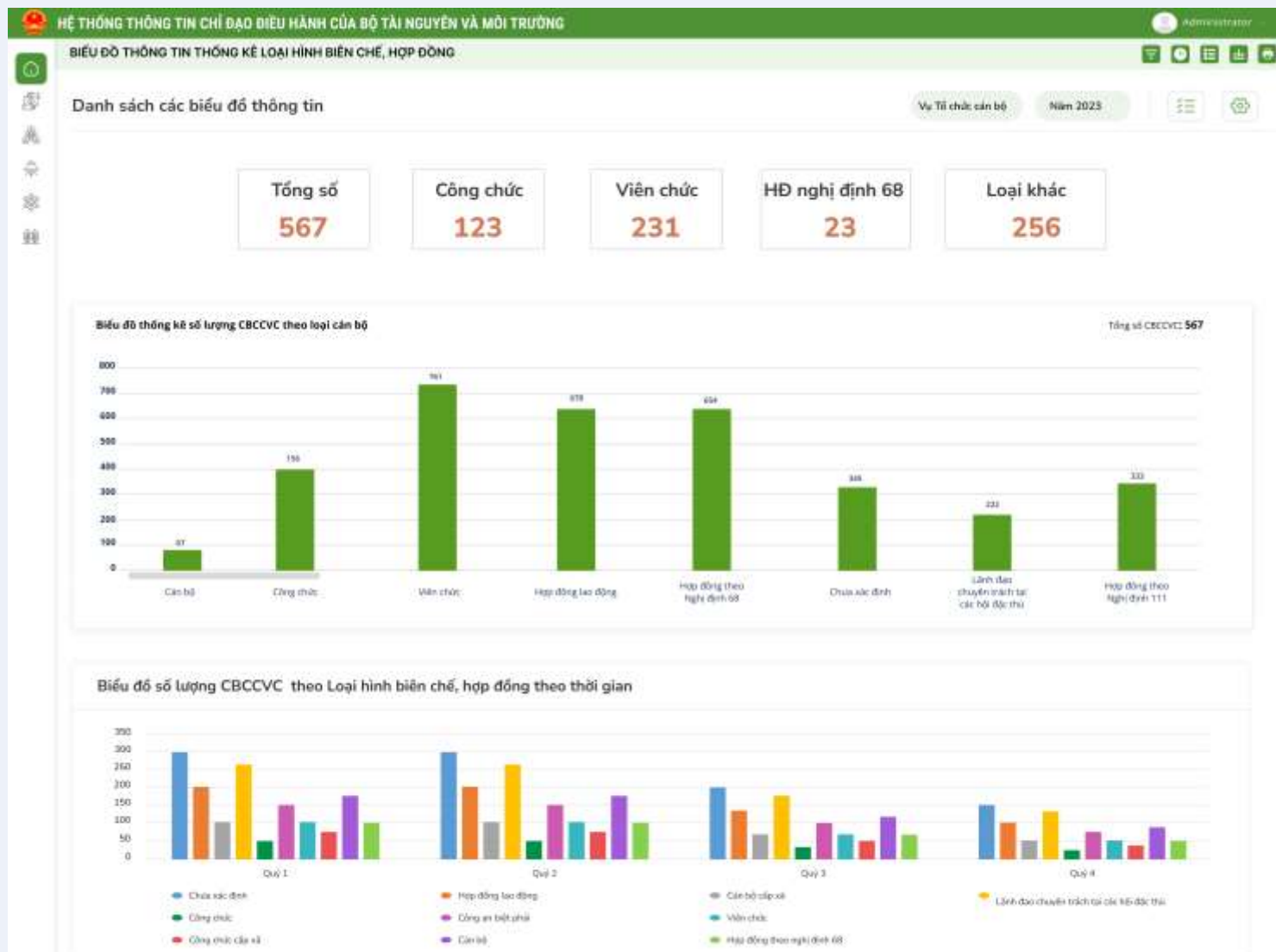
3. GIAO DIỆN DASHBOARD PHỤC VỤ CHO LÃNH ĐẠO

NHÓM THÔNG TIN TỔNG HỢP



2.2. THỐNG KÊ TỔNG HỢP THEO LOẠI HỢP ĐỒNG

NHÓM THÔNG TIN
CHI TIẾT





2.9

VỤ MÔI TRƯỜNG

1. GIAO DIỆN TRANG CHỦ VỤ MÔI TRƯỜNG



HỆ THỐNG THÔNG TIN CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Công tác xây dựng chính sách, pháp luật về BVMT



Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia; đánh giá môi trường chiến lược



Đánh giá tác động môi trường



Tổng hợp, đánh giá, báo cáo về công tác bảo vệ môi trường



Nhóm thông tin tổng hợp khác



VỤ MÔI TRƯỜNG



Thành phố Hà Nội



Thành phố Hồ Chí Minh



Quảng Ninh



Cà Mau



Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác,...

MỘT SỐ CHỈ TIÊU, CHỈ SỐ TỔNG HỢP PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

STT	Mã số	Mã số chỉ tiêu thống kê quốc gia tương ứng	Nhóm, tên chỉ tiêu
30	0403		Tỷ lệ các cơ sở, hộ gia đình sản xuất thuộc ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề được di dời, chuyển đổi ngành, nghề sản xuất theo quy định
31	0404		Tỷ lệ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được cấp chứng nhận quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001
32	0405		Tỷ lệ khu, bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường
33	0406		Giá trị trung bình năm của các thông số đặc trưng trong môi trường nước mặt
34	0407		Giá trị trung bình năm của các thông số đặc trưng trong môi trường nước dưới đất
35	0408		Giá trị trung bình năm của các thông số đặc trưng trong môi trường nước biển
36	0409		Giá trị trung bình năm của các thông số đặc trưng trong trầm tích đáy tại các sông, hồ, ven biển
37	0410		Giá trị trung bình năm của các thông số đặc trưng trong môi trường không khí
38	0411	2111	Tỷ lệ ngày trong năm có nồng độ PM _{2.5} và PM ₁₀ trong môi trường không khí vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép tại các đô thị từ loại IV trở lên
39	0412		Tỷ lệ số khu vực ô nhiễm môi trường đất được xử lý, cải tạo và phục hồi theo quy định
40	0413	2107	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý
41	0414		Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp
42	0415		Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được tái chế, tái sử dụng; đốt; đốt thu hồi năng lượng
43	0416	2106	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý
44	0417	2104	Số khu và diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên
45	0418		Số loài trong Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ được cập nhật
46	0419		Số loài trong Danh mục loài ngoại lai xâm hại được cập nhật

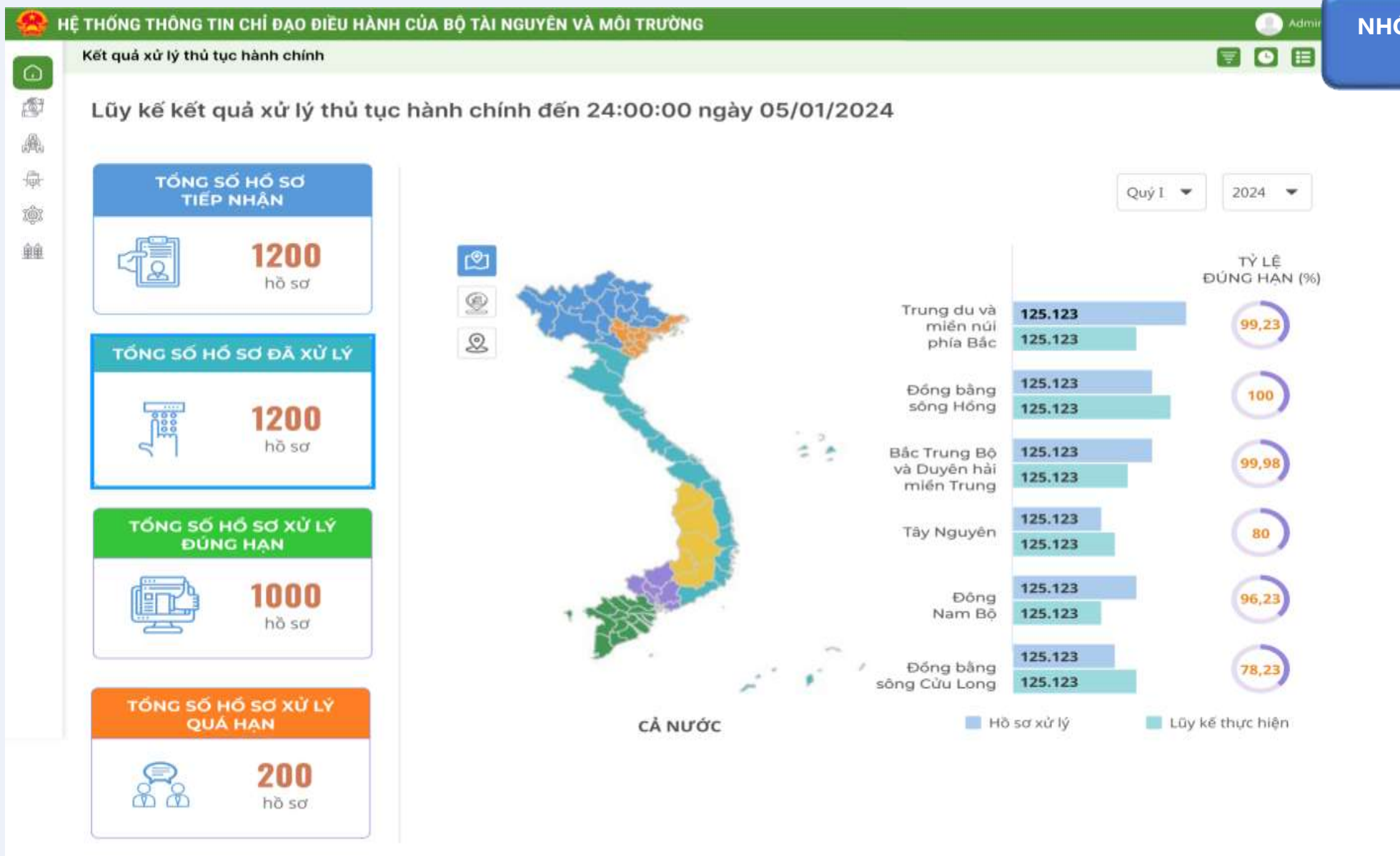
CHỈ TIÊU THỐNG KÊ

STT	Tên chỉ số	Đơn vị tính	Diễn giải	Bỏ	Ý kiến của đơn vị chuyên môn
1	Số phương án phục hồi, cải tạo môi trường được phê duyệt	Phương án	Các phương án phục hồi, cải tạo môi trường đã được phê duyệt tại các địa phương		
2	Số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	Cơ sở	Thống kê số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng		
3	Số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã được xử lý	Cơ sở	Thống kê số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã được xử lý		
4	Tỷ lệ xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	%	Tỷ lệ số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã được xử lý trên tổng số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng – lấy dữ liệu từ các địa phương		
5	Thống kê các cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải và tỉ lệ	Số cụm	Thống kê cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải		
6	Tổng số cụm công nghiệp	Số cụm	Tổng số cụm công nghiệp		
7	Tỷ lệ các cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải	%	Tỷ lệ các cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải trên tổng số cụm công nghiệp		
8	Thống kê các khu công nghiệp	Khu công nghiệp	Thống kê các khu công nghiệp theo địa phương		
9	Thống kê các khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải	Khu công nghiệp	Thống kê các khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải theo các địa phương		
10	Tỷ lệ các khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải	%	Tỷ lệ các khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải trên tổng số khu công nghiệp		
11	Giấy phép đã cấp cho hoạt động nguy hại môi trường	Giấy	Thống kê số giấy phép đã cấp cho hoạt động gây nguy hại môi trường bao gồm: 1,Vận chuyển xuyên biên giới chất thải nguy hại 2,Vận chuyển hàng nguy hiểm 3,Hành nghề quản lý chất thải nguy hại 4,Đăng ký tiếp cận nguồn gen		

CHỈ TIÊU ĐỀ XUẤT

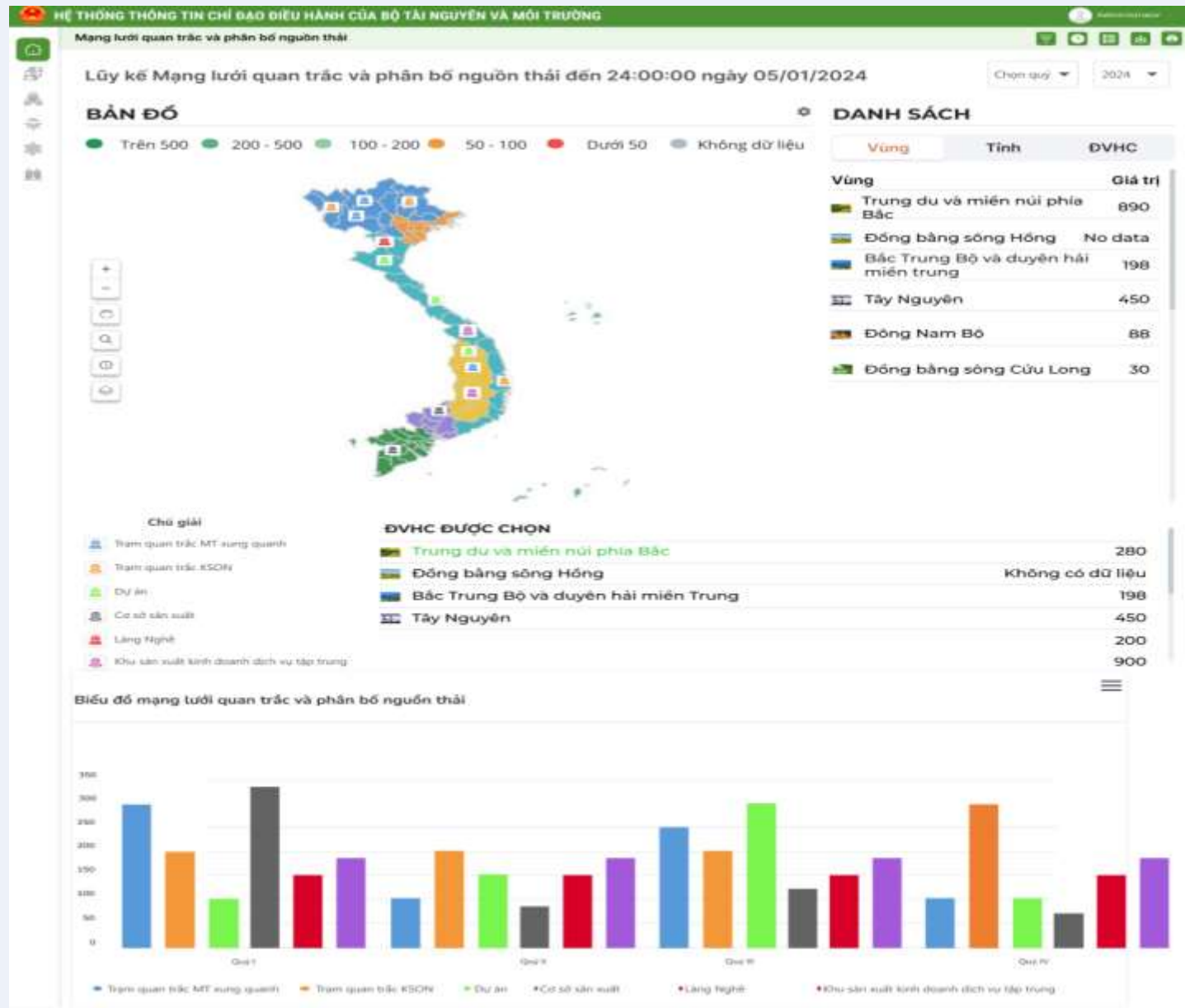
2. GIAO DIỆN DASHBOARD PHỤC VỤ CHO LÃNH ĐẠO

NHÓM THÔNG TIN TỔNG HỢP



3. BẢN ĐỒ MẠNG LƯỚI TRẠM VÀ PHÂN BỐ NGUỒN THẢI

NHÓM THÔNG TIN TRỰC TUYẾN



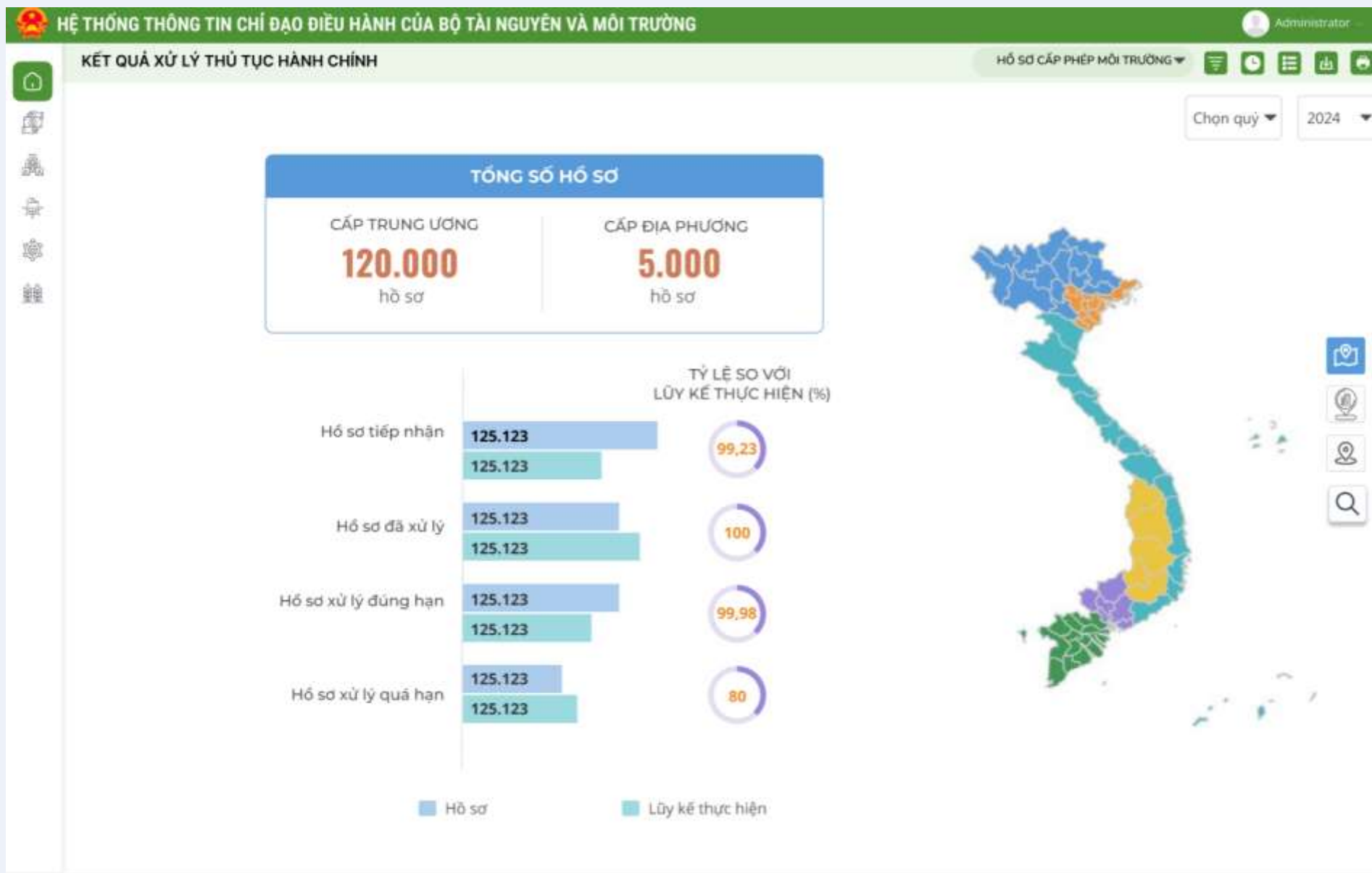
4.1. THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THEO DANH MỤC TTHC

NHÓM THÔNG TIN CHI TIẾT



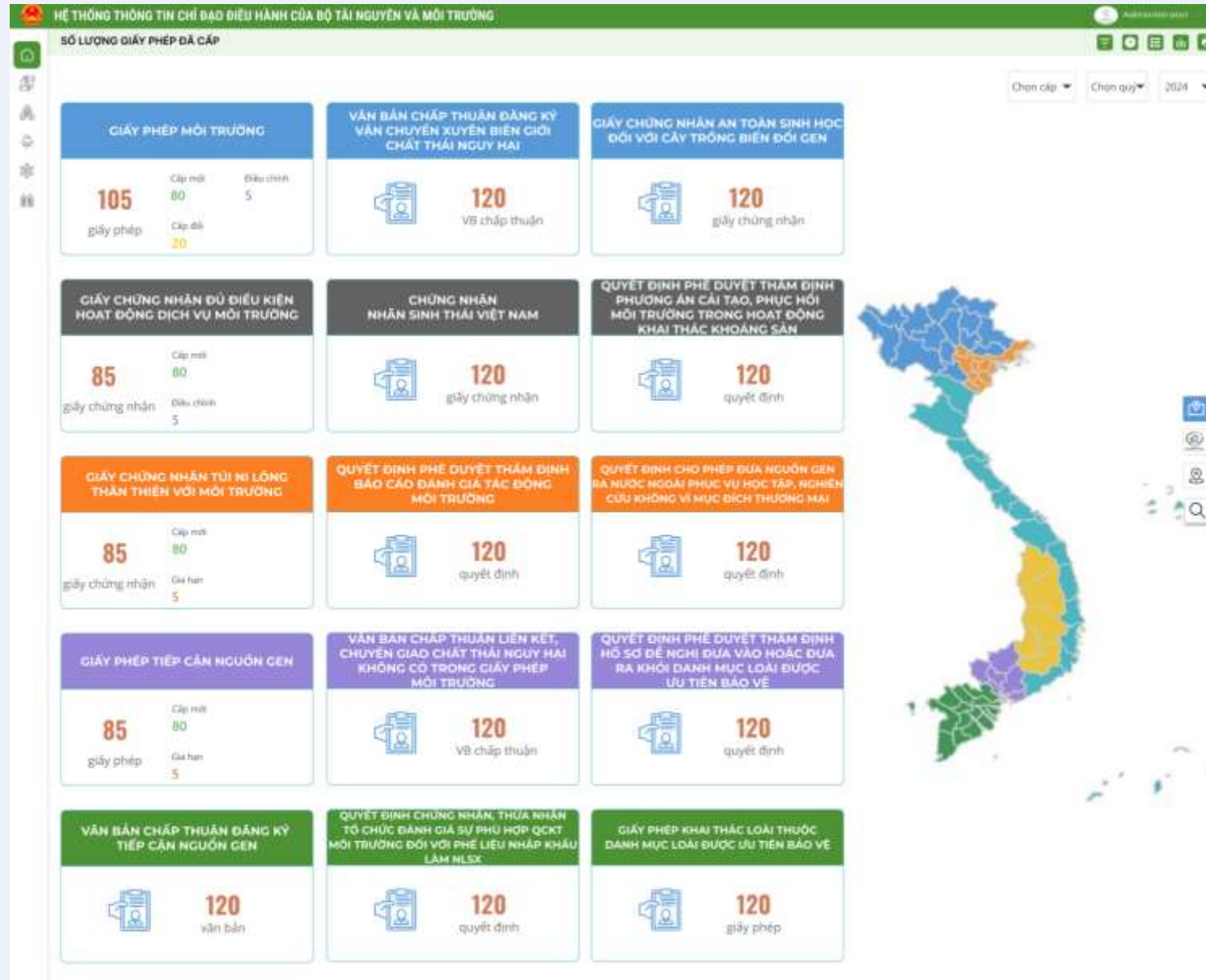
4.2. THỐNG KÊ KẾT QUẢ XỬ LÝ THEO DANH MỤC TTHC

NHÓM THÔNG TIN
CHI TIẾT

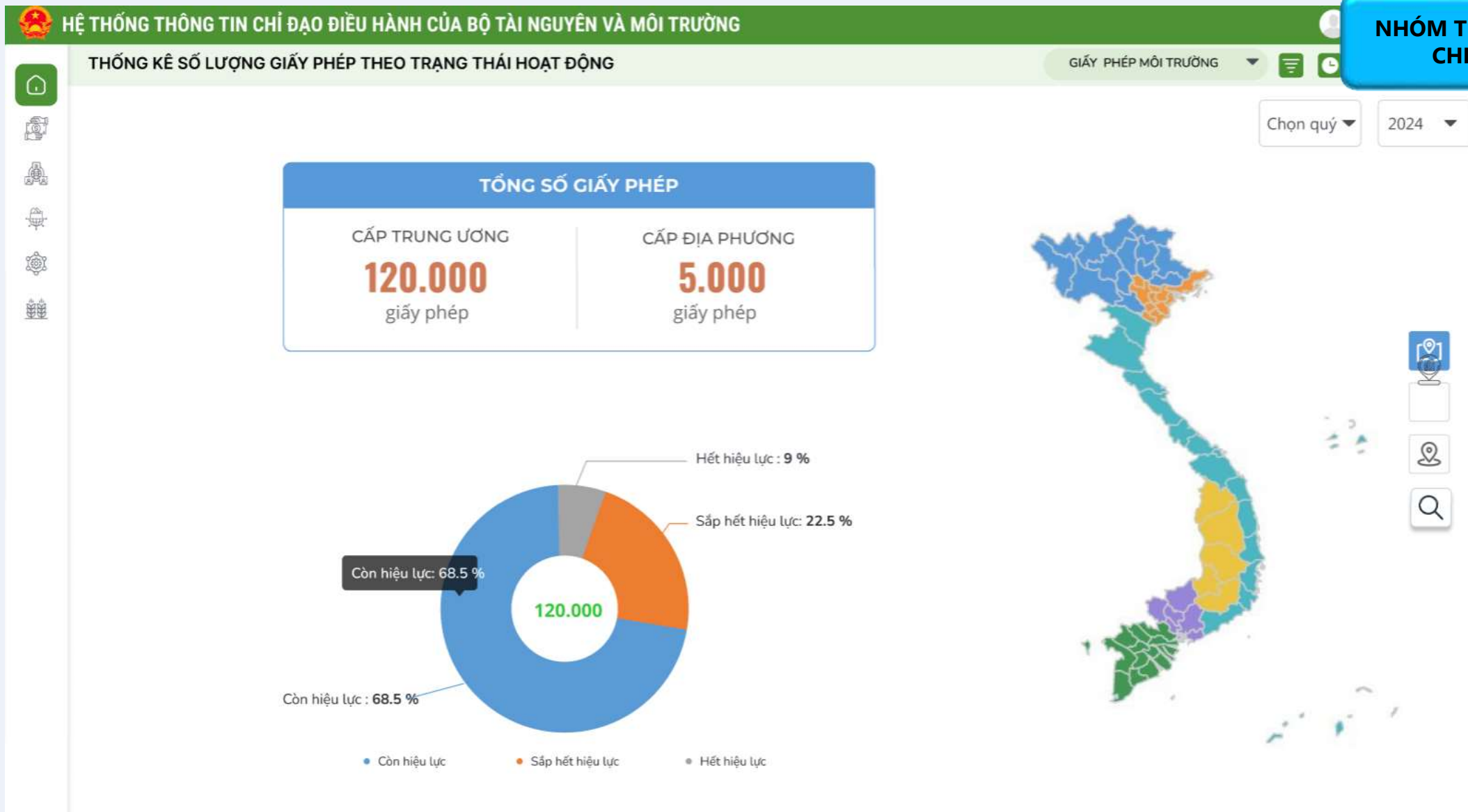


4.3. THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG CẤP PHÉP THEO DANH MỤC TTHC

NHÓM THÔNG TIN
CHI TIẾT

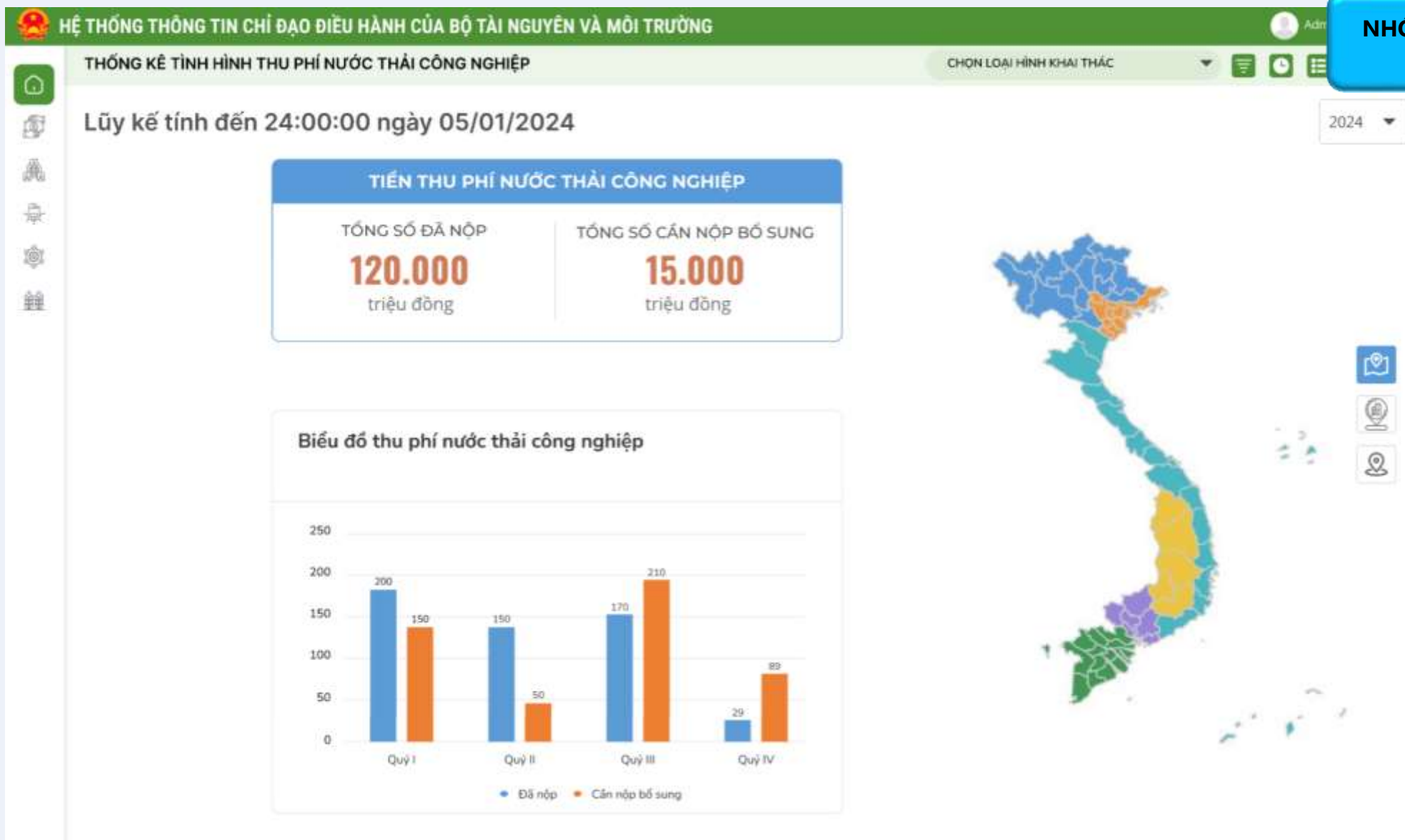


4.4. THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG GIẤY PHÉP THEO TÌNH TRẠNG HIỆU LỰC



NHÓM THÔNG TIN CHI TIẾT

4.5. THỐNG KÊ TÌNH HÌNH THU PHÍ NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP



NHÓM THÔNG TIN
CHI TIẾT

3.1. CHI TIẾT KẾT QUẢ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (PEPI) CÁC ĐỊA PHƯƠNG

NHÓM THÔNG TIN TỔNG HỢP



CHI TIẾT CHỈ SỐ NHÓM I (27 CHỈ SỐ) CÁC ĐỊA PHƯƠNG



TT	Tỉnh/ thành phố	Chỉ số 1			Chỉ số 2			Chỉ số 3			Chỉ số 4			Chỉ số 5			Chỉ số 7		
		Kq tự đánh giá (%)	Kq sau rà soát (%)	Số điểm quy đổi	Kq tự đánh giá (%)	Kq sau rà soát (%)	Số điểm quy đổi	Kq tự đánh giá (%)	Kq sau rà soát (%)	Số điểm quy đổi	Kq tự đánh giá (%)	Kq sau rà soát (%)	Số điểm quy đổi	Kq tự đánh giá (%)	Kq sau rà soát (%)	Số điểm quy đổi	Kq tự đánh giá (%)	Kq sau rà soát (%)	Số điểm quy đổi
1	An Giang	12,69	12,48	0,47	100,00	100,00	3,75	100,00	100,00	3,75	0,00	0,00	0,00	100,00	100,00	2,75	2,89	2,89	0,20
2	Bà Rịa Vũng Tàu	13,54	9,87	0,37	100,00	100,00	3,75	100,00	100,00	3,75	100,00	100,00	2,75	100,00	100,00	2,75	7,27	7,12	0,50
3	Bắc Giang	42,85	56,32	1,97	100,00	100,00	3,50	100,00	100,00	3,50	15,30	13,33	0,33	100,00	100,00	2,50	9,39	9,39	0,60
4	Bắc Kạn	11,00	26,01	1,04	100,00	100,00	4,00	100,00	100,00	4,00	K	K	0,00	90,00	90,00	2,70	11,54	11,54	0,88
5	Bạc Liêu	0,00	0,00	0,00	100,00	80,00	3,44	0,00	0,00	0,00	K	K	0,00	100,00	100,00	3,30	6,19	7,37	0,62
6	Bắc Ninh	49,22	49,22	1,72	73,17	73,17	2,56	90,00	90,00	3,15	19,05	19,05	0,48	100,00	100,00	2,50	5,82	5,82	0,37
7	Bến Tre	0,00	0,00	0,00	100,00	100,00	3,75	100,00	100,00	3,75	0,00	0,00	0,00	100,00	100,00	2,75	21,00	20,47	1,43
8	Bình Định	22,34	22,34	0,84	68,52	68,52	2,57	100,00	100,00	3,75	18,18	18,18	0,50	100,00	100,00	2,75	8,63	8,63	0,60
9	Bình Dương	70,00	26,23	0,98	96,40	92,43	3,47	100,00	100,00	3,75	100,00	100,00	2,75	100,00	100,00	2,75	3,51	3,51	0,25
10	Bình Phước	20,39	20,39	0,76	86,53	86,53	3,24	100,00	100,00	3,75	100,00	0,00	0,00	78,57	78,57	2,16	12,77	12,77	0,89
11	Bình Thuận	T	0,00	0,00	96,18	96,18	3,37	100,00	100,00	3,50	4,35	4,35	0,11	78,26	78,26	1,96	7,73	7,73	0,49
12	Cà Mau	0,00	0,00	0,00	76,00	76,00	2,66	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	85,00	85,00	2,13	16,00	15,53	0,99
13	Cần Thơ	23,79	23,79	1,17	100,00	100,00	4,90	83,33	83,33	4,08	K	K	0,00	100,00	97,56	3,80	4,45	4,21	0,42
14	Cao Bằng	0,00	0,00	0,00	100,00	100,00	5,00	K	K	0,00	K	K	0,00	94,12	94,12	3,76	14,95	14,95	1,52
15	Đà Nẵng	88,19	88,19	3,09	98,88	98,88	3,46	100,00	100,00	3,50	100,00	100,00	2,50	90,91	90,91	2,27	4,56	5,22	0,33
16	Đắk Lắk	15,86	15,86	0,56	100,00	100,00	3,50	100,00	100,00	3,50	0,00	0,00	0,00	96,77	96,77	2,42	11,22	11,22	0,71
17	Đắk Nông	4,96	4,96	0,19	84,62	84,62	3,17	100,00	100,00	3,75	0,00	0,00	0,00	80,00	80,00	2,20	15,37	15,37	1,07
18	Điện Biên	33,68	33,68	1,52	100,00	100,00	4,50	K	K	0,00	0,00	0,00	0,00	100,00	100,00	3,50	28,64	28,64	2,55
19	Đồng Nai	2,34	2,34	0,08	100,00	100,00	3,50	100,00	96,77	3,39	0,00	0,00	0,00	100,00	100,00	2,50	2,43	2,43	0,15

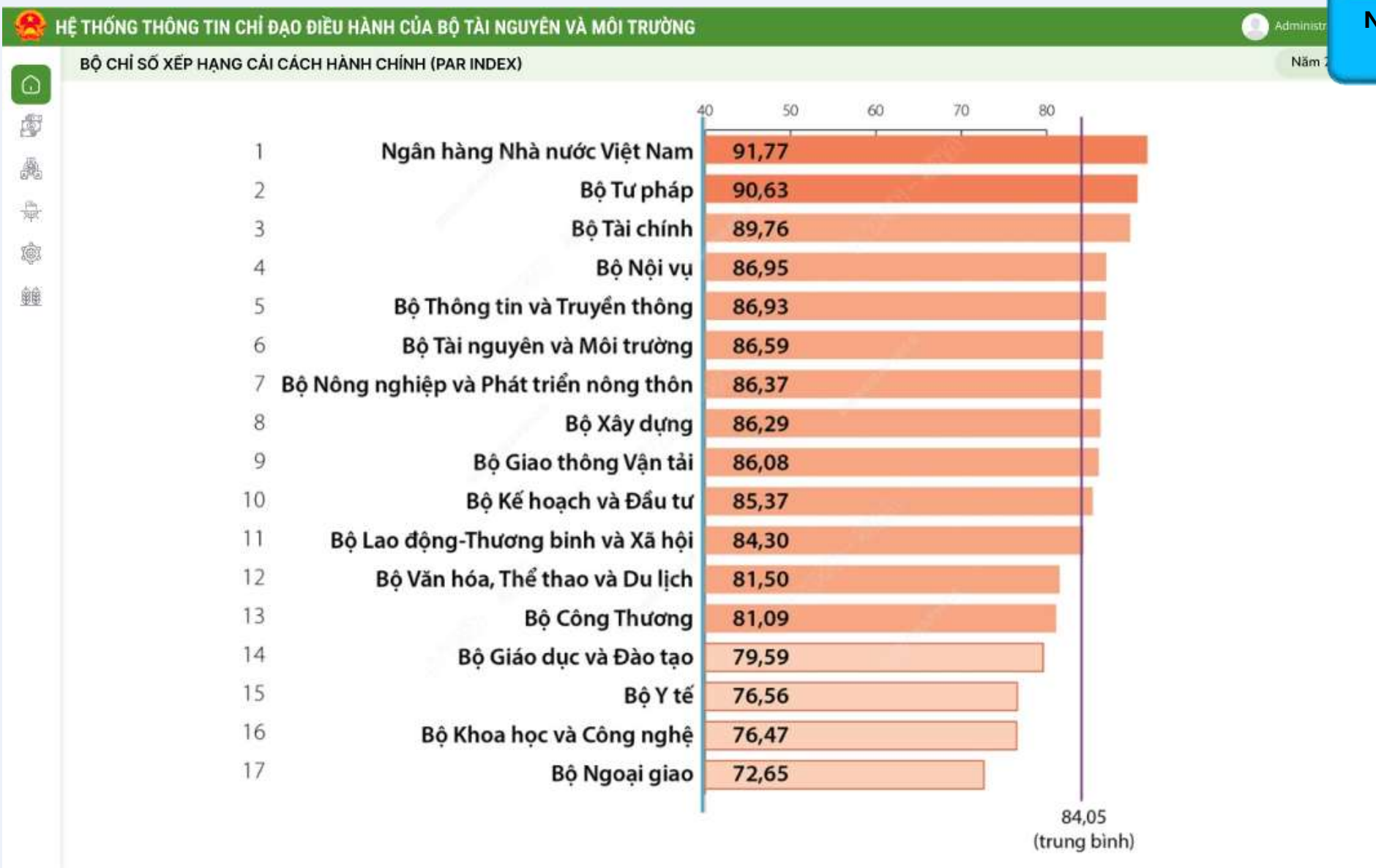


2.10

CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. BỘ CHỈ SỐ XẾP HẠNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (PAR INDEX)

NHÓM THÔNG TIN
CHI TIẾT



2. BỘ CHỈ SỐ XẾP HẠNG ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ (DTI)

NHÓM THÔNG TIN
CHI TIẾT

HỆ THỐNG THÔNG TIN CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG Administrator

BỘ CHỈ SỐ XẾP HẠNG ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ (DTI) Năm 2022

XẾP HẠNG DTI	CẤP BỘ VÀ CƠ QUAN NGANG BỘ (CÓ DVC)	XẾP HẠNG TỔNG HỢP
1	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	1
2	Bộ Tài chính	2
3	Bộ Tài nguyên và Môi trường	3
4	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	4
5	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	5
6	Bộ Thông tin và Truyền thông	6
7	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	7
8	Bộ Công Thương	8
9	Bộ Giao thông vận tải	9
10	Bộ Nội vụ	10
11	Bộ Giáo dục và Đào tạo	11
12	Bộ Xây dựng	12
13	Bộ Y tế	13
14	Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội	14
15	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	15
16	Bộ Tư pháp	16
17	Bộ Khoa học và Công nghệ	17

2.1. THEO DÕI THEO GIÁ TRỊ DTI

**NHÓM THÔNG TIN
CHI TIẾT**

HỆ THỐNG THÔNG TIN CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Administrat

Năm 20

THEO DÕI THEO GIÁ TRỊ DTI

Xếp hạng DTI	Cấp bộ và cơ quan ngang bộ (C0 DVC)	Chỉ số Nhân thức số	Chỉ số Thẻ chẻ số	Chỉ số Hạ tầng số	Chỉ số Nhân lực số	Chỉ số An toàn thông tin mạng	Chỉ số Hoạt động chuyển đổi số	CHUYỂN ĐỔI SỐ CẤP BỘ (MDTI)
1	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	1.0000	1.0000	0.8000	1.0000	0.6108	0.7616	0.8219
2	Bộ Tài chính	1.0000	0.8000	0.6446	0.6616	0.4303	0.7140	0.7107
3	Bộ Tài nguyên và Môi trường	0.8000	0.9000	0.7417	0.6450	0.3319	0.5633	0.6235
4	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	0.8000	0.8000	0.4583	0.3374	0.5034	0.6511	0.6155
5	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	0.8000	0.3500	0.7018	0.4056	0.5945	0.6501	0.6103
6	Bộ Thông tin và Truyền thông	0.8000	0.8000	0.4375	0.6273	0.5770	0.5558	0.6021
7	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	0.8167	0.7000	0.5025	0.8323	0.4409	0.5397	0.5991
8	Bộ Công Thương	0.5889	0.6000	0.6446	0.6686	0.3116	0.6266	0.5947
9	Bộ Giao thông vận tải	0.9111	0.6000	0.5025	0.2720	0.2557	0.5873	0.5478
10	Bộ Nội vụ	0.6444	0.6000	0.5000	0.7453	0.1949	0.5276	0.5322
11	Bộ Giáo dục và Đào tạo	0.5667	0.5500	0.4625	0.6269	0.2791	0.5495	0.5233
12	Bộ Xây dựng	0.8889	0.6000	0.5375	0.6857	0.2958	0.4243	0.5129
13	Bộ Y tế	0.6000	0.5500	0.5617	0.2314	0.3697	0.4912	0.4769
14	Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội	0.7222	0.3000	0.4500	0.3982	0.1060	0.4931	0.4442
15	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0.8000	0.4000	0.5436	0.4195	0.2667	0.3985	0.4422
16	Bộ Tư pháp	0.7222	0.5000	0.5375	0.2819	0.4395	0.3434	0.4198
17	Bộ Khoa học và Công nghệ	0.4444	0.5000	0.4500	0.2396	0.2841	0.4266	0.4051

2.2. THEO DÕI XẾP HẠNG CÁC NHÓM CHỈ SỐ DTI

NHÓM THÔNG TIN
CHI TIẾT

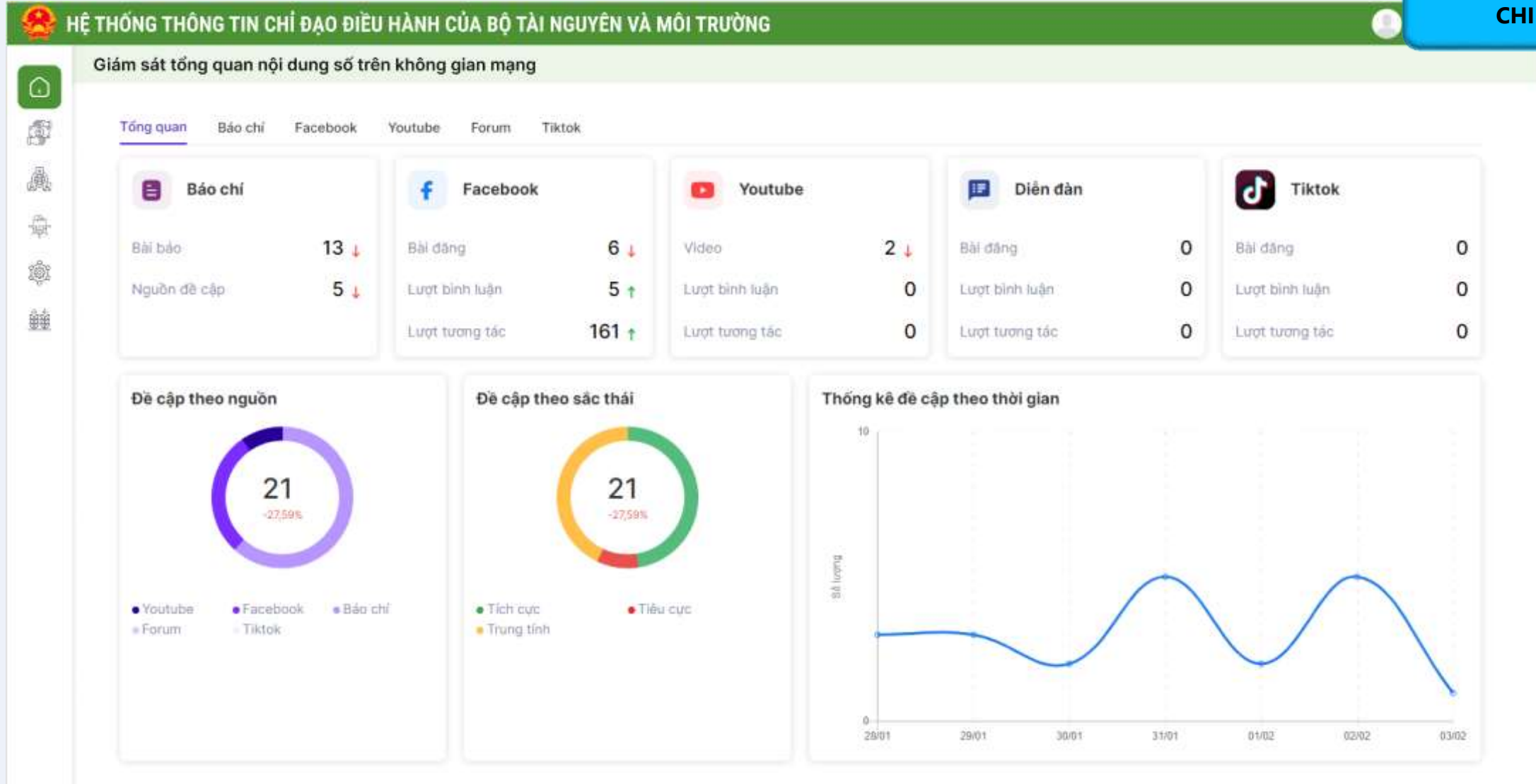
 **HỆ THỐNG THÔNG TIN CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG** Administrator

THEO DÕI XẾP HẠNG CÁC NHÓM CHỈ SỐ DTI Năm 2022

Xếp hạng DTI	Cấp bộ và cơ quan ngang bộ (Cá DVC)	Chỉ số Nhân thức số	Chỉ số Thể chế số	Chỉ số Hạ tầng số	Chỉ số Nhân lực số	Chỉ số An toàn thông tin mạng	Chỉ số Hoạt động chuyển đổi số	CHUYỂN ĐỔI SỐ CẤP BỘ (MDTI)
1	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	1.0000	1.0000	0.8000	1.0000	0.6108	0.7616	0.8219
2	Bộ Tài chính	1.0000	0.8000	0.6446	0.6616	0.4303	0.7140	0.7107
3	Bộ Tài nguyên và Môi trường	0.8000	0.9000	0.7417	0.6450	0.3319	0.5633	0.6235
4	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	0.8000	0.8000	0.4583	0.3374	0.5034	0.6511	0.6155
5	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	0.8000	0.3500	0.7018	0.4056	0.5945	0.6501	0.6103
6	Bộ Thông tin và Truyền thông	0.8000	0.8000	0.4375	0.6273	0.5770	0.5558	0.6021
7	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	0.8167	0.7000	0.5025	0.8323	0.4409	0.5397	0.5991
8	Bộ Công Thương	0.5889	0.6000	0.6446	0.6686	0.3116	0.6266	0.5947
9	Bộ Giao thông vận tải	0.9111	0.6000	0.5025	0.2720	0.2557	0.5873	0.5478
10	Bộ Nội vụ	0.6444	0.6000	0.5000	0.7453	0.1949	0.5276	0.5322
11	Bộ Giáo dục và Đào tạo	0.5667	0.5500	0.4625	0.6269	0.2791	0.5495	0.5233
12	Bộ Xây dựng	0.8889	0.6000	0.5375	0.6857	0.2958	0.4243	0.5129
13	Bộ Y tế	0.6000	0.5500	0.5617	0.2314	0.3697	0.4912	0.4769
14	Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội	0.7222	0.3000	0.4500	0.3982	0.1060	0.4931	0.4442
15	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0.8000	0.4000	0.5436	0.4195	0.2667	0.3985	0.4422
16	Bộ Tư pháp	0.7222	0.5000	0.5375	0.2819	0.4395	0.3434	0.4198
17	Bộ Khoa học và Công nghệ	0.4444	0.5000	0.4500	0.2396	0.2841	0.4266	0.4051

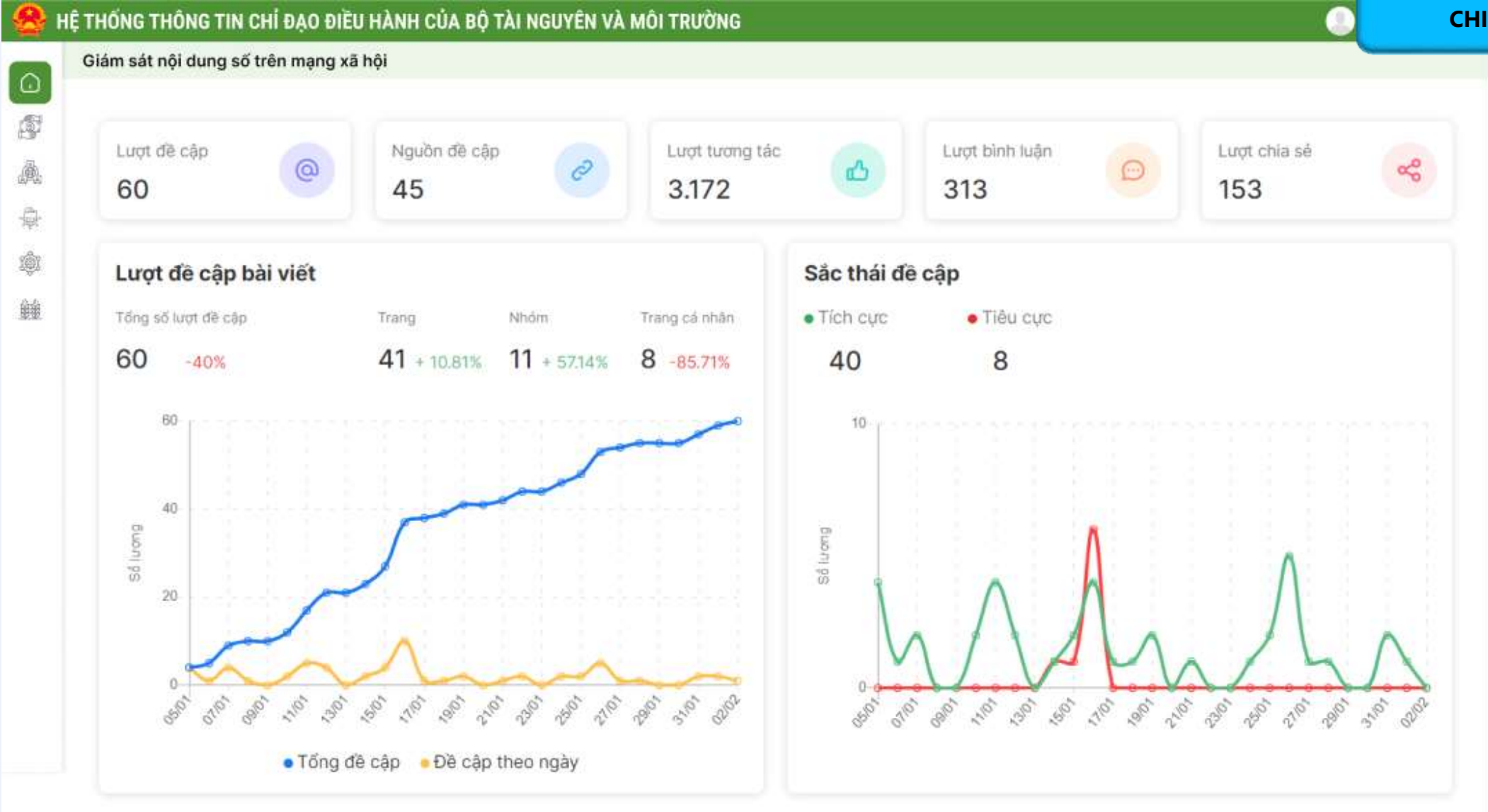
3. THEO DÕI THÔNG TIN BÁO CHÍ

NHÓM THÔNG TIN CHI TIẾT



3.2. THEO DÕI CHI TIẾT THÔNG TIN TRÊN MẠNG XÃ HỘI

NHÓM THÔNG TIN
CHI TIẾT



03

Trao đổi, thảo luận



TRAO ĐỔI, THẢO LUẬN



THẢO LUẬN & GÓP Ý VỀ NỘI DUNG CHỈ TIÊU, CHỈ SỐ TỔNG HỢP PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA CÁC LĨNH VỰC THUỘC ĐƠN VỊ



THẢO LUẬN VỀ MỨC ĐỘ SẴN SÀNG VỀ THÔNG TIN DỮ LIỆU ĐÁP ỨNG CÁC CHỈ TIÊU PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH TRONG LĨNH VỰC THUỘC ĐƠN VỊ



CHIA SẺ CÁC KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC CỦA CÁC ĐƠN VỊ (NẾU CÓ)

ĐỀ XUẤT CÁC ĐƠN VỊ CỬ ĐẦU MỖI PHỐI HỢP ĐỂ XÂY DỰNG BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CHO CÁC LĨNH VỰC CỦA ĐƠN VỊ





TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
MINISTRY OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT